

**BỘ PHÁP BẢO: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG BÊN THẦY CHÚNG
CON HỌC ĐẠO – ĐƯỢC TRÍCH LỤC TỪ KINH SÁCH TU VIỆN
CHƠN NHƯ, DIỄN ĐÀN, TRÊN MẠNG, ĐẶC SAN & TÂM KÝ**

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
Bên Thầy Chúng Con Học Đạo
(TẬP TÁM)



(Trưởng Lão Lưu Niệm Hình Với Nam Tu Sinh Lớp Chánh Kiến)

NỘI DUNG TRÍCH LỤC TẬP TÁM

Trang



<i>Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh</i>	5
<i>Năm nào Đức Phật chế giới luật...</i>	27
<i>Bỏ những giới nhỏ nhặt</i>	33
<i>Đừng lợi dụng thiện xảo, linh động, để sửa giáo pháp & giới...</i>	41
<i>Khê lý, kế cơ</i>	43
<i>Những giới không thích hợp được thay thế bằng những...</i>	46
<i>Tâm quan trọng của Giới Bổn Tân Tu</i>	48
<i>Những Thầy phạm giới là sao thay đổi và sửa giới luật được</i>	49
<i>Giáo đoàn xuất gia còn là đạo Phật còn</i>	51
<i>Cứ 25 năm giới luật phải được sửa đổi</i>	52
<i>Thay đổi giới luật có làm ảnh hưởng đến Phật Giáo không</i>	54
<i>Giới luật Phật là pháp môn căn bản để tu tập thoát khổ</i>	55
<i>Phạm hạnh có chấp nhận chùa to Phật lớn không</i>	71
<i>Thế giới siêu hình</i>	73
<i>Bốn thiên vô sắc</i>	89
<i>Vọng tưởng</i>	107
<i>Như lý tác ý</i>	119
<i>Ức chế tâm có hại gì</i>	127

(HẾT TẬP TÁM)

“BỒ TÁT BỆNH VÌ CHÚNG SANH BỆNH”

Hỏi: Kính thưa Thầy! Như trong kinh Duy Ma Cát dạy: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh” câu kinh này dạy có đúng theo giáo lý của đạo Phật hay không? Kính xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Kinh Duy Ma Cát là kinh phát triển của Đại Thừa. Kinh giáo Đại Thừa là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình, nó không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị lường gạt tưởng là rồng thật. Giáo lý Đại Thừa và Thiên Đông Độ cũng lường gạt tin đồ như vậy, tưởng là một chân lý siêu việt của đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chấp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu.

Câu: “Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh” cũng giống như câu: “Chúa chịu đóng đinh trên thánh giá là vì Chúa chịu khổ thay cho con người”.

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh của Phật giáo, các vị lãnh đạo Phật giáo, lúc bấy giờ nguồn gốc là những giáo sĩ Bà La Môn và lục sư ngoại đạo. Vì thế kinh sách phát triển của Đại Thừa, do các vị này biên soạn và viết ra, nên các ngài cố tình đìm giáo lý của đức Phật xuống và lồng giáo lý của mình vào, để phát triển một Phật giáo mới mang tên là “Phật Giáo Đại Thừa”.

Trước khi nhập diệt, Đức Phật đã nhìn thấy đám môn đồ của mình chưa có ai là người đủ khả năng lãnh đạo giáo hội và duy trì giáo pháp của mình.

Ngài biết rất rõ, những kẻ có khả năng, có trí tuệ, có học thức đều xuất thân từ trong các gia đình của Bà La Môn và Lục sư ngoại đạo, họ còn mang đầy ắp những kiến chấp trong tôn giáo của họ. Do những kiến chấp này họ không thực hiện theo giáo pháp của đức Phật. Và cũng vì thế, họ tu hành không giải thoát, không chứng đạt. Còn những đệ tử của đức Phật đã tu chứng thì họ đã nhập diệt trước Phật còn lại một số ít, khi đức Phật nhập diệt xong và giáo đoàn bị phân hóa chia làm nhiều bộ phái, do những người có trình độ kiến thức tranh danh, đạt lợi với nhau. Vì thế đức Phật biết rất rõ trong số những đệ tử này, nên không trao quyền thừa kế lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo cho ai cả, chỉ nhắc nhở các đệ tử của mình nên lấy giới luật và giáo pháp làm thầy, không nên nương tựa vào ai cả. Ngài đã từng dạy: con người có ba tướng:

- 1- Nhân tướng
- 2- Hành tướng
- 3- Đặc tướng

Do ba đặc tướng ấy nên con người không ai giống ai được. Vì thế đức Phật không trao quyền thừa kế cho người đệ tử nào hết, nếu được trao quyền, họ sẽ dạy đạo theo đặc tướng riêng của họ, thì Phật Pháp sẽ bị lệch đi, không còn đúng chánh pháp, dù đó là những người đệ tử đã tu chứng, còn những hạng đệ tử tu không chứng, thì

lại còn không được trao quyền thừa kế hơn nữa. Vậy mà sau này, các vị giáo sĩ Bà La Môn còn bịa chuyện ”Niêm hoa trên núi Linh Thứu rằng đức Phật đã trao quyền cho Ngài Ca Diếp thừa kế làm tổ thứ nhất”. Đó là một câu chuyện bịa đặt thế mà mọi người vẫn tin và còn tiếp tục xây dựng thành 33 vị Tổ Sư Thiên Đông Độ.

Tuy rằng, không được trao quyền thừa kế, nhưng họ đã khéo léo biến Phật giáo thành thần giáo. Giáo lý của Phật biến thành một giáo lý chấp ngã, thần quyền, mê tín, mơ hồ, trừu tượng, lạc hậu, phi đạo đức đi ngược lại giáo lý chân chánh của đạo Phật.

Những vị giáo sĩ Bà La Môn và giáo sĩ của Lục Sư Ngoại đạo đã theo Ngài tu hành đạt được đạo giải thoát thì lần lượt họ đã thị tịch trước hoặc sau Ngài không bao lâu, còn lại những người tu chưa chứng đắc, tâm danh lợi còn đầy dẫy. Những vị Tỳ Kheo này là những Tỳ Kheo phá giới, phạm giới, sống không đúng Phạm hạnh, tu không đúng lời dạy của Ngài, họ là những người ngoại đạo, với những thâm ý sâu độc, mang lớp tu sĩ Phật giáo, ẩn núp chờ khi đức Phật thị tịch là sẽ biến giáo pháp của Phật thành giáo pháp Bà La Môn và Ấn Độ Giáo.

Quý vị, nên đọc lại kinh Phạm Võng “Bồ Tát Giới” cấm không cho tu sĩ và cư sĩ học và tu theo pháp môn Nguyên Thủy, Bồ Tát Giới cho giáo pháp Nguyên Thủy của Phật là ngoại đạo, là Thịnh Văn Thừa, là Nhị Thừa, là Phàm Phu Thiên v.v..

Độc “Bồ Tát Giới” chúng ta mới thấy rõ thâm ý ác độc của ngoại đạo quyết tâm diệt Phật giáo, có thủ đoạn và sách lược rõ ràng với ý đồ lật đổ đức Phật Thích Ca Mâu Ni thay vào bằng đức Phật Di Lặc, để dễ sử dụng toàn bộ giáo pháp Đại Thừa mà không còn ai nghi ngờ. Và sẽ cấm không cho tín đồ tu và học theo giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, kinh sách và giáo lý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ bị đốt sạch.

Đúng vậy, sau khi đức Phật tịch, trong giáo hội chia làm hai bộ phái:

1- Thượng Tọa Bộ

2- Đại Chúng Bộ

Thượng Tọa Bộ là những tu sĩ già thủ cựu, cố giữ nguyên giáo lý căn bản Nguyên Thủy của đức Phật không cho ai thêm bớt một chữ nào cả. Dem kinh sách này hoàng hóa và phát triển đi về phương Nam nên người thời bấy giờ gọi là Phật giáo Nam Tông.

Trên đường hoàng hóa độ sanh, Thượng Tọa Bộ tuy cố giữ gốc Nguyên Thủy, nhưng vì các vị tu hành chưa chứng đắc nên có sự kiến giải trong giáo lý ấy bằng trí tuệ học giả hoặc bằng những kinh nghiệm chưa đến nơi đến chốn như: Thiền sư Mahasi (Miến Điện), Thiền sư A-Chaan-chah (Thái Lan). Hai Ngài có những bài kinh soạn theo kiến giải kinh nghiệm tu hành của mình như: Mật Hồ Tĩnh Lặng, Thiền Minh Sát Tuệ v.v.. Làm sai ý nghĩa và giáo pháp của đức Phật rất lớn.

Vì tu hành chưa tới nơi tới chốn, nên các Ngài biên soạn những loại kinh sách này trong hiện tại và mai sau sẽ để lại cho loài người những tai hại rất lớn, làm hao tài tổn của và phí cả cuộc đời của họ chẳng ích lợi gì, khi họ theo tu những pháp môn này.

Trong thế kỷ này tín đồ Phật giáo khắp năm châu bốn biển đua nhau tu tập thiền Minh Sát Tuệ. Tu tập thiền này phải tập trung theo cơ bụng (Phồng, xẹp) nhằm diệt “vọng tưởng”, loại thiền ấy thuộc về thiền ước chế tâm nó không phải là thiền của đạo Phật, thiền của Phật giáo là loại thiền xả tâm “ly dục ly ác pháp” lấy giới luật đức hạnh chuyển hóa nhân quả, làm chủ nhân quả (Các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp thiện hoặc ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp). Mục đích tu hành của đạo Phật là phải khắc phục cho bằng được tâm tham ưu, tức là diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, để đạt được tâm thanh tịnh bất động. Theo kinh nghiệm tu hành của những người đã trải qua thì tâm thanh tịnh bất động ấy là tâm không còn tham, sân, si. Khi tâm không còn tham, sân, si thì tâm có đủ bảy năng lực Giác Chi (đạo lực). Từ bảy năng lực Giác Chi mới có đủ Tứ Thần Túc. Tứ Thần Túc là những năng lực siêu việt điều khiển làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Năng lực điều khiển làm chủ sự sống chết của kiếp người mà đức Phật gọi là “Bốn Như Ý Muốn”. Bốn Như Ý Muốn tức là Tứ Thần Túc chứ không phải “Minh Sát” theo kiểu thiền sư Mahàsi dạy.

Cũng trong thế kỷ này, thiền sư A Chaan-Chah người Thái Lan đã kiến giải qua kinh nghiệm tu hành của mình sản xuất ra một loại thiền “Tĩnh Lặng”.

Qua hồi ký tu hành của Ngài, do ức chế tâm hết vọng tưởng, Ngài đã rơi vào thiền tưởng, thay vì Ngài tu đúng pháp “ly dục ly ác pháp” thì tâm Ngài thanh tịnh, khi tâm Ngài thanh tịnh thì Ngài nhập được Nhị Thiên, Tam Thiên đến Tứ Thiên và thực hiện Tam Minh, làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách dễ dàng, không có khó khăn mệt nhọc. Nhưng vì ức chế tâm để được tâm tĩnh lặng nên thanh tưởng phát ra tiếng nổ trong đầu Ngài. Ngài cảm thấy như cả vũ trụ đều tan biến (giống như thiền sư Đông Độ lúc ngộ đạo), rồi từ đó tưởng giải phát ra. Ngài đối đáp vấn đạo giống như thiền sư Đông Độ không khác.

Cho nên kinh sách Nguyên Thủy hiện giờ bên phái Nam Tông chưa hẳn đã là Nguyên Thủy. Vì các nhà học giả mượn lời Phật dạy rồi thêm bớt rất nhiều theo tưởng giải của mình, khiến cho người đời sau sùng tằm và nghiên cứu những lời Phật dạy, không biết đâu là đúng, đâu là sai. Thật khó cho những ai ở đời sau, muốn tu theo đạo Phật, nhưng vì không rõ nên lại rơi vào pháp ngoại đạo, rồi chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo là giáo pháp của Phật, thật đau lòng.

Ở đây nói về kinh sách Nam Tông, tức là kinh sách Nguyên Thủy mà các sư còn dám thêm bớt và còn nghĩ tưởng theo kiến giải của mình biên soạn và viết ra, thì làm sao đúng ý của Phật được, bằng chứng chúng ta thấy

rất rõ thiên sư Mahàsi đã dám làm thì các vị trước kia làm sao không dám thêm bớt. Thế mà kinh sách này lại được phổ biến rộng rãi khắp các nước trên thế giới.

Kinh sách Bắc Tông với sự phát triển theo kiến giải phóng túng của các nhà học giả thì thử hỏi sự sai biệt với lời Phật dạy còn gấp trăm ngàn lần.

Vả lại, kinh sách Đại Thừa bị thế tục mê tín lạc hậu hóa rất nhiều. Ví dụ: một sự mê tín trong dân gian, ngày hai ba tháng chạp, tất cả mọi gia đình đều làm lễ cúng đưa “Ông táo” châu trời thì trong chùa cũng làm lễ cúng bài đưa “Chư thiên”. Như vậy các bạn nghĩ sao? Phật giáo mà bị tư tưởng hủ tục thế gian đồng hóa thì Phật giáo còn có nghĩa tự thấp đức lên mà đi hay không? Còn có trên Trời dưới Trời con Người là duy nhất không?

Từ khi Tăng Đoàn Phật giáo được chia làm hai nhóm:

1- Thượng Tọa Bộ

2- Đại Chúng Bộ

Sự phân chia này, thì Đại Chúng Bộ không còn bị sự kèm chế của Thượng Tọa Bộ, nên kinh sách tự do phát triển theo kiến giải học giả, không cần có kinh nghiệm tu hành, phần nhiều chịu ảnh hưởng của các tôn giáo khác và phong tục tập quán của dân gian.

Lợi dụng Phật giáo không có người tu chứng điều khiển, nên mặc sức phát triển theo tâm danh lợi của họ. Do đó kinh sách phát triển Đại Thừa ra đời với một khối lượng vĩ đại. Những người có khả năng viết lách, ai muốn

viết muốn luận như thế nào, cứ mặc tình viết và lý luận miễn luận sao có lý, nghe xuôi tai là được, đời sau tu được hay không được mặc kệ. Chỉ bây giờ ngồi bút phóng túng viết cho thỏa thích mà thôi.

Muốn truyền bá loại kinh sách này, (Đại Thừa giáo) không thể đi về phương Nam được, vì nơi đó đã có kinh sách Nguyên Thủy do Thượng Tọa Bộ truyền bá, nên tìn đồ ở đó xem kinh sách này (kinh sách Đại Thừa) là kinh sách Bà La Môn giáo, chẳng ai thèm theo và đọc.

Vì thế kinh sách này truyền về phương Bắc, những người dân ở phương Bắc chưa hiểu gì về Phật giáo, nên kinh sách Đại Thừa truyền đến đâu đều được họ chấp nhận ngay, là vì các nhà Đại thừa biết dựa theo phong tục mê tín lạc hậu của họ (người dân địa phương), triển khai thành kinh sách và sử dụng thần thông, kỳ lạ v.v.. Do thế kinh sách này phát triển về phương Bắc dễ dàng, nên gọi là Phật Giáo Bắc Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh về phương Bắc gặp tôn giáo nào thì nó thu thập tinh ba của tôn giáo ấy rồi biến thành giáo lý của mình, như đến Trung Hoa lấy tinh ba của Lão Giáo biến thành giáo lý Tối Thượng Thừa của mình, mà các nhà khoa học, tâm lý học gọi “Thiền Tông” là Phật giáo bị thế tục hóa.

Đến Việt Nam không có tôn giáo nào đặc biệt, không có tinh ba triết lý nào vĩ đại nên nó (Đại Thừa) đã dung hợp ba tôn giáo lớn: Phật, (Đại Thừa) Lão (Tiền

Đạo), Khổng (Nho Đạo) lại thành một Phật Giáo Việt Nam.

“Vạn Hạnh dung tam tế”.

Sinh hoạt của “Phật Giáo Mới” này tiếp tục triển khai kinh sách Đại Thừa, bằng cách dựa theo phong tục tập quán dân gian biến dần thành kinh sách của mình, để đáp ứng nhu cầu mê tín dân gian, cho nên trong chùa thờ đủ loại; Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ma, quỷ, cô, cậu, các bà chúa, Quan Thánh Đế Quân, Thập Điện Minh Vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Long Thần Hộ Pháp, Bát Bộ Kim Cang, cô hồn, các đảng, thập loại âm binh, Nam Tào, Bắc Đẩu, hài cốt loài hổ và vong linh của những người chết trận mạc (Chiến sĩ trận vong) v.v.....

Kinh sách phát triển Đại Thừa dạy đầy áp những điều mê tín, nào là cúng vong, tiễn linh, thí thực cô hồn các đảng, nào là cúng sao, giải hạn, cúng ếm Thần Trù, quỷ dữ, nào là cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, trừ linh, trừ thần v.v... Mỗi chiều ở các chùa cổ xưa đều cúng thí thực cô hồn các đảng, quỷ chùa, bạch hổ bằng gạo muối v.v.. Phung phí của đàn na thí chủ vô ích.

Hình thức cúng bái tạo ra có vẻ thật sự có thể giới siêu hình đang sống chung đụng với thế giới hữu hình của con người, mà mỗi tai ương, hoạn nạn, tật bệnh của loài người đều do thế giới siêu hình tạo ra sự thưởng phạt.

Kinh sách phát triển của Đại Thừa đã lừa đảo con người bằng một thế giới siêu hình mang nhiều hình thức

mê tín, lại còn gạt người khác bằng cách hy sinh to lớn với lòng đại từ, đại bi “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh”.

Có bao giờ Bồ Tát “bệnh” để chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh được chẳng?

Đạo Phật đã dạy cho chúng ta biết rất rõ ràng: Nhân nào quả nấy, ai đã tạo nhân ác thì phải gặt lấy quả khổ, không ai chịu thay quả khổ đó cho ai được, đó là một đạo luật nhân quả công bằng và công lý của nhân loại. Vậy mà có Bồ Tát chịu khổ, chịu bệnh thay cho chúng sanh, hành động của Bồ Tát làm như vậy có phi đạo đức chẳng? Con người sanh ra trên thế gian này, đức Phật đã xác định, từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết về nhân quả. Xác định như vậy thì không có đấng tạo hóa nào sanh ra con người. Vì thế, không có kẻ nào ban phước giáng họa cho con người, và cũng không có kẻ nào thay thế sự khổ đau của con người được.

Cho nên câu: “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh” là câu lừa đảo gạt người của kinh sách Đại Thừa, để chứng tỏ Bồ Tát là kẻ vĩ đại, Bồ Tát có lòng từ bi rộng lớn thương xót đối với tất cả chúng sanh, nhưng không ngờ lời nói dối trá, thành phi đạo đức. Đối với đạo Phật câu nói này là câu nói gian xảo, lừa bịp người đệ nhất.

Vì thế, ai đã tạo nhân ác thì phải gánh chịu quả khổ không một ai chịu thay cho ai được, đó là luật nhân quả công bằng tuyệt đối, không sai một hào li nào cả.

Khi còn tại thế đức Phật đã từ chối: “*Các con tự thấp đước lên mà đi, ta chỉ là một người hướng đạo chỉ đường mà*

thôi”. Lời dạy này đức Phật đã khẳng định sự từ chối không cứu độ ai hết mà mọi người phải tự cứu mình. Cho nên những lời dạy của Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải tự hành thiện, chỉ có hành thiện mới đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho tất cả muôn loài sanh linh.

Vậy mà Đại Thừa có một Duy Ma Cật dám bệnh thay cho chúng sanh, dám chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh, thật là gan dạ dám phá bỏ luật nhân quả. Nếu có một Duy Ma Cật làm được như vậy thì đạo đức trong thế gian này còn gì ?

Chúng sanh do không hiểu (vô minh) làm điều ác, tạo tội lỗi rồi phải chịu nhiều thống khổ do hành động đó. Đạo Phật ra đời chỉ có mục đích cứu giúp con người thoát khổ bằng cách chỉ dạy cho họ thấu hiểu những điều họ làm là ác, là bất thiện và sẽ đem đến quả khổ đau cho họ, chứ không ai làm cho họ khổ mà chính họ. Để chứng minh lộ trình nhân quả cụ thể cho họ thấy và hiểu rõ hơn thì từ đó họ không còn hành động ác, làm khổ mình khổ người nữa; thì chừng đó họ sẽ không còn chịu sự khổ đau nữa, tâm hồn họ sẽ được thanh thản, an lạc và luôn sống tùy thuận hòa hợp với mọi người.

Đạo Phật cứu người là giúp con người vén sạch màn “vô minh”, để từ đó họ sáng suốt hiểu rõ không còn lầm lạc trong hành động ác, để không tự tạo khổ cho mình cho người nữa. Sự hiểu biết tránh làm điều ác và luôn thực hiện điều lành, nên đạo Phật gọi sự hiểu biết đó là trí tuệ hay gọi là tri kiến giải thoát. Nhờ có tri kiến giải

thoát, nên đạo Phật gọi là đạo giải thoát, tri kiến giải thoát đó không phải của ai khác mà phải chính của mình mới giải thoát cho mình được.

Cho nên câu nói: “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh” là câu nói nghe rất hay nhưng ý nghĩa rất dở, vì phi đạo đức, thiếu công bằng và công lý.

Đối với luật nhân quả, không ai có thể đau bệnh hoặc chịu tai nạn thế cho ai được và cũng không thể chia sẻ nỗi đau khổ với chúng sanh được.

Câu nói: “Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh” là câu nói láo, lừa đảo thật sự. Nếu quả có một Bồ Tát bệnh thay cho chúng sanh hoặc chia sẻ nỗi đau khổ này, thì chúng sanh phải hết khổ và ít nhất cũng phải giảm thiểu được sự đau khổ, nhưng con người trên hành tinh này có hết đau khổ đâu, vậy thì Bồ Tát nói có đúng không? Các bạn nghĩ sao?

Nhưng luật nhân quả đã không chấp nhận điều này, nếu chấp nhận điều này thì thế gian này còn lấy đâu gọi là đạo đức công bằng và công lý.

Một kẻ làm ác mà có người chịu thay tội khổ, thì nhà giàu có, người làm quan, kẻ làm vua chắc không bao giờ có khổ đau bệnh tật và tai nạn v.v..

Nhưng thật sự nhìn cuộc sống con người trên thế gian này từ vua chúa, quan, dân, người giàu có và đến những kẻ nghèo cùng, khốn khổ, mỗi giới, mỗi giai cấp đều có sự khổ đau, bệnh tật như nhau mà không có ai

thoát khỏi, nhất là bốn sự khổ: sanh, già, bệnh, chết và cũng chẳng ai thay thế cho ai được bốn sự khổ này.

Câu nói phi đạo đức nhân bản - nhân quả của Bồ Tát Duy Ma Cật đã làm cho kinh sách phát triển Đại Thừa mất giá trị, nhất là đạo đức của con người.

Nếu bảo rằng kinh sách Đại Thừa là chỉ để dùng cho bậc Thánh, Hiền, Bồ Tát chư Phật, tâm không còn sống trong các pháp đối đãi (bất nhị), nên lời nói của Bồ Tát Duy Ma Cật vượt thoát các pháp đối đãi. Nếu luận như vậy thì còn sai hơn nữa. Thánh, Hiền, Bồ Tát và chư Phật không còn biết đạo đức làm người nữa hay sao? Tức là không có pháp thiện và cũng không có pháp ác nữa (bất nhị).

Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Công Hòa Thượng, Phật Sống Cự Kim Sơn v.v.. Ăn uống dơ bẩn lại còn ăn thịt uống rượu, phạm giới tận cùng, đó là các Ngài sống tự tại vô ngại trong pháp môn bất nhị của Đại Thừa, vì thế các Ngài không còn là con người mà là loài ác quỷ từ pháp môn bất nhị đã sanh ra và hiện giờ trong pháp môn bất nhị ấy còn sanh biết bao nhiêu là loài ác quỷ nữa, nếu chúng ta không chặn đứng được pháp môn bất nhị thì một nguy cơ khiến cho con người không tiến bộ mà còn sống lạc hậu thụt lùi đã man hung ác.

Nếu bảo rằng: “Chấp giới” thì phạm hạnh, tức là đạo đức của người tu sĩ Phật giáo ở chỗ nào? Không lẽ đạo Phật không có đạo đức sao? Hay toàn là những thầy

tu phạm giới, phá giới v.v...sống ngang nhiên ngoài vòng pháp luật, là những người vô pháp luật, phi đạo đức.

Hai trăm năm chục giới Tỳ Kheo Tăng và ba trăm bốn mươi tám giới Tỳ Kheo Ni, không phải là đạo đức của Phật giáo sao? Phật giáo còn nhiều giới đức giới hạnh nữa, chứ không phải có bấy nhiêu giới đó sao?

Người tu sĩ nào phạm giới, phá giới là người tu sĩ không có đạo đức và thiếu giáo dục đạo đức.

Đừng dùng những danh từ: “*chấp giới và tự tại vô ngại hoặc thông tay vào chợ*” để bưng bít hay bịt miệng thiên hạ, để được sống chạy theo dục lạc thế gian mà người ta vẫn tưởng đó là Phật sống. Nên các vị giáo sĩ Bà La Môn dựng lên những nhân vật phá giới, phạm giới: Tế Diên Tăng, Phật Sống Cự Kim Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc, để giúp cho quý thầy Đại Thừa và các Thiên Sư Đông Độ tự do phá giới, sống phạm giới mà tín đồ không dám phê phán, đó là một tấm bình phong che đậy cho những người tu danh, tu lợi.

Kinh sách Đại Thừa đã lầm, hay nói cách khác là không hiểu đạo đức của đạo Phật là gì? Thường nói giọng cao kỳ: “*Đại Thừa, Tối Thượng Thừa*”, tự xưng kinh sách của mình là trên hết, không có kinh sách nào bằng.

Dù Thánh Hiền, chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả phàm phu và chúng sanh đều từ nhân quả sanh ra. Mà đã từ nhân quả sanh ra thì không sống trong hành động thiện, ác sao?

Hành động thiện không phải là đạo đức sao? Và hành động ác không phải là phi đạo đức ư?

Toàn bộ “giới luật” của Phật đều dạy chúng ta phải sống và hành động đạo đức làm người, làm Thánh nhân, làm Phật. Có sao những người thiếu hành động đạo đức mà chúng ta lại xem họ như Phật. Họ chỉ có một vài thần thông tưởng lờ bịp thiên hạ, chứ đức hạnh chẳng ra gì, thì làm gì ai cung kính tôn trọng họ.

Sao mọi người vô minh điên đảo, hễ thấy ai có chút ít thần thông đều cho họ là Phật, Thánh, Tiên cung kính và lễ bái, cúng dường trong khi những hành động đạo đức của họ chẳng ra gì, còn tệ hơn người phạm phu là khác nữa.

Phật và Thánh đều là những con người phạm phu tu tập trau dồi thân tâm xa lìa ác pháp không còn xảo quyệt, gian ngoa, lừa đảo, luôn luôn sống trong hành động đạo đức, thì mới gọi là Thánh nhân, Phật. Có đâu dùng những lời hoa mỹ cao thượng như: *“tự tại vô ngại, chấp giới, thông tay vào chợ, đói ăn khát uống mệt ngủ liền”*, khiến cho những người chưa hiểu đạo đức nhân quả của Phật, dễ bị lầm lạc, họ tưởng những người này là bậc Thánh cao thượng dám hy sinh mình vì mọi người, chịu khổ đau vì nhân loại, vì loài người dẹp bỏ cá nhân mình thật là vĩ đại. Nhưng trong cái vĩ đại đó, là không vĩ đại gì hết. Vì ai đã làm ác thì người đó phải chịu gánh quả khổ không thể ai gánh vác được cho ai, dù kẻ đó Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát cũng không thể gánh chịu cho ai được, thế mới gọi là công bằng, công lý. Còn có

người chịu thay thế được quả khổ đau cho kẻ khác, thì trên thế gian này con người làm sao có một đạo luật gọi là công bằng và công lý được? Nếu có người chịu khổ cho kẻ khác thì thế gian này sẽ ra sao? như trên đã nói.

Nếu trên thế gian này không có một đạo luật công bằng như đạo luật nhân quả, thì con người chỉ còn là loài ác thú, một loài ác quỷ mà thôi.

Vì thế những lời nói chịu khổ cho nhân loại là lời lừa đảo, bịp người với những người còn đang sống trong giấc mơ “*siêu hình*”. Thế giới siêu hình chịu khổ cho loài người hay mang lại tai họa cho loài người!??

Chúng ta là những người còn phàm phu tục tử, còn sống trong cảnh đối đãi, nên chỉ biết ở trong cảnh đối đãi mà tu tập trau dồi đạo đức như thế nào, để cùng sống chung nhau, đối xử với nhau mà tâm hồn thanh thản, an lạc, không làm khổ mình khổ người thì đó là chân hạnh phúc của loài người và đó là sự giải thoát của đạo Phật. Giải thoát chung cho loài người, chứ không riêng như kinh Duy Ma Cật chỉ dành cho những bậc Bồ Tát, Chư Phật và Thánh Hiền với trí tuệ “*Bất Nhị*”.

Nhìn chung các tôn giáo hiện có mặt trên thế gian này đều xây dựng cho loài người một thế giới tuyệt vời “*bất nhị*”. Cái thế giới ấy rất xa vời với loài người, vì con người không thể với tới, không thể có trí tuệ: “*Nhất nguyên*” đó được, chỉ có những bậc Thánh, Hiền như Bồ Tát Duy Ma Cật trong kinh sách Đại Thừa mà thôi. Thậm chí như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng còn sống

phạm hạnh trong đạo đức nhân quả, vì thế Ngài còn thua xa Bồ Tát Duy Ma Cật. Chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Ngài cũng không dám sống trong pháp môn “*Bất Nhị*” vì đó là pháp môn phi đạo đức.

Những bậc Thánh “*Bất Nhị*” này lý luận mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, hư tưởng, tưởng giải, chỉ là giấc mộng đẹp của Bà La Môn Giáo mà thôi.

Nhìn chung giáo lý của các tôn giáo đều xây dựng cho loài người một giấc mơ đẹp để an ủi tinh thần con người trong cuộc sống lầm than và nhiều đau khổ hơn là trên thực tế giải khổ cho họ. Ngoài những giáo lý ấy, có một thứ giáo lý khác được mang một cái tên nhỏ bé “*Tiểu Thừa Phật Giáo*”.

Tiểu Thừa Phật Giáo chỉ mang một cái tên như vậy cũng đủ khiến cho người ta xem thường, coi rẻ, người ta tưởng tượng trong đầu giáo pháp đó chẳng ra gì, chẳng bằng ai, không cao siêu, vi diệu, nhỏ mọn, hạn hẹp, tầm thường chẳng có gì để cho mọi người đáng quan tâm.

Chính chúng tôi trong những ngày đầu mới xuất gia tu học theo Phật, thấy kinh sách Tiểu Thừa Phật Giáo là chúng tôi cũng có tư tưởng không muốn đọc và cũng không muốn tu theo nó nữa.

Các bậc Thầy tổ thường ca ngợi kinh sách Đại Thừa, khuyên chúng tôi học, đọc và tu theo những bộ kinh Đại Thừa như: Pháp Hoa Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Viên Giác Kinh, Qui Nguyên Kinh, Đại Bửu Tích Kinh, Huê Nghiêm Kinh, Pháp Bảo Đàn Kinh v.v

Khi học và đọc những bộ kinh này, chúng tôi thấy nó quá vĩ đại, lý luận tuyệt vời, chỉ rõ bản thể con người rất cụ thể, nếu không có kinh sách này dạy thì khó mà ai nhận ra được “*Phật Tánh*” từ đó chúng tôi tin kinh sách này như là của báu.

Các Tổ, các bậc Tôn Túc và các Thầy từ bao nhiêu thế kỷ nay đã bị kinh sách này lừa đảo khiến tu hành lầm lạc, cứ tu theo các pháp môn đó mà tu chẳng đi đến đâu cả, kết quả cũng chẳng có gì, chỉ có cảm giác an lạc của đục tưởng xúc và cuối cùng thì có một vài thần thông tưởng, các Thầy Tổ đã tự mãn nguyện, hoặc thấy sắc tưởng, thanh tưởng, phát hiện thấy trước mắt và tiếng nổ trong tai là tự cho mình tu chứng đạo. Con đường tu như vậy thật là đau lòng, họ không biết chứng đạo là chứng cái gì? Hay chỉ cần nói: “*Vô sở đắc*” là đủ mãn nguyện tu hành.

Phật tánh, thần thông, các cảnh giới siêu hình: xuất hồn, nhập định, hay là tự tại vô ngại, ngũ uẩn giai không, phản bổn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu, v.v.. đó chỉ là sống trong thế giới tưởng của tưởng tri.

Ngộ nhận những trạng thái tưởng này cho là chứng đạo, nên các Ngài truyền thừa với nhau về phương Bắc, nhưng vì danh lợi, nên hùng cứ một phương chia ra làm năm tông bảy phái (Thiền Tông Trung Quốc).

Đến Việt Nam Thiền Tông thành lập ra phái Thảo Đường, Trúc Lâm, Liễu Quán v.v.. Nhưng tên thì có khác,

khuôn Thiên Đông Độ thì không có gì khác cả, đều nhai lại bã mía của Trung Quốc.

Đến thời đại chúng ta vẫn phát triển đều đều, người tu thì đông vô số kể, mà đạt được thì chẳng có gì, chỉ là một trò lừa đảo bịp bợm người mà thôi. Truyền thừa với nhau từ đời này sang đời khác lúc thịnh lúc suy, nhìn chung chẳng có ai tu đến đâu cả, chỉ là diễn xuất tồng hát trên sân khấu, hết màn Tịnh Độ Tông, đến màn Thiền Tông; hết màn Thiền Tông, đến màn Mật Tông; hết màn Mật Tông, đến màn Pháp Hoa Tông v.v.. Cứ những Tông này diễn tới diễn lui chẳng có gì mới mẻ cả.

Người truyền Đạo thì cũng chẳng biết mình truyền đúng hay sai của đạo Phật, người tu thì lại nhắm mắt tu đũa, chẳng cần suy nghĩ xem xét kỹ lưỡng, chỉ nghe Đại Thừa, Tối Thượng Thừa là ngon lành, là siêu việt, còn những kinh sách Tiểu Thừa Nguyên Thủy thì xem chẳng ra gì, liệt kê những loại kinh sách này là ngoại đạo.

Lúc chúng tôi mới bước vào chùa tu hành, thích học được kinh sách Đại Thừa và thích tu thiền Tối Thượng Thừa, xem kinh sách Tiểu Thừa A Hàm như đồ bỏ (ngoại đạo) mà trong kinh Phạm Võng Bồ Tát giới đã cấm không cho học và tu giáo lý này.

Tu như ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, tiên nữ rắc hoa còn dính mắc, các Ngài chỉ là hàng Thịnh Văn không bằng Bồ Tát và Phật, uống công tu hành chỉ ở những bậc thấp lè tè. Đối với Đại Thừa lời dạy của đức Phật là ngoại đạo, sao bằng kinh sách Đại Thừa của các

Tổ biên soạn ra dạy: kiến tánh thành Phật, nhanh chóng như trở bàn tay.

Đó là quan niệm hết sức sai lầm của chúng tôi, do bị ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Vì Thầy Tổ truyền dạy cho nhau không ngoài kinh sách Đại Thừa thì làm sao chúng tôi biết đâu là kinh sách Phật, đâu là kinh sách của Bà La Môn ngoại đạo.

Xương minh pháp môn Tịnh Độ, Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ lại còn gạt người hơn nữa bằng những từ ngữ rất kiêu: *“Người tu Thiền mà không tu Tịnh Độ 10 người chưa được một người tu chứng”*. *“Người tu thiền mà tu thêm Tịnh Độ như cọt mọc sừng 10 người đều chứng cả”*.

Tịnh Độ còn dùng những lời lẽ căm dỗ và hăm dọa hơn những lời lẽ ở trên để ngăn chặn và lừa đảo tín đồ một cách có thủ đoạn. Tịnh Độ Tông cho rằng thời đại chúng ta là thời đại mạt pháp, loài người sắp tận thế chỉ có pháp môn Tịnh Độ tu hành để chứng và tu chưa chứng đạt cũng được đức Phật A Di Đà rước về cõi Cực Lạc rồi tiếp tục tu hành.

Sau những năm tháng tu hành với hoài bão làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sự khổ đau của kiếp người. Nhưng bị các pháp môn của Đại Thừa và Thiền Tông lừa đảo, đã phí hết thời gian của tuổi thanh xuân.

Hơn nữa đời người đem hết sức lực tu hành theo các pháp môn Đại Thừa và Thiền Tông. Tu hành theo cách thức của Đại Thừa và Thiền Tông, chúng tôi kiến giải (triệt ngộ) được tất cả các công án và đang sống trong

trạng thái tĩnh lặng, biết bao nhiêu trạng thái tưởng xảy ra, như thần thông biết chuyện quá khứ vị lai, dù biết như vậy, nhưng xét kỹ chúng tôi cũng chưa làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Chúng tôi đã trở về với pháp môn Tiểu Thừa may ra, hy vọng còn làm chủ được thân tâm.

Chúng tôi sống độc cư, sống đời sống trầm lặng, sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, với đời sống thiếu dục tri túc, chỉ xin cơm ngày một bữa mà thôi, chẳng có mong cầu gì khác.

Chúng tôi tu pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định, kết quả chúng tôi hướng tâm đến Tam Minh, chỉ trong vòng sáu tháng với một nhiệt tâm nồng cháy; với một nghị lực dũng mãnh; với một ý chí sắt đá kiên cường, chúng tôi thành tựu, làm chủ sự sống chết, tâm chẳng hề dao động trước bất cứ một đối tượng nào.

Từ đó chúng tôi biết rất rõ, kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ là của tôn giáo khác hoặc bị thế tục hóa tôn giáo, với dụng tâm của các vị Tỳ Kheo giáo sĩ Bà La Môn, thâm ý sâu độc muốn diệt trừ Phật giáo tận gốc. Chỉ vì Phật giáo tồn tại và phát triển thì các tôn giáo khác không phát triển được mà còn có thể bị diệt vong.

Tại sao vậy?

Tại vì Phật giáo đập phá thế giới siêu hình, hủy diệt thần quyền sáng tạo đem lại cho loài người một nền đạo đức giải thoát không làm khổ mình khổ người, biến cảnh

thế gian thành Thiên Đường, Niết Bàn. Đó là một chân lí đi ngược lại giáo điều giáo lý của các tôn giáo, làm cho họ không còn đất đứng trên hành tinh này, chỉ còn có nước đi cư lên cung trăng sao hỏa, sao mộc mà xây dựng Niết Bàn, Cực Lạc, Thiên Đàng v.v...

Đạo Phật và các tôn giáo khác không thể đi chung nhau một đường. Vì các tôn giáo khác có thể giới siêu hình, có thần quyền sáng tạo, có cảnh giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền, có cuộc sống sau khi chết. Ngược lại, Phật giáo thiết thực và cụ thể hơn nhiều, không có thể giới siêu hình, không có thần quyền sáng tạo, không có thể giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền và không có cuộc sống sau khi chết.

Nếu chánh pháp và đạo đức nhân bản – nhân quả của Phật giáo, được phổ biến sâu rộng, khiến mọi người am tường và thực thi sửa đổi thói hư tật xấu, thì xã hội loài người mới sống đúng đời sống công bằng, bác ái, thì các tôn giáo khác làm sao còn có chỗ đất đứng trên hành tinh này như trên đã nói.

Thấy rõ điều lợi hại này, nên bằng mọi giá, các tôn giáo khác đều ước muốn biến dần Phật giáo thành một tôn giáo chấp ngã, có bản thể vạn hữu (Phật tánh, Đại ngã) và còn đạo đức của Phật giáo thì biến thành một thứ đạo đức nhân quả mê tín, để Phật giáo cũng giống như các tôn giáo khác trên hành tinh này.

Cho nên, câu nói “*Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh*” cũng là một câu nói lừa đảo phi đạo đức, nhằm để lường

gạt những người chưa hiểu đạo đức nhân quả thiện ác của Phật giáo. Chứ không thể lừa đảo, lường gạt những người có giới đức và giới hạnh của Phật giáo được.

Hiện giờ, mọi người chưa ai thông suốt đạo đức nhân quả và luật nhân quả, kinh sách nhân quả của các nhà Đại Thừa viết ra, thuộc về loại kinh sách mê tín, dị đoan. Đó toàn là kinh tưởng, hiện nay tín đồ Phật giáo Đại Thừa họ đặt trọn lòng tin những vị Bồ Tát. Vì những vị Bồ Tát này thường ban phước lành và cứu khổ cứu nạn, cùng chia sẻ những sự đau khổ của chúng sanh. Không ngờ sự cứu khổ, cứu nạn và chia sẻ sự đau khổ với chúng sanh, là một điều không thể làm được, không thể làm được là vì luật nhân quả rất công bằng và công lý, cho nên hành động cứu khổ và chia sẻ khổ nạn là phi đạo đức, làm mất công bằng và công lý, trong kiếp sống của loài người.



**NĂM NÀO ĐỨC PHẬT CHẾ GIỚI LUẬT ?
5 NĂM HAY 13 NĂM**

(Sau khi con đọc “Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha) (Tác giả là Thiên Sư Nhất Hạnh ở Làng Hồng bên kia đại dương) Con có vài nghi vấn và thắc mắc. Con xin thành kính thưa hỏi lên Thầy)



Hỏi: Kính thưa Thầy! Theo giới bốn của các Tổ biên soạn Ba La Mộc Xoa Đề thì sau 13 năm từ khi chúng đạo Đức Phật mới chế giới. Còn bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu thì cho biết sau 5 năm từ ngày thành đạo thì Đức Phật mới chế giới. Vậy ở đây thời gian chế giới của Đức Phật có sai khác, chúng con không biết thời gian nào đúng, thời gian nào sai. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được hiểu.

Đáp: Khi biên soạn giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề các Tổ dựa vào những truyền thuyết, chứ không có căn cứ vào lịch sử, vì trong thời đức Phật lịch sử không có ghi lại rõ ràng cụ thể, nên mạnh ai cứ dựa vào chỗ nào theo kiến tưởng giải của mình cho là đúng, rồi cứ thế biên soạn. Các Tổ cho rằng 13 năm sau khi đức Phật thành đạo, còn bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu cho rằng 5 năm sau khi Phật thành đạo mới chế giới. Bộ giới luật này không biết căn cứ vào truyền thuyết nào, bộ sử nào mà dám xác định thời gian như vậy. Chúng tôi xin nhường lại cho những nhà sử học xác định.

Theo chúng tôi nghĩ khi muốn biên soạn nói một điều gì về lịch sử của một bậc vĩ nhân thế giới như đức Phật thì không nên ghi một cách bừa bãi như vậy cần phải căn cứ vào kinh sách nào? lịch sử nào?..

Cho nên thời gian 13 năm chế giới của các Tổ và thời gian 5 năm của bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu còn là một nghi vấn chưa xác định thời gian cụ thể về chính sử và chính kinh. Vì vậy thời gian 13 năm và 5 năm chế giới luật là một giả thuyết chúng ta chớ nên tin.

Theo kinh sách Nguyên Thủy thì hai giả thuyết thời gian chế giới của các Tổ và bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu là sai sự thật.

Chúng tôi thiết nghĩ, mặc dù lịch sử không có ghi thời gian Phật chế giới luật năm nào, ngày nào, nhưng chúng tôi căn cứ vào những kinh sách Nguyên Thủy do Phật Thuyết thì đức Phật không có chế giới luật mà giới luật đã có sẵn trước khi đức Phật thành đạo, xin các bạn đọc lại kinh Trường Bộ tập 1 bài kinh Sonadanda thuộc Tạng Kinh Việt Nam.

Trong bài kinh ấy Bà La Môn Sonadanda có nêu ra 5 điều kiện của một Bà La Môn:

- 1- Đẹp trai, tướng tốt (32 tướng tốt 80 vẻ đẹp).
- 2- Bấy đời liên tục là Bà La Môn.
- 3- Chú thuật, tụng niệm và thông suốt ba bộ kinh Vệ Đà.
- 4 - Tri kiến.
- 5 - Giới luật.

Trong năm điều kiện này đức Phật chỉ chấp nhận giới luật và tri kiến còn ba điều kia đức Phật không chấp nhận bằng một lý luận sắc bén bẻ gãy những luận thuyết khiến cho Bà La Môn Sonadanda phải chấp nhận. Trong bài kinh ấy đức Phật kết luận một câu rất tuyệt vời: *“Giới luật ở đâu là tri kiến ở đó, tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”*.

Bài kinh này đã xác định giới luật có trước đức Phật vì đạo Bà La Môn có trước đạo Phật.

Đọc bài kinh này chúng ta nhận xét các Tổ và những người sau này không lo tu tập, không chịu khó nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy mà cứ dựa theo kinh sách và giới luật phát triển của Đại Thừa, đó là những kinh sách chịu ảnh hưởng của tà giáo ngoại đạo, cho nên thời gian chế giới của đức Phật trong các bộ sách này là sai sự thật.

Trong kinh sách Nguyên Thủy thường hay nhắc đến Phạm hạnh. Như đoạn kinh dạy. *“Sanh đã tận “Phạm hạnh” đã thành, những việc làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái này nữa”*

Phạm hạnh là giới luật. xin các bạn hãy đọc lại đoạn kinh Kandaraka trong tập II kinh Trung Bộ, tạng kinh Việt Nam: *“Ở đây này Pussa lại có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Người ấy không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không làm khổ người không chuyên tâm làm khổ người, hay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ tự ngã trú vào Phạm thể. Nay Pessa, bốn hạng người này, hạng người nào được tâm ông thích nhất?”*

Như trong đoạn kinh này dạy: *“Người không làm khổ mình, khổ người là người trú vào Phạm thể”*. Vậy Phạm thể là gì ? Phạm thể là đức hạnh của Phạm Thiên.

Cho nên đức hạnh của Phạm thiên là sống không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai. Đức hạnh không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai là giới luật. Do căn cứ vào những bài kinh Sonandanda và kinh Kandaraka chúng ta quyết chắc giới luật đã có trước đức Phật. đức Phật không có chế giới mà chỉ loại trừ những giới luật phi đức hạnh của Bà La Môn. Vì giới luật là đạo đức của con người; là hành động không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai như trên đã nói. Người nào có những hành động làm khổ mình khổ người và khổ cả hai là người phạm giới, phá giới. Và lại giới luật là thiện pháp. Người sống trong thiện pháp là người không phạm giới, người sống trong ác pháp là người phạm giới.

Hạnh Phạm Thiên dạy sống ly dục ly ác pháp mà chúng ta sống không ly dục ly ác pháp là sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới. Làm cho Phật giáo suy đồi, chìm mất đạo đức nhân bản - nhân quả, tội ấy rất nặng.

Ví dụ: Lấy của không cho, nói láo dâm dục, giết hại và ăn thịt chúng sanh, ăn uống phi thời, ở trong chùa to Phật lớn, đó là sống trong ác pháp. Mà đã sống trong ác pháp là phạm giới.

Ăn uống phi thời ngày ăn hai ba bữa, là phạm giới, vì không làm ra của cải tài sản ăn nhiều quá phi phạm mồ hôi nước mắt của đàn na thí chủ. Đó là phạm giới không ly dục.

Ở chùa to Phật lớn là phạm giới không thanh bản, không xứng hạnh tu hành giải thoát của người tu sĩ Phật giáo “xả phú cầu bản, xả thân cầu đạo”.

Cho nên giới luật là Phạm hạnh người nào sống không đúng Phạm hạnh là phạm giới.

Giới luật là đạo đức, người nào sống không đúng đạo đức là phạm giới.

Giới luật đâu cần phải chế. Chế giới luật là bắt buộc người, đó là những tổ chức của các phe đảng phái và các tôn giáo khác chứ đạo Phật đâu có bắt buộc ai phải tu theo đạo mình. Vì đạo Phật là đạo đức của loài người. Ai muốn sống có đạo đức thì theo nó. Theo nó thì cuộc đời sẽ không còn khổ đau và được tiếng thơm là người có đạo đức; còn ai không theo đạo Phật, không muốn sống đạo đức làm người thì phải chịu khổ mãi mãi và trở thành người vô đạo đức.

Vì sự giải thoát mọi sự khổ đau của cuộc đời, người ta mới chấp nhận sống đời sống Phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của đức Phật.

Cho nên một vị ngoại đạo đến xin Phật tu hành thì Phật chấp nhận, nhưng phải sống biệt trú 4 tháng đúng Phạm hạnh thì đức Phật mới cho xuất gia làm Tăng theo Phật, còn sống không đúng giới luật thì xin về, chứ đức Phật không có bắt buộc người nào sống đúng giới luật như Phật. Nhờ đó chúng ta quyết chắc Phật không có chế giới luật cấm các tu sĩ mà chính các tu sĩ phải tự nguyện sống đời sống giới luật.

Còn bây giờ Tổ chế ra giới luật cấm ngăn, thế mà tu sĩ phạm giới, phá giới tan nát. Hình thức một ngôi chùa xây cất đồ sộ vĩ đại tốn hao hằng tỷ bạc. Đó là sự sa đọa của Phật giáo, chứng tỏ tu sĩ Phật giáo đang sống theo dục lạc thế gian, phạm giới, phá giới làm cho Phật giáo suy đồi và nền đạo đức của Phật giáo cũng không còn.

Tóm lại 5 năm và 13 năm bảo rằng Phật chế giới luật là sai. Phật không có chế giới, vì giới luật đã có sẵn trong đời sống Phạm Thiên và Bà La Môn.



BỎ NHỮNG GIỚI NHỎ NHẶT

***Hỏi:** Kính thưa Thầy! Trong tập sách “Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha), có đoạn nói là trước khi nhập diệt Đức Phật dạy: “Này A Nan, khi ta nhập Niết Bàn thì những giới nhỏ nhặt nào không cần thiết và không quan trọng mấy có thể được bỏ bớt đi, để sự hành trì giới luật luôn luôn mang tính thích ứng, nhưng đến nay đã hơn 2500 năm mà lời dạy của Đức Bổn Sư vẫn chưa thực hiện”.*

Thưa Thầy những giới nào là giới nhỏ nhặt? Những giới nào là giới không thích ứng? Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ .

Đáp: Giới luật là đức hạnh, là thiện pháp thì có giới luật nào là nhỏ nhặt; thì có giới luật nào là không thích ứng với thời đại. Dù bất cứ thời đại nào cũng phải

cần đến đạo đức; có đạo đức thì cuộc sống của con người mới có an vui hạnh phúc; có đạo đức thì xã hội mới có trật tự, đất nước mới phồn vinh thịnh trị; có đạo đức thì thế giới mới có hòa bình thật sự. Có thời đại nào con người không cần đạo đức đâu? Đạo đức như cơm ăn áo mặc hằng ngày của con người, sống không đạo đức như con người thiếu thực phẩm, vậy con người có sống được không các bạn? Con người sống không đạo đức là con thú vật các bạn ạ! Chỉ có những người không biết giới luật là đạo đức, là thiện pháp thì mới dám cho nó là những giới nhỏ nhặt và không thích ứng với thời đại nên bỏ nó.

Thưa các bạn! Các bạn có thấy đạo đức nhân bản – nhân quả nào mà không thích hợp với thời đại không? Nhưng đã bảo là đạo đức nhân bản – nhân quả thì làm sao không thích hợp với mọi thời đại được? Các bạn có hiểu không? Đạo đức nhân bản – nhân quả, chứ không phải những đạo đức phục vụ phong kiến phi nhân bản như đạo đức Khổng Mạnh, như các giáo điều phi nhân bản của ngoại đạo tà giáo nên mới không thích ứng với thời đại đang đi lên.

Phạm hạnh là đức hạnh sống ly dục ly ác pháp, là đức hạnh nhân bản – nhân quả, là giới luật của Phật giáo. Tất cả những hành động sống Phạm hạnh là giới luật. Vậy bỏ những giới luật nhỏ nhặt cho thích ứng với thời đại thì chúng tôi xin hỏi các bạn và các bạn hãy thành thật trả lời:

- Ăn uống phi thời là giới nhỏ nhặt phải không?

- Ngủ trên giường cao rộng lớn tức là sống trong chùa to Phật lớn là giới nhỏ nhặt phải không?

- Không ca hát không nghe ca hát tức là tụng kinh niệm Phật là giới nhỏ nhặt phải không?

- Cất giữ tiền bạc là giới nhỏ nhặt phải không?

- Ăn mặc chải chuốt, y áo đắt tiền là giới nhỏ nhặt phải không?

Tất cả những giới nhỏ nhặt này quý thầy muốn bỏ giới nào để được thích nghi với thời đại?

Bỏ những giới nhỏ nhặt này để ăn uống ngày ba bữa, để ăn uống phi thời mà không Phật tử nào dám nói. Có đúng như vậy không?

Bỏ những giới nhỏ nhặt này để ở trong chùa to Phật lớn; để tụng niệm ca hát ê a, để xem tivi, xem phim ảnh cho thích ứng với thời đại mà Phật tử không ai dám nói. Có đúng như vậy không ?

Những giới nhỏ nhặt này là Phạm hạnh của người tu sĩ Phật giáo. Tu sĩ không còn giữ gìn những giới luật này là tu sĩ sa đọa.

Người tu sĩ Phật giáo còn ăn phi thời ba bữa hay ăn uống lặt vặt thì có lý dục lý ác pháp không các bạn? Các bạn cứ trả lời đi!!!

Người tu sĩ Phật giáo nằm giường cao rộng lớn, sống trong chùa to Phật lớn có lý tham không các bạn?

Người tu sĩ Phật giáo còn tụng niệm ê a là còn ca hát, còn xem ti vi thì có sống trầm lặng độc cư không các bạn? Những người tu sĩ như vậy có ly tham ly dục không các bạn?

Xét như trên đây thì giới nào là giới nhỏ nhất, giới nào là giới không thích ứng với thời đại?.

Thưa các bạn! Nếu các bạn muốn thích ứng với thời đại thì các bạn hãy trả chiếc áo cà sa lại cho chùa, rồi về đời mà sống thích ứng với mọi người thì có ai nói các bạn đâu? Các bạn đừng mượn chiếc áo đạo làm cuộc đời thì tội nghiệp cho Phật giáo lắm các bạn? Tội cho những người tu hành nghiêm chỉnh giới luật “Một con sâu làm rầu nồi canh”

Các bạn có bao giờ nghe những danh từ trong nhà Phật dạy không?

Người muốn tu theo đạo Phật thì “*phải sống ly dục ly ác pháp*”. Vậy các bạn muốn cho thích ứng với thời đại thì sự tu hành của các bạn có ly dục ly ác pháp được không?

Thưa các bạn! Nếu các bạn không hiểu giới luật thì các bạn hãy làm thính, dựa cột mà nghe đừng có bắt chước các Tổ chế giới luật, rồi nay thêm giới này, mai bớt giới kia. Việc làm sai không dám chịu rồi gán cho Phật, và bảo rằng Phật chế giới luật năm này, năm khác, rồi bỏ những giới luật nhỏ nhất, giới này giới kia, rất tội cho đức Phật. Vốn Người không làm mà phải

chịu, nếu không có những kinh sách Nguyên Thủy còn lại thì lấy đâu minh oan cho đức Phật.

Phật giáo là một chân lý đạo đức của loài người thì không bao giờ còn có ai dám thêm bớt vào được. Vì chân lý của con người thì muôn đời không còn sai một li hào nào, dù thời đại khoa học có tiến bộ đến đâu thì chân lý của con người vẫn là chân lý của con người thì làm sao là lỗi thời, là không thích ứng. Vậy mà, các bạn cả gan dám thêm bớt. Xưa kia các Tổ dám thêm vào kinh Niết Bàn một đoạn như sau: *“Này A Nan, khi ta nhập Niết Bàn thì những giới nhỏ nhặt nào không cần thiết và không quan trọng thì có thể được bỏ bớt đi”* Ngày nay các bạn lại dám thêm vào một đoạn nữa: *“Để sự hành trì giới luật luôn luôn mang tính thích ứng, nhưng nay đã hơn 2500 năm mà lời dạy của đức Bổn Sư vẫn chưa thực hiện được.”* Thêm vào kinh Niết Bàn câu này nữa thì có chỗ dựa để chế ra bộ giới luật mới, đó là dùng băng keo dán miệng thiên hạ để không còn ai bắt bẻ các bạn được. Đó là lời dạy của đức Phật, các bạn chỉ làm theo, chứ đâu phải của các bạn tự làm. Thầy Tổ khéo lắm, nhưng không bịt mắt người tu chứng được.

Thích ứng với mọi thời đại Phật giáo hiện giờ lại có thêm một bộ luật mới. “Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha).

Nếu một người làm được thì các hệ phái khác cũng sẽ làm được. Do đó giới luật sẽ phát triển không thua gì kinh sách phát triển Đại Thừa.

Thưa các pháp hữu! Các bạn hãy xem xét lại trình độ tu tập của những người biên soạn chế ra bộ giới luật tân tu này. Họ đã làm chủ được những gì nơi thân và tâm của họ chưa?!

Thứ nhất, đời sống giới luật của họ có nghiêm chỉnh không? Nếu giới luật của họ nghiêm chỉnh thì họ chế giới ra thì chúng ta chấp nhận. Nếu giới luật của họ sống không nghiêm chỉnh thì bộ giới luật biên soạn của họ sẽ không đủ cho chúng ta có niềm tin.

Về thiên định họ có nhập được Tứ Thánh Định chưa? Nếu họ chưa nhập được Tứ Thánh Định mà biên soạn bộ giới luật này thì chúng ta biết chắc chắn rằng họ chưa đủ khả năng và kinh nghiệm để biên soạn bộ giới luật Phật giáo.

Về sự tu tập của họ, họ đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết được chưa? Nếu chưa làm chủ được mà biên soạn bộ giới luật thì chúng ta biết chắc rằng họ biên soạn giới luật là để phạm giới luật mà không ai dám phê bình.

Họ có thực hiện được Tam Minh chưa? Họ có sống đúng đạo đức không làm khổ mình khổ người chưa? Nếu họ chưa thực hiện được Tam Minh, chưa sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình khổ người thì bộ giới luật của họ không đủ cho chúng ta tin tưởng.

Kính thưa các bạn! Các bạn chưa sống đúng giới luật, chưa làm chủ sanh già bệnh chết, chưa nhập Bốn

Thánh Định, chưa thực hiện Tam Minh. Mà các bạn muốn bỏ giới luật cũ, để chế giới luật mới thì chúng tôi e rằng việc làm của các bạn quá nông nổi.

Ví dụ: Bạn đang sống phạm giới mà chế giới là bạn sẽ phá giới, diệt giới chớ đâu phải bạn chế giới. Có đúng như vậy không các bạn?

Các bạn chưa sống được như Phật mà các bạn chế giới là các bạn đã đi xa Đạo Phật và có thể các bạn đang diệt Phật Giáo, các bạn có biết không?

Các bạn có thấy gương của thầy Tổ chưa? Do tưởng giải mà viết kinh sách Đại Thừa là các Tổ đã diệt Phật giáo từ hơn 2500 nay rồi. Vì thế mà từ đó đến nay các bạn có thấy ai tu chứng quả A La Hán chưa? Nếu các bạn bảo rằng có người tu chứng thì chúng tôi xin hỏi các bạn trả lời cho:

Tu chứng quả A La Hán sao kết tập kinh sách còn sơ bồ, sơ bộn như thế này?

Đạo đế là chân lý, là chương trình giáo dục đào tạo của những bậc thánh A La Hán thế mà chứng quả A La Hán lại không phân ra được các cấp, các lớp tu học và không biên soạn ra được giáo trình tu học thì chứng quả A La Hán chỗ nào? Xin các bạn chỉ cho!

Tuy các Tổ kiến giải dựa vào kinh Phật viết ra giới luật, nhưng chưa có ai dám bỏ những giới luật nhỏ nhặt nào, vì các Tổ cũng tự xét mình tu hành chưa tới đâu, chứng chưa bằng Phật nên không dám bỏ. Chỉ nêu

ra như vậy để khi lỡ có phạm giới thì không ai chê cười vì đó là giới nhỏ nhất

Hiện giờ chúng ta được đọc bộ giới mới, nhưng nếu bộ giới này đừng bỏ giới nào hết thì rất hay, những giới mới thêm vào, nhưng nó không mới vì những giới cũ đã có đủ. Nếu các bạn là người tu chứng bằng Phật thì bộ giới luật này có giá trị rất lớn cho Tăng Ni và cư sĩ. Còn nếu các bạn chưa chứng bằng Phật mà biên soạn bộ giới luật này thì chưa đủ khiến cho mọi người tin tưởng và vì vậy bộ giới luật này không có giá trị.

Giới luật là đức hạnh thì không có giới luật nào nhỏ nhất. Có giới luật nhỏ nhất là do các bạn không hiểu giới luật. Các bạn hiểu giới luật của Phật như là pháp luật của quốc gia, hiểu như vậy là các bạn đã hiểu sai; hiểu như vậy thì giới luật Phật không phải là pháp môn vô lậu.

Ví dụ: Giới sát sanh và giới không nằm giường cao rộng lớn, nếu hiểu về đức hạnh thì hai giới này bằng nhau. Sát sanh là đức hiếu sinh, không nằm giường cao rộng lớn là đức thanh bản. Đức thanh bản và đức hiếu sinh bằng nhau. Còn hiểu hai giới này là pháp luật thì giới sát sanh là giới trọng, còn giới nằm giường cao rộng lớn là giới khinh.

Ví dụ: Giới vọng ngữ là đức thành thật, giới ăn uống phi thời là đức ly tham. Vậy đức ly tham và đức thành thật bằng nhau cho nên đức hạnh thì bằng nhau không có đức hạnh này cao, đức hạnh kia thấp. Mà cả

hai đều bằng nhau vì là đức hạnh. Chỉ có giới cấm là có giới trọng giới khinh, giới vọng ngữ là giới trọng, còn giới ăn uống phi thời là giới khinh.

Đối với đạo Phật không có giới nhỏ nhặt mà là nền đạo đức nhân quả nhân bản. Các Tổ không hiểu giới luật của Phật chính là đạo đức, nên mới phân loại theo pháp luật mà kê tội, nên mới có những giới nhỏ nhặt (giới khinh).

Như trên đã nói giới luật là đức hạnh nên không có giới nào là không thích ứng với thời đại, dù thời đại khoa học kỹ nghệ tiến bộ đến đâu thì đức hạnh nhân bản nhân quả không bao giờ lỗi thời. Chỉ có những người không hiểu giới luật nên cho nó không thích ứng.



ĐỪNG LỢI DỤNG THIÊN XẢO, LINH ĐỘNG, SỐNG ĐỘNG ĐỂ SỬA ĐỔI GIÁO PHÁP VÀ GIỚI LUẬT PHẬT

Hỏi: Kính thưa Thầy! Bức thư ngỏ trong tập sách Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) có câu dạy. “Đạo Bụt phải được duy trì như một thực tại sống động. Như một thân cây các cành khô phải được cắt đi để cho những nụ mới được xuất hiện. Những nụ mới này là những giáo lý và những phương pháp thực tập có thể đáp ứng được những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới. Những phát triển kỹ thuật, tin tức báo chí và tốc độ của đời sống, nó đã ảnh hưởng nhiều tới đời sống những người xuất gia”.

Kính thưa Thầy! Những lời dạy trên đây có đúng với giới luật và giáo pháp của đức Phật không thưa Thầy?

Đáp: Giáo lý của đạo Phật là một chân lý của loài người: khổ, tập, diệt, đạo. Đã là chân lý của con người thì không còn có chỗ nào sai. Nếu còn có chỗ sai thì không gọi là chân lý. Giáo lý của các tôn giáo khác còn có chỗ sai nên không được gọi là chân lý mà chỉ gọi là triết lý, giáo điều. Triết lý, giáo điều còn nhiều chỗ sai nên các tông đồ của các tôn giáo khác thường hay chỉnh sửa giáo lý cho thích hợp với thời đại. Còn giáo lý của đạo Phật là chân lý của con người nên nó không còn sai. Nhất là chân lý ấy do con người ở trên hành tinh này tu chứng nói ra, chứ không phải chân lý ấy từ cõi nào. Cho nên không ai được quyền sửa, nếu người nào muốn sửa thì người ấy hãy tu chứng như Phật, còn tu chưa chứng thì đừng có sửa chân lý. Các bạn có biết không? Chỉ có những người điên mới dám cầm bút sửa chân lý, chứ người không loạn thần kinh thì chẳng bao giờ dám sửa.

Những người không hiểu giáo lý của Phật giáo là chân lý nên mới cho giáo lý ấy như một thân cây, các cành khô phải được cắt đi để cho những nụ mới xuất hiện. Người nào hiểu như vậy là hiểu Phật giáo là một triết lý, chứ không phải hiểu là chân lý

Những nụ mới xuất hiện đó là giáo lý Đại Thừa, Thiên Tông và Minh Sát Tuệ. Các bạn có biết không?

Nó có thể đáp ứng được nhu yếu của thời đại và văn hóa mới, nên Tăng Ni sống phi Phạm hạnh, phạm

giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống trong chùa to Phật lớn như cung đình điện ngọc. Do đó Tăng Ni lo xây chùa to Phật lớn, và chùa to Phật lớn hiện giờ mọc khắp nơi. Đời sống của các Tăng Ni vật chất dục lạc đầy đủ, ăn ngủ phi thời. Một người tu sĩ sống như người thế tục thì Phật giáo còn gì là Thánh đức thừa các bạn? Do tu hành như vậy nên bây giờ không tìm cho ra một người chân tu, một người tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết hoặc nói cách khác là không bao giờ tìm thấy một người chứng quả A La Hán.

Do cắt tĩa mãi Phật giáo chân chánh bây giờ thành Phật giáo Phát triển và Thiên Tông. Giới luật hiện giờ tu sĩ không còn biết đến, nếu ai hỏi đến giới đức, giới hạnh, giới hành thì ngơ ngẩn chẳng biết đâu mà trả lời.

Cắt tĩa mãi Phật giáo hiện giờ thành Thần giáo, tôn giáo mê tín, một tôn giáo tha lực, mất hết tự lực.

Cắt tĩa mãi Phật giáo thành một tôn giáo dục lạc, chứ đâu còn là một tôn giáo ly dục ly ác pháp nữa. Có đúng như vậy không các bạn?



KHẾ LÝ KHẾ CƠ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong lời ngỏ của Tập sách Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) vừa có tính cách khế lý, khế cơ, vừa có tính cách thực tiễn. Như vậy có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Muốn đưa một giáo pháp mới vào Đạo Phật thì các Tổ hay dùng những từ khế lý, khế cơ để che đậy mắt mọi người.

Các Thầy Tổ bao giờ cũng muốn mình hơn Phật, nên dùng những danh từ rất kêu để sửa kinh sách Phật: khế lý khế cơ, thích ứng, thích nghi với thời đại, duy trì như một thực tại sống động, đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới, vv...

Các Thầy Tổ dùng những lời này chứng tỏ các Thầy tổ không hiểu Phật giáo.

Xin thưa cùng quý bạn! Giáo lý Phật giáo là đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người nên khi mọi người mới bắt đầu vào tu thì đức Phật dạy: “*Các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp thiện*” (*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*) hoặc “*ngăn ác diệt ác pháp sinh thiện tăng trưởng thiện pháp*”. Tu tập như vậy có cái gì không khế lý khế cơ với thời đại? Tu tập như vậy có cái gì không thích ứng, thích nghi với thời đại? Tu như vậy có cái gì không đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới? Các bạn cứ tự hỏi lại xem giáo pháp của Phật dạy như vậy có cái gì không

khế lý khế cơ, không đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới chỗ nào?

Dạy niệm Phật, ngồi thiền, tụng kinh, niệm chú, bắt ấn, niệm hồng danh chư Phật lay sám hối, tụng kinh cầu siêu, cầu an, v.v...như vậy là khế lý khế cơ đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới hay sao?! Dạy đạo như vậy là dạy mê tín, phi đạo đức nhân bản – nhân quả, phi Phạm hạnh. Quý bạn có biết không?

Quý bạn muốn sửa giáo lý của đức Phật, thì nhìn lại các bạn có tu tập được như Phật chưa? Giới luật còn sống chưa đúng, chưa thanh tịnh, ăn uống ngủ nghỉ còn phi thời, sống còn ở trong chùa to Phật lớn. Phạm hạnh của một người tu sĩ và cư sĩ như vậy sao? Phạm hạnh sống chẳng ra gì mà muốn chỉnh lại kinh sách Phật là một việc làm chẳng biết lượng sức mình.

Kính thưa quý bạn! Chừng nào quý bạn tu theo Phật giáo sống như Phật, làm như Phật, chứng đạo như Phật thì lúc bấy giờ các bạn sẽ không còn có ý nghĩ sửa kinh, sửa giới luật Phật nữa.

Các bạn như con cóc, mà muốn làm ông Trời thì làm sao được các bạn? Các bạn như con nhái mà muốn làm bằng con bò thì làm sao được. Phải không các bạn?

Xin thưa cùng các bạn, các bạn chưa hiểu Phật giáo thì các bạn đừng đụng đến nó, mà hãy lo tu tập đi để cứu mình ra khỏi sự khổ đau của kiếp người, đừng mơ mộng sửa kinh sách Phật là các bạn đã tự giết mình, giết Phật giáo, giết hàng bao thế hệ, các bạn có biết không?



NHỮNG GIỚI KHÔNG THÍCH HỢP ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG NHỮNG GIỚI KHÁC

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha), có những giới cũ không còn thích hợp với hiện tại được thay thế bằng những giới có công năng bảo hộ cho sự thực tập và giá trị đích thực của người xuất gia trong thời đại mới. Như những giới có liên hệ tới sự sử dụng xe hơi máy vi tính, máy truyền hình, điện thoại cầm tay, trò chơi điện tử, điện thư, và mạng lưới Internet v.v..

Kính thưa Thầy! Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) đặt ra những giới này có mới không hay chỉ là những danh từ mới? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ .

Đáp: Thực ra, Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu là bộ sách pháp luật, chứ chưa phải là giới luật của Phật. Những giới luật trong Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu được đặt ra gọi là mới, chứ thực ra trong giới luật của Phật đã có đầy đủ, nhưng các bạn biên soạn ra bộ giới luật này không chịu khó nghiên cứu giới luật Phật nên không hiểu giới đức, giới hạnh, giới hành trong giáo lý Phật. Vì thế tưởng nó mới chứ thực ra những giới luật này không mới. Có lẽ các bạn tưởng rằng thời đại khoa học phát minh ra nhiều máy móc tối tân mà trong thời đức Phật chưa có, nên đức Phật không có chế giới luật đó chớ gì?

Không đâu các bạn ạ! Các bạn đã lầm! Những giới luật và giáo pháp của Phật chính là nền đạo đức, nên nó đã vượt không gian và thời gian. Vì thế, thời đại khoa học có phát triển đến đâu thì nó vẫn đi sau giới luật và giáo pháp của Phật. Bởi vì thời đại khoa học luôn luôn đi sau giới luật và giáo pháp của Phật, đó là một bằng chứng rõ ràng, nên giới luật và giáo pháp của Phật luôn thích ứng với mọi thời đại, không bao giờ lỗi thời.

Ví dụ: Giới không nằm giường cao rộng lớn là các bạn phải hiểu: nó là giới cấm không cho tu sĩ ở chùa to, cốc lớn, sang đẹp. Có đúng như vậy không các bạn? Chúng ta nên suy ra: giường cao rộng lớn là phải được đặt trong ngôi nhà to lớn, nếu giường to rộng mà đặt trong nhà nhỏ làm sao đặt được. Phải không các bạn?

Sau này các bạn hãy đọc bộ sách Văn Hóa Truyền Thống Thánh Hạnh thì giới luật Phật không thiếu một giới nào trong thời hiện đại này. Cho nên sự chế giới mới của các bạn là thừa, vì trong giới cũ đã có đầy đủ, nhưng các bạn không hiểu nên tưởng là không có. Còn bỏ những giới nhỏ nhặt là vì các bạn chưa hiểu đức giới, hạnh giới, hành giới. Bỏ những giới nhỏ nhặt là bỏ những hành động đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh là một việc làm sai lầm rất lớn các bạn ạ!

Đức Phật dạy: *“Này các Tỳ Kheo, Tỳ kheo phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt chơn chánh lãnh*

thọ và học tập các học giới” Ở đây Đức Phật nhắc nhở chúng ta: “Thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt”. Vậy theo lời dạy này thì chúng ta bỏ những giới nhỏ nhặt nào? Có những giới nhỏ nhặt nào bỏ được. Phải không các bạn?

Khi tu hành chưa chứng đạo thì các bạn đừng làm một việc ngoài sự hiểu biết của các bạn. Ngoài sự hiểu biết của các bạn thì việc làm ấy không bao giờ đúng chánh pháp, nó làm hại bạn, làm hại Phật giáo, làm hại mọi người, nó có tính cách giết Phật giáo. Chứ không phải chấn hưng Phật giáo đâu các bạn.



TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI BỐN TÂN TU

Hỏi: Kính thưa Thầy! Các bạn đồng tu cho rằng: “Sự công bố Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) sẽ ảnh hưởng không những đối với Phật Giáo mà cũng sẽ ảnh hưởng tới các tôn giáo khác và đây không phải chỉ là một sự kiện thuộc giới tâm linh và tôn giáo, nó còn là một sự kiện văn hóa”

Vậy bộ giới luật này có tầm quan trọng đến như thế nào? Xin Thầy dạy rõ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Các bạn chỉ ca ngợi bộ Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu của mình như vậy chứ sự thật ra nó cũng giống như những bộ giới cấm Ba La Đề Mộc Xoa của các Tổ. Với bộ giới luật này nó chỉ là pháp luật của một quốc gia như trên đã nói, chứ chẳng có gì đặc biệt trong giới luật

cả. Nó không nói lên được giới đức, giới hạnh, giới hành mà nó chỉ là những giới cấm. Giới cấm là những giới luật không đúng tinh thần tự lực, tự giác của Phật Giáo. Giới cấm (bị bắt buộc) làm mất sự tự nguyện, tự giác của người tu sĩ Phật giáo.

Xưa Đức Phật trước khi nhận một người mới vào tu học thì cho họ sống biệt trú 4 tháng, nếu trong bốn tháng biệt trú mà người ấy thấy khả năng của mình sống đầy đủ giới luật thì mới xin làm đệ tử của Phật bằng không sống nổi thì xin về, chứ không ép buộc người nào cả.

Do điều kiện này mà chúng tôi xác định giới luật Phật không có giới cấm, chỉ có giới đức, giới hạnh, giới hành. Vì thế giới cấm là do các Tổ làm ra. Bây giờ các bạn không hiểu nên lại chế ra giới cấm tân tu một lần nữa, đó là một việc làm dẫm lại lối mòn của các Tổ, khiến cho tu sĩ Phật giáo đã phá giới, phạm giới lại còn phá giới và phạm giới hơn nữa.

Cho nên bộ giới luật này không có giá trị, nó cũng giống như những bộ giới Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ mà thôi.



NHỮNG THẦY PHẠM GIỚI LÀM SAO THAY ĐỔI VÀ SỬA GIỚI LUẬT ĐƯỢC

Hỏi: Kính thưa Thầy! Khi viết bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha), sợ có người hỏi nên các bạn đã rào đón câu này: “Có người hỏi: Quý vị là ai

mà dám tu chỉnh giới của Bụt? Câu trả lời: chúng ta đều là con của Đức Thế Tôn và chúng ta là sự tiếp nối của Người.

Thưa Thầy câu trả lời này đúng hay sai? Xin Thầy giảng rõ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Phần đông những tu sĩ phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới thường hay có ý chỉnh giới luật để sự vi phạm giới luật không ai phát giác ra được, cho nên câu trả lời này cũng nhằm ý ấy để che đậy những sự phạm giới, phá giới. Câu nói: “*chúng ta là con của đức Thế Tôn và là sự tiếp nối của Người*”, là chúng ta có quyền sửa những gì của Phật. Phải không các bạn?

Ta là con của đức Phật, là sự tiếp nối của Người, nhưng ta có làm được như Người chưa? Chưa làm được như Người mà dám sửa những lời dạy của Người thì có ai tin các bạn không? Các bạn có sống đầy đủ giới hạnh như Người chưa? Tu hành có chứng đạo được như Người chưa? Chưa được như Người thì chưa đủ khả năng chỉnh lại những gì của Người đã dạy. Các bạn có biết không?



GIAO ĐOÀN XUẤT GIA CÒN LÀ ĐẠO BỤT CÒN

Hỏi: Kính thưa Thầy! Có người bảo: “Đạo Bụt sở dĩ còn có mặt, đó là nhờ giáo đoàn xuất gia chưa bao giờ từng dứt đoạn”. Lời nói này có đúng không thưa Thầy?

Đáp: “Giáo đoàn xuất gia còn là Đạo Bụt còn”, lời nói này là nhắm vào lực lượng đông người, chứ đông người mà phạm giới, phá giới, còn tu hành là tu danh, tu lợi thì đông người có ích gì cho mình, cho đạo Phật. Đông người như vậy là làm hại Phật giáo thêm. Dù tu sĩ có hàng vạn người theo tu mà giới luật vi phạm thì Phật giáo được xem là đã mất. Xưa đức Phật sắp nhập Niết Bàn Ngài đã di chúc: “*Nếu giới luật còn là đạo Ta còn, giới luật mất là đạo Ta mất*”.

Lời phát biểu trên đây là một đảng phái, chứ không phải là Phật giáo nữa, cho nên các bạn phát biểu mà không suy nghĩ chín chắn: “*Đạo Phật sở dĩ còn có mặt, đó là nhờ giáo đoàn xuất gia chưa từng bao giờ dứt đoạn*”.

Đúng vậy lời nói này là các bạn xem Phật giáo giống như một đoàn thể, một đảng phái, chứ không phải là tôn giáo Phật giáo nữa. Phật giáo lấy giới luật làm nền tảng tu học cho mình, cho người, nên đức Phật dạy: “*Giới luật còn là Phật Giáo còn, giới luật mất là Phật Giáo mất*”. Vì thế Phật giáo không phải là đảng phái mà cũng không phải là tôn giáo, vì nó là đạo đức của con người nên gọi nó là đạo đức nhân bản. Các Tổ sau này không hiểu giới luật và giáo pháp của Phật là đạo đức nhân bản

– nhân quả nên mới suy tôn nó thành tôn giáo Phật giáo.
Các bạn có biết chưa?

Những người tu sĩ Phật giáo hiện giờ có cái nhìn giới luật và giáo pháp của Phật như luật đảng, luật đoàn của một nhà chính trị hơn là một nhà đạo đức, một nhà chân tu.



CỨ 25 NĂM GIỚI LUẬT PHẢI ĐƯỢC SỬA ĐỔI

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong tập sách “Giới Bản Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha) Tác giả cho rằng: Cứ 25 năm thì giới luật lại được tu chỉnh một lần.

Lời dạy này có đúng không thưa Thầy? Xin thầy dạy rõ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Giới luật là một đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh, vậy mà phải 25 năm thay đổi một lần, như vậy giới luật của Phật là pháp luật chứ đâu còn là giới luật nữa. Phải không các bạn? Có lẽ các bạn hiểu giới luật là pháp luật của nhà nước, nên phải 25 năm Quốc Hội họp lại để sửa đổi.

Giới luật Phật là một pháp môn tu học để tâm được vô lậu nên gọi là “giới vô lậu”. Vậy là các bạn biến giới luật Phật thành pháp luật, để bắt buộc tu sĩ phải thi hành theo pháp luật, nếu tu sĩ nào vi phạm pháp luật thì bỏ tù hoặc tử hình hoặc phạt tiền, v.v...Giới luật khi vi

phạm bị phạt tội như quỳ hương phát lồ sám hối hoặc tấn xuất như vậy sao gọi là giới vô lậu được. Như vậy đức Phật đề ra Tam Vô Lậu học để làm gì? Các bạn trả lời đi?

Phật giáo là trường huấn luyện đạo đức con người, chứ Phật giáo không phải phe phái nên bắt ép người khác phải thi hành luật phe phái.

Nếu Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu này ra đời thì hàng đệ tử của Phật không bao giờ tu chứng quả vô lậu và Phật giáo sẽ trở thành một phe phái Phật giáo chứ không còn là tôn giáo Phật giáo đạo đức nữa. Và từ đó về sau có nhiều phe phái ra đời tranh quyền cố vị danh lợi, chứ không còn là một tôn giáo để tu tập đi đến chỗ rốt ráo giải thoát hoàn toàn.

Hiện giờ có rất nhiều sách Phật giáo ra đời. Nhưng chúng tôi xin cảnh giác các bạn: “Khi tập sách nào được xuất bản ra đời thì hãy nhìn tác giả tu hành tới đâu, giới luật sống có nghiêm chỉnh chưa? Thiền định có nhập được Tứ Thánh Định chưa? Có thực hiện được Tam Minh chưa? Có làm chủ được bốn sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết chưa?

Nếu biết rõ tác giả đã hội đủ bốn điều kiện trên thì cuốn sách ấy có giá trị rất lớn cho con đường tu tập của các bạn sau này. Còn về phía tác giả nếu trả lời chưa được những câu hỏi trên đây mà các vị viết kinh sách thì kinh sách ấy không có giá trị, chỉ là những kinh sách kiến giải, tưởng giải lừa đảo mọi người.

Vậy, các bạn hãy cảnh giác đừng để những nhà học giả lừa đảo làm phí sức, phí công, phí của tiền mà tu hành chẳng tới đâu, chỉ uổng một đời.



THAY ĐỔI GIỚI LUẬT CÓ LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHẬT GIÁO KHÔNG?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nếu giới luật đã tu theo thời gian, theo mỗi truyền thống của thời đại, của mỗi nền văn hóa thế giới thì hiện có còn bảo đảm chất lượng cho hàng đệ tử của Phật hay không? Tại sao giới luật lại “tân tu” ? Điều này có đi ngược lại luật nhân quả hay không?

Con xin Thầy giảng dạy cho chúng con được thấu hiểu.

Đáp: Đạo Phật là đạo tự giác, tự nguyện, tự lực, nên bộ giới cấm này là sai. Đạo Phật lấy thiện pháp làm vũ khí tiến thẳng vào cứu cánh, nên cuộc sống lấy giới luật làm căn cứ địa. Vì và toàn bộ giáo lý của Phật là giới đức, giới hạnh, giới hành.

Bộ giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề các Tổ cũng dựa vào kinh Phật biên soạn ra thành bộ giới cấm. Các Tổ không hiểu biết giới luật Phật là pháp môn tu tập tâm vô lậu nên biến nó thành pháp luật. Cho nên chỗ sai của các Tổ là chỗ “cấm” làm mất hết ý nghĩa của đạo Phật. Đạo Phật là đạo tự giác, tự nguyện; đạo không khuyến dụ, không bắt buộc người khác, tự mọi người ý thức đời là khổ đau nên tự nguyện sống theo đạo Phật để thoát mọi sự đau khổ.

Bộ giới luật Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ do cấm mà lỗi thời không thích ứng với thời đại là vậy, bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu cũng là một bộ giới cấm, nhưng chỉ có thay đổi những danh từ theo thời đại cho thích ứng người nghe, chứ chẳng có gì mới mẻ cả.

Như trên đã nói: nó chỉ sai là đi ngược lại với tông chỉ của đạo Phật là tự giác, tự nguyện, chứ không phải cấm, bắt buộc. Bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu cũng vậy nó cũng dẫm lại lối mòn của các Tổ Giới luật không có gì đi ngược lại với qui luật nhân quả. Giới cấm có đó, nhưng người tuân thủ giới cấm thì không có, cho nên tu sĩ Phật giáo hiện giờ sống phá giới, phạm giới không còn xem giới luật ra gì. Bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu bỏ những giới mà tu sĩ thường vi phạm để được thích ứng với thời đại mà không bị phạm giới. Đó là cái khéo léo của bộ giới luật này để tu sĩ chạy theo dục lạc dễ dàng hơn.

Nhìn những bộ giới cấm của các Thầy Tổ mà đau lòng cho Phật giáo, nó đã làm mất hết ý nghĩa tự giác, tự nguyện sống đời đạo đức không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai.



GIỚI LUẬT PHẬT LÀ PHÁP TU TẬP CĂN BẢN ĐỂ THOÁT KHỔ

Hỏi: *Kính thưa Thầy, tại sao tu sĩ Phật giáo hiện giờ không giữ gìn giới luật, sống phi giới luật, sống bẻ vụn giới luật. Như vậy con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống tu hành của họ?*

Người tu sĩ giữ gìn giới luật nghiêm túc, sống đúng Phạm hạnh, thiêu dục tri túc, phòng hộ các căn đầy đủ, con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống của họ? Con cúi mong Thầy chỉ dạy để cho chúng con được rõ.

Đáp: Như Thầy đã dạy giới luật là một pháp môn tu hành của đạo Phật, chứ không phải là pháp luật của một quốc gia. Cho nên các bộ giới luật do các Tổ biên soạn thành một bộ pháp luật của Phật giáo hơn là một pháp môn tu tập để tâm được vô lậu.

Pháp môn giới luật cùng với pháp môn Thiên định và pháp môn Trí tuệ, gọi chung có tên là “*Tam Vô Lậu Học*” “*GIỚI - ĐỊNH - TUỆ*”.

Tam Vô Lậu Học là ba pháp môn tu tập không còn lậu hoặc, tức là ba cấp tu tập trong tám lớp học sẽ chấm dứt đau khổ của kiếp người hay nói cách khác là làm chủ sanh, già, bệnh, chết của đạo Phật.

Ba pháp môn vô lậu này, kỳ thật chỉ là ba cấp học đạo đức duy nhất của Phật giáo, nên nó được chia ra làm ba giai đoạn tu tập: Giới, Định, Tuệ.

Ba cấp học này chỉ có giới luật là cấp học quan trọng nhất và tu tập khó nhất trên đường tìm cầu đạo giải thoát theo đạo Phật.

Bởi thế, người nào tu hành mà không giữ gìn giới luật không tu giới luật, không sống đúng giới luật, thì có tu suốt đời cũng tu chẳng tới đâu, chỉ còn tu danh, tu lợi, tu tướng, tu chùa to Phật lớn mà thôi (chẳng bao giờ có giải thoát thật sự).

Nếu không tu giới luật mà tu định, thì Thiên định đó là tà thiên, định tướng.

Nếu không tu giới luật mà tu trí tuệ thì trí tuệ đó là tà tuệ, kiến giải, tướng giải, là trí tuệ tích lũy nhai lại bã mía của người xưa, thêm râu, thêm ria, vẽ rắn thêm chân.

Từ xưa đến giờ các Tổ chỉ lập đi, lập lại lối mòn của nhau, chỉ dùng từ hiện đại cho lạ tai mà thôi, chứ lối mòn vẫn là lối mòn, không thể nào lối mòn là đường lớn được.

Như trên Thầy đã dạy giới luật là pháp môn quan trọng nhất trong Tam Vô Lậu Học. Cho nên vì lợi ích chúng sanh, vì muốn thoát ra sự đau khổ của kiếp người đức Phật đã dạy: *“Vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm xong, vì lòng thương tưởng Ta đã dạy các người”*.

Đây là một bài kinh mà Đức Phật đã khéo nhắc nhở cho các vị Tỳ Kheo tu tập giới luật, vì giới luật rất quan

trọng trên đường cầu đạo giải thoát. Bài kinh “*Ước Nguyện*” Trung Bộ tập 1 trang 79 Phật dạy:

- “*Này các Thầy Tỳ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới*”.

Đoạn kinh này là lời dạy khuyên nhắc nhở của đức Phật thấm thía vô cùng, một lời khuyên từ cõi lòng vì thương tưởng chúng sanh đang sống trong cảnh khổ mà chẳng biết đường nào ra. Trên thế gian này chỉ còn có con đường duy nhất để tu tập, thoát ra sự đau khổ của kiếp người “*Giới, Định, Tuệ*”. Không thể còn có con đường thứ hai nào khác được nữa.

Biết rất rõ điều này, trên bước đường tâm sư học đạo. Ngài đã sáu năm gian khổ, nhưng vẫn không tìm ra con đường giải thoát. Bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề trầm tư và nhập Tứ Thánh Định, chứng Tam Minh. Ngài đã tự tìm ra chân pháp, chân pháp ấy là thầy của Ngài, đã dẫn đường Ngài đi đến đích, thoát khỏi sanh già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Chân pháp ấy là gì?

Chân pháp ấy là “*Giới, Định, Tuệ*”. Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta với lòng yêu thương tha thiết đối với chúng ta như con một: “*Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những*

lỗi nhỏ nhất, chân chánh lãnh thọ và học tập các giới học”.

Thế mà người tu sĩ Phật giáo hiện giờ lại xem thường giới luật, oai nghi chánh hạnh không có, xem thường trong các lỗi nhỏ nhất, phạm giới không biết xấu hổ, chẳng bao giờ lấy giới phòng hộ sáu căn, sống ăn uống phi thời, Tăng Ni Tu Sĩ nam nữ kê cận chẳng biết đó là tai họa khổ đau, chẳng biết đó là con đường sanh tử luân hồi.

Bài kinh Ước Nguyện, đức Phật đã xây dựng nó trên nền tảng đạo đức nhân bản - nhân quả. Ngài không dạy chúng ta cầu nguyện mà dạy chúng ta ước nguyện.

Muốn ước nguyện được thành tựu sở nguyện thì phải sống đúng giới luật, giới luật là thiện pháp, do nhân thiện pháp thì chuyển được ác pháp. Vì thế do nhân thiện pháp thì quả của thiện pháp là ước nguyện của chúng ta viên mãn.

Ví dụ: Một người có bệnh tật, tai nạn xảy đến hoặc tai nạn bệnh tật chưa xảy đến nhưng ước nguyện bệnh tật tai nạn sẽ chấm dứt và bệnh tật tai nạn sẽ không xảy ra, thì người ấy phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhất, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới, thì ước nguyện sẽ thành tựu.

Nếu ai giữ gìn giới luật đúng như vậy thì tai nạn, bệnh tật sẽ qua và không xảy đến. Như vậy Ngài đã dạy

chúng ta tu tập giải thoát trên nền đạo đức nhân bản - nhân quả, lấy hành động thiện làm gốc, diệt trừ mọi hành động ác và lòng ham muốn.

Trong bài kinh Ước Nguyện, Đức Phật dạy:

“ - Mong rằng ta được mọi người thương mến, yêu quý, cung kính, và tôn trọng ”.

“- Mong rằng ta được các vật dụng đầy đủ không thiếu hụt ”.

“- Mong rằng những người bố thí cúng dường các vật dụng sẽ được quả báo và lợi ích lớn ”.

“- Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi bệnh tật tai nạn chết, mệnh chung với tâm hoan hỷ, an lạc, được quả báo và lợi ích lớn ”.

Trên đây là những ví dụ ước nguyện trong bài kinh, muốn được toại nguyện cho mình cho người thì chỉ tu tập và giữ gìn giới luật nghiêm túc.

Kinh Phật đã dạy như vậy, thế mà kinh sách Đại Thừa lại dạy cúng tế, cầu khẩn, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cầu an, cầu siêu để được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ (do chư Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ).

Kinh sách Đại Thừa lối dạy tu tập đều cầu tha lực, (Tam bảo gia hộ) cho đến những ước nguyện cho mình, cho người đều dựa vào tha lực. Còn ngược lại kinh sách Nguyên Thủy dạy tự lực. Muốn lợi mình lợi người thì người ấy phải tự mình tận lực sống đúng giới hạnh, nói

cách khác là phải sống đúng thiện pháp không được sống trong ác pháp.

Nói chung đức Phật dạy, con người muốn có cuộc sống an vui, hạnh phúc thì phải sống có đầy đủ đạo đức không làm khổ mình, khổ người, thì được toại nguyện mọi điều.

Đọc qua bài kinh Pháp Môn Căn Bản ta thấy rõ Phật giáo không đi nhằm lại lối mòn của các tôn giáo khác, tự mình vạch ra một lối đi độc đáo, tự lực, cụ thể không mơ hồ, chính xác để giải quyết kiếp sống con người, thoát ra mọi cảnh khổ, tạo thế gian, có cuộc sống con người thành một cõi Thiên Đàng, Cực Lạc.

Để chiến thắng sự ưa thích dục lạc thế gian, sự không ưa thích, sự bất toại nguyện, sự khiếp đảm và sợ hãi, Phật dạy: *“- Nay các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chứ không phải lạc và bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên. Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên nơi Tỳ Kheo, Tỳ kheo ấy “phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh không gián đoạn thiền định (tĩnh thức) thành tựu quán hạnh (vô lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).”*

Lời dạy trên đây rất cụ thể cho người tu, muốn nhiếp phục tâm ham muốn và sợ hãi thì chỉ có giới luật và bốn pháp định, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định

Niệm Hơi Thở (không gián đoạn thiền định) nội tâm tịch tĩnh (Định Sáng Suốt) thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).

Trong bài kinh Ước Nguyện đức Phật dạy nhập Bốn Thánh Định rất rõ ràng và dễ dàng không có khó khăn.

Vì muốn nhập Bốn Thánh Định này không khó khăn, không có ức chế tâm như các nhà học giả kiến giải dạy ra. Chỉ cần sống đúng giới hạnh và tu tập các pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để xả tâm cho thật sạch (không còn tham sân, si, mạn, nghi) nữa, thì chỉ ra lệnh nhập thiền định nào thì nhập ngay thiền định ấy.

“- Nay các Thầy Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng, Tỳ Kheo ý muốn, không khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú, Tỳ Kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật kiên trì nội tâm tịch tĩnh (Sáng Suốt Định) không gián đoạn thiền định (Thân Hành Niệm Nội Ngoại) thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)”.

Nếu người nào muốn tu tập thiền định của đạo Phật nhập Bốn Thánh Định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không có khó khăn chỉ cần thành tựu viên mãn giới luật, tức là sống đúng giới luật.

Xét ra từ khi đức Phật nhập diệt đến giờ, không có ai nhập được Bốn Thánh Định, chỉ vì không thành tựu viên mãn giới luật.

Nếu đã có người nào viên mãn được giới luật sống đầy đủ chánh hạnh thì Phật pháp đâu bị ngoại đạo biến thể như ngày nay và như thế này. Phật giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo hỗn tạp mang đủ thứ pháp môn của ngoại đạo (84 ngàn pháp môn) mà còn tự xưng những danh từ ngã mạn cống cao (Đại Thừa, Tối Thượng Thừa v.v..)

Như trên Phật đã dạy trong bài kinh Ước Nguyện. Từ đức hạnh làm người, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Để đem lại sự giải thoát, an lạc, hạnh phúc cho nhau trên hành tinh này thì *“Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bốn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới thì được toại nguyện, mãn nguyện làm người có đạo đức đầy đủ”*.

Nếu muốn thành tựu những đức hạnh của bậc Thánh nhân và thực hiện thiên định làm chủ sự sống chết của bậc chân nhân mà người đời thường hay ưa thích tu thiên định, nhưng không biết thiên định nào đúng sai cứ nghe thiên định là cứ tu, nhắm mắt tu bừa, tu không suy nghĩ đúng sai phải trái, đã mất công sức tu hành lại còn mất tiền mất của, bỏ đời sống thế gian, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc v.v... Chỉ vì muốn thoát khỏi mọi sự đau khổ của cuộc đời, để trở thành bậc Thánh nhân, nhưng lại tu sai đường, Thánh nhân đâu không thấy, giải thoát đâu không thấy, ngấm lại cuộc đời mình mà đau lòng, bị các nhà tôn giáo lừa đảo mà không

dám nói ra, ngậm miệng tự an ủi mình, phải tu nhiều kiếp, kiếp này chưa xong thì kiếp khác tu nữa, Phật Thích Ca ngày xưa còn tu vô lượng kiếp mới thành Phật, câu này là câu an ủi nhất của những người bị lừa đảo, tu lạc tà pháp, họ muốn hy vọng hảo huyền để mà hy vọng, để mà sống.

Nhưng trong bài kinh Ước Nguyện Phật dạy tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú là từ “*Giới – Định – Tuệ*”.

Như vậy thiên định tu tập đâu có khó khăn gì, thế mà người tu thiên thời nay lại tu quá khó khăn, tu mãi từ hai ba chục năm, nhưng không thành tựu. Các Tổ như Ngài Đại An 12 năm, Diệu Cao Phong 30 năm mà chỉ có triệt ngộ những công án mà thôi, còn làm chủ sanh tử thì chẳng biết gì, tâm sân hận thì vẫn còn cao ngút. Giải thoát đâu không thấy, làm chủ sanh, già, bệnh, chết đâu không thấy, chỉ thấy được mồm mép bén nhạy đối đáp như gió thổi (cơ phong). Còn một số người nữa lại tu vào các loại thiên khác, xuất hồn, Khí công, Yoga, Mật Tông luyện bùa, niệm chú, bắt ấn v.v... Biến các tu sĩ này thay vì tu giải thoát họ lại tu để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ hoặc tập luyện dưỡng sinh, tức là thiên định biến thái thành phương pháp ngừa bệnh.

Thiên định thời nay biến dần thành phương pháp ngừa bệnh (dưỡng sinh) chứ đâu còn là thiên định làm chủ sự sống chết như thời đức Phật.

Nhìn sự tu hành của Phật giáo hiện giờ, ta rất buồn cười thiên định của Phật thì đẹp qua không tu, mà lại tu thiên của ngoại đạo, chỉ vì thiên của ngoại đạo không có giới luật nghiêm túc, đời sống theo dục lạc dễ dàng, ăn uống ngủ nghỉ phi thời.

Do đó tu mãi không kết quả, chạy sang tu các pháp môn khác như Tịnh Độ “*vừa tu Thiên vừa niệm Phật*” như các Tổ Vĩnh Minh, Vân Thê, Từ Vân v.v...

Có người chuyển sang Tịnh Độ hẳn chuyên ròng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc như Tổ Tông Bồn, Khánh Anh, Thiện Hoa, Thiện Hòa v.v...

Có người chuyển sang vừa tu Tịnh Độ cầu vãng sanh vừa tu Mật Tông; có người lại chuyển sang qua hẳn Mật Tông, chuyên ròng niệm chú, bắt ấn.

Có người tu Tịnh Độ lâu ngày chẳng thấy kết quả gì chuyển qua tu Thiên Tông, lại cũng có người tu Mật Tông lâu ngày chẳng thấy linh ứng chuyển qua tu Thiên Tông. Họ chuyển qua pháp môn này, chuyển lại pháp môn kia tu mãi từ đời này sang đời khác chẳng ra gì, vẫn chết trong đau khổ và còn đau khổ hơn người thế gian.

Hiện giờ người ta tu theo Phật Giáo Đại Thừa, cứ chạy theo ba pháp môn Thiên, Tịnh, Mật và chuyển qua chuyển lại tu tập, cứ thế tu tập cho đến bây giờ chẳng ai tu đến đâu, cứ loanh quanh, luẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn, loanh quanh.

Có người tu các loại tà thiền Yoga, xuất hồn lại rơi vào trạng thái Định tưởng; có người tu Thiền Đông Độ rơi vào Pháp tưởng nên gọi là triệt ngộ.

Tịnh Độ Tông thì rơi vào sắc, thanh tưởng thấy cảnh giới Tây Phương, Phật Di Đà và Thánh chúng, thấy hoa sen thấy tên họ được đăng ký trên hoa sen và thấy ánh sáng hào quang, nghe Phật Di Đà thuyết pháp v.v.... Đó toàn là sắc thanh tưởng.

Mật Tông thì rơi vào Tha tâm tưởng, nên biết chuyện quá khứ vị lai khiến cho mọi người quá nề phục và thường làm trò ảo thuật (thần thông) lừa đảo người.

Tất cả những sự việc đã xảy ra khiến cho người tu tưởng mình đã chứng đạo, nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật dạy: *“Tất cả những kết quả đó là tưởng tri chứ không phải thực chứng giải thoát (liễu tri)”*.

Bởi vậy, một người tu tìm cầu sự giải thoát mà không sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống không phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, không đầy đủ oai nghi chánh hạnh, không thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới, thì dù tu ngàn đời Thiền, Tịnh, Mật cũng chẳng đi đến đâu, chỉ uống phí một đời tu hành mà thôi, rồi cũng chạy theo danh, lợi, buôn Phật, bán Pháp mà sống, sống trong cách thức lừa đảo tín đồ để ngồi mát ăn bát vàng.

Thần thông của ngoại đạo do dùng tưởng tu tập như: Yoga, Mật Tông, Khí công, Nội công v.v.. Do dùng tưởng

tu tập nên có thần thông mà tâm dục chưa diệt, ác pháp chưa trừ, nên dễ sa ngã trong nữ sắc, danh, lợi thế gian v.v... Do sa ngã nữ sắc, danh, lợi thế gian nên thần thông mất dần.

Vì vậy có nhiều vị giáo chủ mới xuống núi, thanh sắc đầy đủ, uy nghi chánh hạnh nghiêm trang khiến cho mọi người ai cũng kính nể lại có thần thông kêu mây, hú gió, sai binh, khiển tướng, sai đậu thành binh, tàng hình, biến hóa, đi trên nước lửa như đi trên đất bằng, ngồi trên hư không như thuyền nổi trên nước, đi xuyên qua vách đá, chôn dưới đất mà vẫn sống, đi trong hư không như chim bay v.v..

Những hành động trên đã khiến cho mọi người kính trọng đem dâng cúng của cải, tài sản và ngay cả sắc đẹp không có vật gì mà họ tiếc.

Thử hỏi, thần thông như vậy để làm gì, có ích lợi gì cho loài người đâu? Chỉ là một trò ảo thuật cho người ta xem chơi mà thôi, để cám dỗ những người nhẹ dạ, ham mê thần thông, chứ không thể lường gạt những người đệ tử Phật được.

Chỉ có một hành động lừa đảo gạt người, một vị đạo sư chỉ dùng một tờ báo nấu sôi một nồi nước đã làm cho mọi người kính nể. Nấu sôi một nồi nước chỉ có một tờ báo, hành động đó ích lợi gì cho con người ở thế gian. Vậy mà mọi người vô minh đều kính phục.

Các vị giáo chủ loại này tâm dục chưa trừ, ác pháp chưa diệt, nên khi thấy của cải, tài sản, sắc đẹp thì ham thích nên lần lần sa ngã và thần thông tưởng tiêu mất.

Cho nên thỉnh thoảng báo chí Công an phát giác ra đăng tin, vị giáo chủ này, vị giáo chủ kia, ông đạo này ông đạo kia làm chuyện lừa đảo tén đồ nhẹ dạ.

Ngược lại thần thông của đạo Phật, không do tu tưởng mà có, chỉ dùng pháp hướng như lý đạo tác ý, để ly dục, ly ác pháp, diệt ngã xả tâm, đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi cùng diệt sạch thất kiết sử. Do tu tập đoạn dứt những điều này mà tâm được thanh tịnh. Nhưng, phải biết rõ, muốn dùng pháp hướng tâm như lý tác ý có hiệu quả, thì phải sống đúng giới luật, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống đời sống thiểu dục tri túc, oai nghi tế hạnh hần hoi, đi đứng trang nghiêm, đức hạnh trọn vẹn, không hề sai sót một lỗi nhỏ.

Thần thông của đạo Phật là thần thông vô dục, vô ác pháp. Người tu sĩ đạo Phật, phải biết rõ, vô dục vô ác pháp chỉ do nhờ có giới luật, mới diệt trừ được dục và ác pháp, nên trong kinh Ước Nguyện Phật dạy: *“Nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta chứng được các loại thần thông, một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân ta hiện hình tất cả các loài vật, biến hình đi ngang qua vách qua thành, qua núi đá như đi ngang qua hư không; ta độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền, ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực,*

đại oai thần như vậy ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên.

Muốn được vậy Tỳ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.”

Qua bài kinh Ước Nguyện đối với đạo Phật, ta muốn những gì để đạt được kết quả theo ý muốn của mình, thì đều phải thực hiện tu tập và sống đúng giới luật đó là một nền tảng vững chắc của đạo Phật, một nền tảng đạo đức thật sự của loài người. Nếu ai bỏ nền tảng đạo đức vững chắc này, dù tu tập có tu đúng thiền định của đạo Phật thì cũng trở thành tà thiên, tà định.

Tại sao vậy?

Tại vì, khi đã lìa khỏi pháp môn căn bản của đạo Phật, tức là giới luật, một pháp môn đầu tiên trong ba pháp môn vô lậu “*Giới, Định, Tuệ*” thì người đó dù có tu theo đạo Phật, nhưng vẫn là tu tà đạo.

Bởi vậy, nhìn tu sĩ Phật giáo hiện giờ, biết Phật giáo suy hay thịnh, mất hay còn. Không phải ở số đông tu sĩ Phật giáo, không phải ở chỗ Phật giáo được chấp nhận là quốc giáo; không phải Giáo Hội Phật Giáo được tổ chức như một quốc gia có tổ chức hẳn hoi, có các trường học từ sơ, trung, cao đẳng để tu sĩ học tập có cấp bằng cử nhân, tiến sĩ .v.v... Cũng không phải ở chỗ xây cất chùa to, tháp lớn, kiến trúc kiên cố vĩ đại mà ở chỗ tu sĩ phải

sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt. Nói tóm lại vị Tỳ Kheo phải giữ gìn giới luật nghiêm túc thì Phật giáo mới còn và hưng thịnh, còn chúng Tỳ Kheo phá giới thì Phật giáo mất và không hưng thịnh.

Lời di chúc năm xưa của đức Phật còn vang mãi trong tai chúng ta *“giới luật còn là Phật Giáo còn, giới luật mất là Phật Giáo mất.”*

Hỡi quý vị Tăng, Ni và Cư Sĩ ! Quý vị có muốn Phật giáo trường tồn với loài người trên hành tinh này chăng? Hay để cho Phật giáo mai một suy tàn chìm mất trong lớp bụi mù dày đặc của tà pháp ngoại đạo (Đại Thừa) đang phủ trùm che khắp.

Nếu muốn Phật giáo được trường tồn và hưng thịnh mãi mãi đem lại hạnh phúc an vui cho loài người và mọi người trên hành tinh này không còn làm khổ mình, khổ người nữa, thì người cư sĩ đệ tử Phật tại gia hãy giữ gìn giới luật của người cư sĩ mà đức Phật đã dạy phải nghiêm túc khi thọ Tam quy, Ngũ giới và Thập thiện, phải lấy nó phòng hộ cuộc sống của mình, giữ gìn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không làm khổ mình khổ người thì Phật giáo sẽ còn với quý vị, với loài người trên hành tinh này.

Còn Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni đệ tử xuất gia của đức Phật, nếu muốn Phật giáo được trường tồn, làm ngọn đuốc sáng soi đường đạo đức cho mọi người trên

quả địa cầu này và để có hướng đi tìm chân lý giải thoát, thoát khỏi kiếp sống khổ đau của loài người và cũng chính ngay bản thân của quý vị. Quý vị có muốn làm chủ bốn sự khổ đau sanh, lão, bệnh, tử đang tấn công quý vị hằng giây, hằng phút không? Nếu quý vị lơ đãng thì ôi hô ! uổng một kiếp người.

Nếu muốn làm chủ bốn sự khổ đau này thì quý vị đã thọ cụ túc giới phải nghiêm chỉnh sống đầy đủ giới hạnh đầy đủ giới bổn, không được bẻ vụn giới luật như các Tổ đã làm mà quý vị đang chịu ảnh hưởng rất nặng, sống phá giới.

Quý vị hãy bỏ xuống những gì của các Tổ mà phải trở lại sống đúng như Phật, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, phải đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.



PHẠM HẠNH CÓ CHẤP NHẬN CHÙA TO PHẬT LỚN KHÔNG

Hỏi: Kính thưa Thầy! Sau khi con được đọc tập sách mỏng tựa đề “LỜI DẠY CỦA THẦY”.(Ghi lại lời dạy của H.T Thanh Từ – Nhân dịp đệ tử làm lễ Chúc Thọ). Trong đó có một đoạn nói rằng: “ Tôi tu hành chỉ lo hướng dẫn Tăng, Ni biết rõ đường lối tu, chớ không đặt nặng chùa to Phật lớn, song bây giờ tôi lại có chùa to Phật lớn. Đây dường như là điều mâu thuẫn. Vì tôi lo cho Tăng Ni mà Tăng Ni ngày càng đông nên chùa phải to, chùa nhỏ làm

sao dung chứa hết? Chùa to thì Phật cũng phải to theo. Đó là điều tự nhiên. Không gượng ép gì hết”.

Đọc đến đoạn này. Con xin Thầy giảng cho con được hiểu hơn về điều này “Chùa to Phật lớn”. Vì con thấy ở tu viện Chơn Như Tăng Ni cũng rất đông mà đâu có thấy chùa to Phật lớn, con chỉ thấy mái nhà tranh, vách liếp thoáng mát, mỗi người được nhận một cái thất riêng biệt để lo tu tập. Vì thế con kính xin Thầy giảng dạy cho con thấu hiểu để mỗi ngày tri kiến của con được sâu sắc hơn nữa.

Đáp: Đối với câu hỏi này, Thầy không có ý kiến gì cả, vì câu hỏi của con đã có câu trả lời rồi.

Thầy chỉ mong sao các bậc Tôn Túc khi tịch được tự tại trong sanh tử, đừng nằm liệt giường liệt chiếu. Một hình ảnh của một người tu hành theo Phật giáo không bao giờ mong gặp.

Khi các bậc Tôn Túc tịch mong sao các huynh đệ đều đoàn kết là đẹp nhất.

Chùa to Phật lớn là hình ảnh danh lợi. Cho nên khiến lòng người dễ sa ngã bị phân hóa nội bộ.

Chùa to Phật lớn là hình ảnh danh lợi. Người tu sĩ giới luật nghiêm chỉnh thì không thể nào chấp nhận, không thể nào sống trong đó được.

Trong giới luật Sa Di có giới luật tu sĩ không được nằm giường cao rộng lớn, tức là đức Phật dạy tu sĩ không nên ở chùa to Phật lớn. Tại sao có nghĩa này?

Chúng ta lấy giới này suy ra thì biết ngay liền. Giường cao rộng lớn là phải được đặt trong trong chùa to, cốc lớn, nếu am tranh, cốc nhỏ làm sao đặt giường cao rộng lớn được. Phải không các bạn? Cho nên giới không nằm giường cao rộng lớn là giới không được ở trong chùa to Phật lớn. Như vậy các bạn ở trong chùa to Phật lớn là các bạn không hiểu giới luật Phật. Giới luật là đức hạnh của người tu sĩ. Người tu sĩ phải sống có đức hạnh thanh bần mới đúng là Thánh Tăng, còn sống trong chùa to Phật lớn thì Thánh hạnh thanh bần đâu còn nữa. Phải không các bạn?

Giới luật và giáo pháp của Phật không cho phép người tu sĩ sống trong đó. Vì giới luật và giáo pháp của Phật dạy ly dục ly ác pháp, mà sống trong đó là làm sao ly dục ly ác pháp được.

Không ly dục ly ác pháp thì tu pháp nào cũng là tu theo ngoại đạo. Tu mà không ly dục ly ác pháp là tu tập có ích lợi gì. Tu mà không sống đời Phạm hạnh là không xứng đáng người tu sĩ Phật giáo.



THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Hỏi: Kính thưa Thầy, theo Đạo Phật Thầy đã giảng là không có thế giới siêu hình, nhưng trong các kinh Nguyên Thủy, Đức Phật đã dạy, có 33 cõi Trời và các cõi địa ngục, cõi nạ quỷ, A Tu La, súc sanh, và cõi Người, như trong kinh có thuật lại:

“Một hôm Đức Thế Tôn cùng tôn giả A Nan đi khát thực, trên đường về, tôn giả A Nan thấy Đức Phật mỉm cười, nên lấy làm lạ, muốn thưa hỏi Phật liền, nhưng giới luật Phật cấm, “Chẳng được nói chuyện trên đường đi”. A Nan chờ sau khi thọ thực xong Ngài đến thưa hỏi Phật: “Kính bạch Thế Tôn, trong lúc đang đi khát thực về, có duyên cớ gì mà Như Lai mỉm cười?”

Đức Phật bảo:

“Trên đường đi khát thực về ta thấy trên trời có một loài ngạ quỷ đang đói khổ, sau lưng bị một đoàn ó theo cắn rĩa, thật là đau khổ”.

Kính bạch Thầy, có phải cảnh giới này là địa ngục không? Nếu quả có địa ngục thì phải có đời sống sau khi chết. Nếu có đời sống sau khi chết thì phải có thế giới siêu hình?

Và đây là câu chuyện thứ hai:

“Vào lúc cuối đêm, đến chỗ Đức Phật ngự có một Thiên nữ Câu-Ca-Ni có dung sắc tuyệt diệu, cúi đầu lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp tịnh xá Sơn Cốc. Thiên nữ đọc lên một bài kệ. Khi Đức Phật nghe xong bảo Thiên nữ:

– “Đúng thế ! Đúng thế!”

“Thiên nữ Câu Ca Ni nghe Phật khen, hoan hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất”.

Thưa Thầy, câu chuyện trên đây trong kinh Tạp A-Hàm tập IV trang 483 kinh số 1.271. Theo bài kinh này như

vậy có cõi Trời, có cõi Trời tức là có thế giới siêu hình, có thế giới siêu hình, tức là có sự sống sau khi chết. Xin Thầy dạy rõ cho chúng con hiểu?

Đáp: Đã từ lâu, cũng chỉ vì thế giới siêu hình điên đảo này, Thầy đã xác định nhiều lần không có thế giới siêu hình, mà chỉ có thế giới siêu hình tưởng. Thế mà đến giờ này các con vẫn chưa đủ niềm tin hay sao?

Sự thật thế giới siêu hình không có, nhưng biết nói làm sao cho các con tin. Một thế giới siêu hình đã ăn sâu vào lòng người, từ khi con người có mặt trên hành tinh này, với một tưởng thức của con người tạo ra. Đó là một điều không thể trách được các con ạ! Các hiện tượng của thế giới siêu hình tưởng hằng ngày đang diễn biến chung quanh cuộc sống con người thì thử hỏi làm sao người ta tin rằng không có thế giới siêu hình.

Thêm vào các tôn giáo và cả Phật giáo Đại Thừa đều xác định có thế giới siêu hình thì dù tiếng nói của Thầy có thật sự đi nữa là không có, cũng khó có ai tin theo được. Đức Phật đã dạy kinh Ngũ Uẩn, kinh Thập Nhị Nhân Duyên mà Thầy đã giảng, nhưng các con chưa đủ niềm tin. Bây giờ Thầy sẽ dẫn chứng một bài kinh khác cụ thể rõ ràng hơn chính lời Phật đã dạy: “*Bài kinh Pháp Môn Căn Bản*” trong kinh Trung Bộ tập I trang 9.

- “*Này các Thầy Tỳ Kheo. Ta sẽ giảng cho các Người: “Pháp môn căn bản tất cả pháp”.*

“*Này các Thầy Tỳ Kheo! Ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực*

pháp của các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc chân nhân, không thuần thực pháp các bậc chân nhân, không tu tập pháp các bậc chân nhân, tưởng tri đại địa là đại địa. Vì tưởng tri đại địa là đại địa, người ấy nghĩ đến đại địa (là có thật). Nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với đại địa thì tự ngã có thật. Cho nên người ấy nghĩ “Đại địa là của ta” Sanh ra ưa thích chấp đắm đại địa. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri đại địa.

Người ấy tưởng tri thủy đại là thủy đại. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại người ấy nghĩ đến thủy đại (là có thật) nghĩ đến tự ngã đối chiếu với thủy đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ “Thủy đại là của ta” Sanh ra ưa thích chấp đắm thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại.

Người ấy tưởng tri hỏa đại là hỏa đại: Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại (là có thật) nghĩ đến tự ngã đối chiếu với hỏa đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ hỏa đại là của ta. Sanh ra ưa thích chấp đắm hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại.

Người ấy tưởng tri phong đại là phong đại. Vì tưởng tri phong đại là phong đại. Người ấy nghĩ đến phong đại (là có thật) Nghĩ đến tự ngã đối chiếu với phong đại là tự ngã có thật, cho nên người ấy nghĩ phong đại là của ta. Sanh ra ưa thích, chấp đắm phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.

Người ấy tưởng tri sanh vật là sanh vật. Vì tưởng tri sanh vật là sanh vật, người ấy nghĩ đến sanh vật (là có thật). Nghĩ đến tự ngã đối chiếu với sanh vật thì tự ngã có thật cho nên người ấy nghĩ “Sinh vật là của ta” sanh ra ưa thích chấp đắm sanh vật. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri sinh vật”.

Đọc qua những lời dạy của đức Phật trên đây, chỉ cho thế giới hữu hình của chúng ta là thế giới tưởng. Tưởng đất đai, sông, núi, cây, cỏ, vạn vật là có thật. Vì tưởng nó có thật nên con người sanh ra chấp đắm, ham thích, rồi mới tranh chấp đấu tranh, giành giật của cải, tài sản, đất đá, sông, rạch, núi, rừng, vàng, bạc, châu, báu v.v.. Giết người, cướp của, dùng mọi thủ đoạn phương tiện lừa đảo, lường gạt người bằng mọi cách, thậm chí có kẻ lợi dụng ngay cả tôn giáo, buôn Phật, bán Pháp, buôn Thần, bán Thánh v.v..

Do chỗ không hiểu thế giới hữu hình là thế giới tưởng nên mới sanh tạo ra nhiều thứ dính mắc và tạo biết bao nhiêu sự đau khổ cho mình, cho người, từ kiếp này đến kiếp khác và mãi mãi chịu khổ đau vô cùng tận, cũng chỉ vì “*tưởng tri của loài người*”.

Đức Phật đã thấy thế giới hữu hình của con người là thế giới tưởng, cách đây 2548 năm, Người đánh tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người, thế giới hữu hình là thế giới tưởng, nhưng ai là người đã tin Ngài. Nếu không phải là người tu đúng giáo pháp của Người. Thì làm sao tin được thế giới này là thế giới tưởng.

Thế giới hữu hình là thế giới tưởng thì thế giới vô hình làm sao có thật, thế giới vô hình là bóng dáng của thế giới hữu hình, đã là bóng dáng thì làm gì có sự sống sau khi chết, đó chẳng qua chỉ là một ảo tưởng của loài người mà thôi.

Cho nên hiện giờ các tôn giáo trên thế gian này ngay cả Đại Thừa Phật Giáo cũng thấy thế giới hữu hình này là thế giới tạm bợ không có thật, vì mọi vật đều vô thường, như lời đức Phật đã dạy qua bài kinh trên “*Pháp môn căn bản*”. Từ đất, đá, cỏ, cây và tất cả sinh vật đang sanh sôi nảy nở trên hành tinh này đều do tướng tri của chúng sanh, tướng là có thật, chứ thực ra thế giới hữu hình này là thế giới duyên hợp. Mọi vật có mặt (vạn hữu) trên hành tinh này đều do duyên hợp mà thành, mọi vật (vạn hữu) hoại diệt đều do duyên tan rã mà hoại diệt, không có một vật nào thường còn bất biến, vạn vật đều là vô thường.

Chỉ vì người thế gian với trí hữu hạn không thấu rõ thế giới hữu hình này. Cho là thật có. Đối với người có trí vô hạn thì thế giới hữu hình là thế giới tưởng của loài người. Nhưng các tôn giáo kể cả Đại Thừa Giáo cũng cho thế giới hữu hình là không thật, nhưng lại xây dựng một thế giới vô hình có thật, thì đó là đi ngược lại Phật giáo. Phật giáo cho thế giới vô hình là thế giới tướng tri (không có).

Cũng trong bài kinh Pháp Môn Căn Bản trong Trung Bộ kinh tập 1 trang 11 kinh dạy: “*Người ấy tưởng tri Phạm thiên là Phạm thiên ... Người ấy tưởng tri Quang*

âm thiên là Quang âm thiên ... Người ấy tưởng tri Biến tịnh thiên là Biến tịnh thiên ... Người ấy tưởng tri Quảng quả thiên là Quảng quả thiên Người ấy tưởng tri Abhibhù (Thắng giả) là Abhibhù Người ấy tưởng tri Không vô biên xứ là không vô biên xứ thiên... Người ấy tưởng tri Thúc vô biên xứ là Thúc vô biên xứ thiên... Người ấy tưởng tri vô sở hữu xứ là vô sở hữu xứ thiên... Người ấy tưởng tri Phi tướng phi phi tướng xứ là Phi tướng phi phi tướng xứ thiên... Người ấy tưởng tri Sở kiến là Sở kiến ... Người ấy tưởng tri Sở văn là Sở văn ... Người ấy tưởng tri Sở tư niệm là Sở tư niệm ... người ấy tưởng tri Sở tri là Sở tri ... Người ấy tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất ... Người ấy tưởng tri Sai biệt là Sai biệt Người ấy tưởng tri Tất cả là Tất cả Người ấy tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn ... Vì tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn. Người ấy nghĩ đến Niết Bàn (là có thật). Nghĩ đến tự ngã đối chiếu Niết Bàn (thì tự ngã có thật nhập Niết Bàn) cho nên người ấy nghĩ “Niết Bàn là của ta”. Sanh ra ưa thích chấp đắm Niết Bàn (dục hỷ). Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri (không hiểu, không biết) Niết Bàn.”

Phật giáo không chấp nhận thế giới hữu hình là có thật tri mà chỉ là tưởng tri, đến thế giới siêu hình các cõi trời địa ngục và Niết Bàn cũng là tưởng tri chứ không phải thật tri.

Vì, thế giới siêu hình là bóng dáng của thế giới hữu hình như trên chúng tôi đã nói. Vì thế, con người hữu hình như thế nào thì thế giới siêu hình con người giống như thế nấy, tất cả núi, sông, đất, đá, cây, cỏ, thảo, mộc,

nhà, cửa, đèn, đài, cung, điện đều giống thế giới hữu hình. Chỉ khác hơn ở thế giới hữu hình là không có không gian và thời gian mà thôi.

Bởi vậy, những người ông lên, bà xuống, nhập đồng, nhập xác, nói chuyện quá khứ, vị lai, chỉ nơi siêu mô, lạc mả cho người lấy cốt đều đúng không sai một mảy, là nhờ tướng uẩn không có không gian và thời gian, nhưng khi tướng uẩn * hoạt động thì biết đúng, nói không sai, còn khi tướng uẩn không hoạt động thì không biết, thường nói sai.

Do chỗ nói chuyện quá khứ, vị lai không sai, khiến người ta tin rằng có linh hồn người chết, ông này, bà kia, cậu nọ nhập xác, lên đồng, nhập cốt v.v...

Bởi tướng uẩn làm việc như vậy người ta không rõ, rồi tin rằng có thế giới siêu hình thật sự.

Từ tướng tri thế giới hữu hình là thật có người ta đã mang đến cho chính mình mọi sự khổ đau cho đến ngày nằm xuống lòng đất, xuôi tay vẫn còn đau khổ, thế mà có ai biết rõ điều này, mọi người đều vô minh ngay đến những nhà khoa học cũng đành bó tay không giải thích được vì các hiện tượng kỳ lạ mà mọi người đều phải chấp nhận thế giới siêu hình, cho nên thật khó cho ai không tin thế giới siêu hình là không có.

* *Tướng uẩn là danh từ trong kinh sách Phật để chỉ cho nhóm tế bào thần kinh não hoạt động không có không gian và thời gian trong một đời khi nhóm tế bào thần kinh não ý thức (sắc uẩn) ngưng hoạt động.*

Sự sợ hãi và sự đau khổ do các hiện tượng thời tiết của thế giới hữu hình mới khiến con người tạo ra thế giới siêu hình để có sự phò hộ che chở giúp cho tinh thần con người được an ổn, bớt sợ hãi.

Từ khi sản xuất ra thế giới siêu hình mọi người luôn tin tưởng có sự gia hộ, che chở, ban phước, giáng họa, nhưng sự thật, không thể phò hộ, gia bị, giáng họa, ban phước cho ai cả, chỉ con người tưởng ra để an ủi tinh thần như vậy mà thôi.

Cho nên sự tưởng ra thế giới siêu hình lại còn tạo thêm một lớp khổ cho con người nữa, đã khổ vì thế giới hữu hình dính mắc trói buộc các pháp thế gian, rồi lại bị lường gạt bởi thế giới siêu hình nữa. Do đó có một số tà sư, ngoại đạo lợi dụng sự vô minh và lòng mê tín này tạo ra các vị thần linh để khiến con người tôn sùng, cung kính, sợ hãi và chịu biết bao nhiêu tổn hao tiền của và giết hại sanh linh, làm tội ác thêm để cúng bái, tế lễ, cầu khấn, van xin v.v..

Cách thức làm ăn của bọn tà sư, ngoại đạo này có hiệu quả làm giàu trên xương máu của kẻ khác không phí sức lao động, chỉ cần tụng đọc ê a, hoặc vẽ bùa, đọc chú, ợ, ợ, ngáp, ngáp nói bậy bạ là hốt tiền bạc của những kẻ đang gặp nhân quả nghiệp báo xấu, nặng nề, trong lúc quá khổ đau, quá sợ hãi trước tai họa hiểm nghèo, trước bệnh tật nan y, trước sự sống chết như chỉ mảnh treo chuông, trí óc không còn sáng suốt. Lúc bây giờ bọn thầy lừa đảo này nói sao họ nghe vậy, họ làm tiền một cách dễ dàng (ngồi mát ăn bát vàng).

Lại có một số tà sư ngoại đạo khéo léo hơn dùng ba tactic lý luận như Trương Nghi, Tô Tần thời Lục Quốc bên Trung Hoa pháp môn này, pháp môn nọ triết lý này triết lý kia, chân lý này chân lý nọ, lường gạt những kẻ vô minh chạy theo pháp này chạy theo pháp kia tu tập để chứng đạt chân lý này chân lý khác.

Từ xưa đến nay, ai là người đã đi tìm chân lý thoát khổ? Chân lý ấy được bao nhiêu người đạt được? Hay chỉ là một lý luận suông?

Tại sao các người không nói thật? Để biết bao nhiêu con người phải mất công, mất của và còn tổn biết bao công lao khổ công tu tập mà chẳng được những gì. Từ tôn giáo này đến tôn giáo khác, từ pháp môn này đến pháp môn khác, để nuôi một hy vọng hảo huyền giải thoát, Thiên Đường, Cực Lạc, Niết Bàn v.v..

Danh lợi ở thế gian có nhiều việc làm nên danh, nên lợi mà rất “*thiện*”. Tại sao các người không làm việc kia mà lại làm việc này, để lường gạt người khác chi vậy. Biết bao nhiêu thế hệ con người đã qua, họ đã chạy theo tu hành và rèn luyện thân tâm, nhưng họ được những gì ở các chân lý ảo tưởng ấy?

Trong khi đó họ đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi, công lực, tiền của và công sức. Giải thoát đâu không thấy chỉ thấy khổ và khổ, cho đến lúc chết lại càng khổ hơn, (Các Hòa Thượng khi viên tịch quá khổ sở) họ chỉ mua được cái “*danh*” và cái “*lợi*” giả.

Bởi vậy, các thế giới siêu hình tưởng, tai ương bệnh tật đều là tưởng Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đều là tưởng, pháp môn tu hành cũng đều là tưởng, vì thế cái khổ của con người cũng hoàn lại cái khổ.

Do đó Phật giáo ra đời quyết đập tan tành cái thế giới hữu hình duyên hợp và xé nát cái thế giới siêu hình tưởng. Giống như một vị Thần để đem lại sự công bằng và công lý cho loài người, giúp họ sống an vui, thanh thản và hạnh phúc. Tạo sự sống an vui trên hành tinh này là một cảnh giới Thiên Đàng.

Bài pháp Thân Ngũ Uẩn, Thập Nhị Nhân Duyên, Pháp Môn Căn Bản trong tạng kinh Nikaya và kinh A Hàm không đủ để chứng minh đập phá thế giới siêu hình và hữu hình này sao?

Nếu đập phá được cả hai thế giới này, để mang lại cho con người một đời sống thoải mái, thanh thản, an lạc và hạnh phúc. Bằng ngược lại thì con người phải chịu khổ vô cùng tận và vô lượng kiếp.

- *“Trên giường bệnh hấp hối của một vị quan sát thủ, được nhà vua đến thăm căn dặn ông nhiều lần: “Khanh là một vị quan chuyên môn giết người” như vậy khanh phải đoạ địa ngục, khi vào địa ngục, bằng mọi cách khanh về báo cho trăm biết, khanh đã xuống địa ngục và địa ngục có thật, khanh nhớ kỹ lời trăm đừng phụ lòng trăm. Vị quan sát thủ gật đầu và xin hứa.*

Nhà vua căn dặn xong chẳng bao lâu vị quan này chết.

Chờ mãi, chờ mãi từ 1 tháng đến một năm rồi đến 3 năm mà chẳng có tin tức gì cả. Nhà vua đến một vị Đạo sư hỏi:

- “Thưa Ngài, Ngài nói có địa ngục, trẫm có một vị quan sát thủ trước khi chết trẫm đã căn dặn đôi ba lần: “Khi xuống địa ngục, bằng mọi cách khanh hãy về báo cho trẫm biết, nhưng đến nay đã ba năm rồi chẳng có tin tức gì cả, như vậy theo trẫm nghĩ “chẳng có địa ngục”.

Vị Đạo sư trả lời:

- “Tâu bệ hạ, vị quan ấy là tội nhân làm sao có quyền đi lại được để về báo cho bệ hạ hay”.

Nhà vua gật đầu chấp nhận ra về, sau ba năm nhà vua trở lại thăm vị Đạo sư và hỏi:

-Thưa Ngài, Ngài nói có Thiên Đàng phải không?

Vị Đạo sư tâu:

-Vâng, thưa bệ hạ, có Thiên Đàng, ai làm thiện sẽ sanh lên Thiên Đàng, ai làm ác sẽ đọa xuống Địa Ngục.

Nhà vua phán:

-Ta có một vị quan đại thần suốt đời làm thiện, làm quan thì cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, làm người thì hằng ngày thường trường chay, không sát hại sanh linh, trước giờ phút lâm chung, hấp hối trẫm đến căn dặn nhiều lần: “Khanh là một người hiền lành sống thì trường chay, chẳng hề giết hại chúng sanh, làm quan thì liêm chính ngay thẳng, chắc chắn khi chết khanh được về Thiên Đàng. Vậy bằng mọi cách sau khi chết nhà người về báo cho ta

biết có cảnh Thiên Đàng chân thật hay không? Để trẫm yên lòng”.

Như thế đến nay đã ba năm mà ta chẳng được tin tức gì, chắc chắn là chẳng có Thiên Đàng.”

Trong bài kinh này, Đức Phật còn xác định thêm:
“Nếu có cảnh giới siêu hình thật thì phải có người đến và người về, đàng này đi thì có, về thì không”.

Như vậy chứng tỏ không có thế giới siêu hình mà chỉ có một thế giới siêu hình tưởng mà thôi. Kinh Pháp Môn Căn Bản đức Phật đã dạy rất rõ ràng và cụ thể nhất.

Cho nên trong kinh Nguyên Thủy các vị Trời đến bực Phật cũng như Ma Vương, Ác quỷ và quỷ đói đều là cảnh giới tưởng của thế giới tưởng ảo của con người tạo ra. Tạo ra như vậy để mà chịu khổ thêm chẳng ích lợi gì cho đời sống, còn làm hao tổn tiền của một cách vô lý.

Các tôn giáo khác, Phật Giáo Đại Thừa và Thiên Đông Độ đua nhau xây dựng thế giới siêu hình bằng nhiều hình thức và những xưng danh khác nhau để khéo lừa đảo con người, chứ kỳ thật cũng chỉ là thế giới tưởng mà thôi.

Nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Đức Phật đã xác định rõ ràng: *“Người ấy tưởng tri Sở kiến là Sở kiến .. Người ấy tưởng tri Sở văn là Sở văn .. Người ấy tưởng tri Sở tư niệm là Sở tư niệm .. Người ấy tưởng Tri sở là Tri sở .. Người ấy tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất.. Người ấy tưởng tri Sai biệt là Sai biệt... Người ấy tưởng tri Tất cả là Tất cả ... Người ấy tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn ..”* Đó

toàn là sống trong tưởng mà mọi người mấy ai biết. Trên đời chỉ có một mình đức Phật biết rất rõ.

Bởi vậy, nhìn chung các tôn giáo trên thế gian này đang xây dựng một thế giới siêu hình để thỏa mãn lòng tham vọng của loài người.

Xưa, vua Tần Thủy Hoàng vì tham vọng sống lâu, nên đã cho người đi tìm thuốc trường sanh bất tử. Theo lời dạy của các vị tu Tiên, nhưng nào có được gì đâu, chỉ hoài công vô ích.

Phương pháp tập dưỡng sinh và đạo Yoga đều tập luyện kéo dài tuổi thọ để đạt được “Trường sanh bất tử”, nhưng có vị nào không bệnh đau và trường sanh bất tử đâu. Cuối cùng rồi cũng bệnh đau mà chết.

Những việc làm này, con người trên thế gian ai đã làm được. Đó là một tưởng vọng của loài người, không thể thành sự thật. Như đức Phật đã dạy đó là sự tưởng tri của loài người. (tưởng tri thì làm sao có sự thật được).

Tìm mọi cách để loài người sống mãi muôn đời, nhưng không thành tựu, nên con người quay lại tìm “*sự sống sau khi chết*”. Do đó, mới sản xuất ra cảnh giới Thiên Đàng, Địa Ngục, Bồng Lai Tiên Cảnh, Cực Lạc Tây Phương, cõi Niết Bàn, Bản Thể Vạn Hữu, Đại Ngã, Phật Tánh v.v..

Riêng đức Phật, Ngài dạy: “Tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn”.

Câu nói của Ngài có một giá trị rất lớn đối với các Tôn giáo. Toàn bộ tất cả cảnh giới siêu hình của các Tôn giáo đều đối với đạo Phật là cảnh giới tưởng, không thể lừa đảo lường gạt người đệ tử của Phật được, vì đức Phật đã dạy cho các đệ tử của mình rất rõ ràng và cụ thể.

Các pháp môn của các tôn giáo này chỉ lừa đảo, lường gạt được những người vô minh, vì cuộc sống còn mang đầy đầy tham vọng nên mới tìm tu và nghe theo các giáo phái đó mà thôi.

Sáu nẻo luân hồi chỉ là sáu trạng thái của tâm, chứ không phải sáu cõi giới gồm có từ hữu hình đến siêu hình. Sáu cõi giới ấy là:

- 1/ Cõi Trời
- 2/ Cõi Người
- 3/ Cõi A Tu La
- 4/ Cõi súc sanh
- 5/ Cõi Ngạ quỷ
- 6/ Địa ngục.

Chỉ trong một thời gian ngắn, nếu một người không biết phương pháp tu theo Phật giáo thì có thể luân hồi sáu nẻo ngay tại kiếp sống của họ.

Ví dụ: Một người đang sống trong mười điều thiện (Thập thiện) thì trạng thái tâm hồn của họ cảm nhận được sự an lạc yên vui hạnh phúc và cơ thể của họ không có một chút nào mỏi mệt, đau nhức khổ sở, mà người khác không sống đúng mười điều lành thì không thể cảm nhận biết được. Nhưng khi họ rời khỏi mười điều lành

này mà chỉ còn giữ được năm điều lành (ngũ giới) thì lúc bấy giờ họ luân hồi vào cõi người sự bình an của họ không bình an và an vui bằng trạng thái của cõi Trời. Trong khi họ đang ở trong trạng thái tâm cõi người họ không giữ gìn được tâm để cơn sân bùng cháy trong lòng thì ngay đó họ đã luân hồi vào cõi A Tu La.

Nếu ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn năm giới trọn vẹn thường thiếu lòng yêu thương sự sống của muôn loài, không buông xả các pháp ác cố chấp tị hiềm, ganh đua, hơn thiệt, dâm dục, thiếu thành thật nói những lời hung ác, nói những lời vu khống, chuyện có nói không, chuyện không nói có, tâm hồn họ luôn luôn buồn phiền khổ đau lo sợ sống bất an, đó là họ đã luân hồi vào cõi súc sanh một trạng thái khổ đau như vậy.

Từ ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn tâm sống đúng năm giới, để tâm khởi muốn ăn, muốn uống và bụng cảm giác thấy đói khát rồi đi ăn uống phi thời, đó là họ đã luân hồi vào trạng thái cõi giới ngạ quỷ.

Từ ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn tâm sống đúng năm giới, thường giết hại, ăn thịt chúng sanh và chạy theo khẩu vị ăn những món ăn hảo hạng ngon miệng, nhưng trong đó có chất độc, sống không yêu thương sự sống, không giữ vệ sinh chung, thường làm ô nhiễm môi trường sống, nên cơ thể dễ sinh ra nhiều bệnh tật nan y. Cơ thể bị bệnh đau nhức khổ sở, đó là luân hồi vào trạng thái địa ngục.

Cho nên sáu nẻo luân hồi không phải là sáu cõi giới hữu hình và vô hình mà là sáu trạng thái của tâm trong một con người như trên đã nói.

Còn những câu chuyện trên Phật đã nói với ông A Nan là những câu chuyện của tướng uẩn lưu xuất phóng ra những hình ảnh từ trường trong không gian. Khi nào một người có tướng uẩn mạnh tức là tướng uẩn hoạt động thì sẽ bắt gặp những hình ảnh cảnh giới của những từ trường này. Hình ảnh này không phải là cõi giới mà là hình ảnh từ trường của những người còn sống cũng như của những người đã chết phóng xuất còn lưu giữ trong không gian.

Trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật đã dạy: Tất cả cõi Trời, cõi Người, A Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục đều là tướng tri chứ không phải liễu tri.



BỐN ĐỊNH VÔ SẮC

Hỏi: Kính thưa Thầy, từ lâu con được nghe Thầy giảng dạy về Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định, Tứ Như Ý Túc, Tam Minh, v.v.. mà chưa hề nghe Thầy dạy Bốn Định Vô Sắc.

- *Vậy Bốn Định Vô Sắc tu như thế nào?*
- *Tu nó có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không?*
- *Tu nó có hại gì cho cơ thể và tinh thần không?*

- *Tại sao trong kinh sách Phật không dạy rõ cách thức tu nó?*

Đáp: Bốn loại định vô sắc trong kinh Nguyên Thủy Phật dạy rất rõ, nếu muốn đạt được Tam Vô Lậu Học giải thoát thì phải vượt qua[†] bốn loại định tưởng nhập vào Vô Tướng Tâm Định. Từ nội Vô Tướng Tâm Định này phải tư duy quán xét thì được giải thoát khỏi lậu hoặc vì ở Định Phi Tưởng còn nổi ưu phiền là sáu nhập duyên mạng, tức là duyên với thân mạng. Người ấy muốn giải thoát thì phải thường hằng tuệ tri hiểu biết về sáu nhập duyên mạng này, cho nên khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì sáu nhập duyên thân mạng mà không có lậu hoặc như:

1- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có dục lậu.

2- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có hữu lậu.

3- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có vô minh lậu.

Bởi vì lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tác động vào thân ta, tức mạng sống của ta, nhưng không

[†] *Vượt qua có nghĩa là bỏ qua không cần phải nhập bốn định này, vì bốn loại định này Đức Phật đã được Ngài Kalama dạy nhập Vô Sở Hữu Xứ Tưởng Định và Ngài Lam Phát dạy nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định, những loại định không có quả giải thoát, nên đức Phật dạy bỏ, chỉ cần nhập Vô Tướng Tâm Định là tìm thấy được sự giải thoát ngay liền. Cho nên nghĩa vượt qua ở đây là ném bỏ không cần thiết cho sự tu tập theo đường lối của Phật giáo.*

sanh khởi ba lậu hoặc là nhờ tâm đang ở trong Định Vô Tướng Tâm, Vô Tướng Tâm Định có một trạng thái tĩnh thức cao độ do thế mới tuệ tri được dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để đẩy lui chúng ra khỏi tâm.

Vô Tướng Tâm Định không giống định Không Vô Biên Xứ Tướng Định, là vì còn cái không phải không, tức là còn lục nhập duyên mạng nhưng lục nhập duyên mạng lại không có lậu hoặc nhờ có tuệ tri, nên tất cả các pháp đều không tác động được tâm vì thế các pháp đều được xem là không có mặt ở đây, nên được gọi là không có, nhưng đối với cái còn lại là lục nhập duyên mạng thì cái kia có, cái này có, nhưng cái có này hoàn toàn không diên đảo hoàn toàn thanh tịnh, cho nên cái có này mà tâm không dao động, vì thế gọi là “không tánh” chứ không phải theo kiểu Tánh không của ông Long Thọ.

Chỗ này là chỗ lầm lạc của các nhà Đại Thừa, vì không có kinh nghiệm tu hành các Ngài tướng giải Không Tánh hay là Chân Không còn gọi là Chân Không Diệu Hữu, vì còn tuệ tri nên các nhà Đại Thừa gọi là trí tuệ Bát Nhã. Do hiểu như vậy nên các nhà Đại Thừa rất “quê” với kinh sách Phật. Lỗi ấy là do các Tổ không tu tập chứng đạt chân lí nên làm sao hiểu nghĩa kinh Phật nổi.

Do bài kinh Tiểu Không này trong kinh Nguyên Thủy, Trung Bộ Kinh, tập 3 trang 291 các Ngài soạn thành một bộ kinh Đại Bát Nhã và cho rằng Đức Phật đã thuyết giảng kinh này 22 năm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại bài kinh Tiểu Không trong kinh Nguyên Thủy để thấy sự tưởng giải của các Tổ biên soạn ra bộ kinh Đại Bát Nhã vĩ đại đã khiến cho các nhà học giả tốn biết bao nhiêu giấy mực để luận thuyết về “Tánh Không”.

Thiền Đông Độ lấy bộ kinh Kim Cang Bát Nhã làm cốt tủy của Thiền Tông và lập luận dung hòa để tránh khỏi sự tranh chấp giữa Thiền và Giáo, nhưng người sau không biết tưởng thiền là của Phật thuyết nên mới có sự kiện Thiền Giáo đồng hành ra đời.

“Lại nữa, này A Nanda vị Tỳ Kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tướng, không tác ý Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy được thích thú hân hoan an trú, hướng đến Vô Tướng Tâm Định. Vị ấy tuệ tri như sau: “Vô Tướng Tâm Định này thuộc hữu vi, do tâm từ tạo nên. Phạm cái gì thuộc hữu vi do tâm từ tạo nên, cái ấy là vô tướng, chịu sự đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy”. Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa. Vị ấy tuệ tri các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Vị ấy tuệ tri. “Loại tướng này không có dục lậu vị ấy tuệ tri.

Loại tướng này không có hữu lậu. Vị ấy tuệ tri. Loại tướng này không có vô minh lậu. Loại tướng này đã ly hết dục tướng). Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: Cái kia có cái này có. “Này A Nanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.”

Qua bài kinh Tiểu Không trên đây quý vị nhận xét kỹ sẽ hiểu không khác chúng tôi, chúng tôi cũng đã xác định ở trên Đại Thừa dùng bài kinh Tiểu Không này lý luận thành lập hệ thống Bát Nhã, nhưng các Tổ đã đi quá xa thực tế nên biến thành trí tuệ Bát Nhã trừu tượng “Chân Không”.

Một cái sai lầm nữa, nếu chúng ta nhận xét không kỹ trong bài kinh Tiểu Không này thì hành giả phải nhập Bốn Định Vô Sắc:

- 1- Không Vô Biên Xứ Định
- 2- Thức Vô Biên Xứ Định
- 3- Vô Sở Hữu Xứ Định
- 4- Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định

Và cuối cùng cũng phải bỏ các loại định này để trở lại nhập vào “*Vô Tướng Tâm Định*”. Ở bài kinh trên đức Phật xác định: “Không cần phải tác ý nhập Bốn Định Vô Sắc, mà chỉ cần tác ý nhập “*Vô Tướng Tâm Định*”. Ở trạng thái định này hành giả dùng tuệ tri quán xét dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để tự kiểm lại tâm mình khi

lục trần tác động vào thân mà không thấy có lậu hoặc, như vậy chỗ lục trần tác động mà không có các lậu hoặc khởi lên, tức là không có ưu bi sâu khổ tham muốn, chỗ này tức là lục trần duyên mạng, lục trần duyên mạng là cái còn lại của ý thức vô dục chứ không phải của tưởng thức dục, nhưng hoàn toàn thanh tịnh vì dục nên không có lậu hoặc, do đó đức Phật gọi là không tánh của thức, tức là “*Vô Tướng Tâm Định*”.

Đức Phật dạy: “*Những đối với cái còn lại, ở vị ấy biết: “Cái kia có cái này có”. Đây A Nanda, cái này đối với vị ấy (Không Tánh) thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh (lục trần duyên mạng không có lậu hoặc gọi là không tánh).*”

Như trên chúng tôi đã dạy, các nhà Đại Thừa và Thiền Đông Độ đã lầm, lấy lục trần duyên mạng (Không Tánh) cho là Chân Không diệu hữu, Tánh Không, Chân Không, Chân Như, Trí Tuệ Bát Nhã v.v...

Bây giờ chúng ta bắt đầu trở lại con đường tu tập như thế nào, để đi đến Chân Không diệu hữu?

Như trong kinh Tiểu Không Phật dạy: “*Muốn đi vào không tánh này, trước tiên là sẽ tập quan sát cái không của nó*”. Ví dụ như ngôi nhà chúng ta đang ở đây.

1- Không có giường, chõng, bàn, ghế, tủ, rương, đồ đạc v.v...

2- Không có người ở

3- Không có đèn đuốc

4- Không có màn, thảm

Toàn bộ đều trống không, đây chỉ cho không tánh của cái nhà.

“Thật vậy này Ananda, điều ông đã nghe là đúng, ghi nhớ là đúng, tác ý là đúng, thọ trì là đúng v.v...”

Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, không có vàng bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội và chỉ có một cái nhà không, phải không?”

Đoạn kinh trên đã xác định không tánh của lâu đài Lộc Mẫu.

Ở đoạn kinh này xác định cách thức tu hành của chúng ta cụ thể rõ ràng về không tánh, chứ không phải như kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy chúng ta kiến tánh thành Phật (đốn ngộ ngang xương) vì thế mà hiện giờ bao nhiêu người đã kiến tánh, rõ thông tánh, thấu triệt tánh, ngộ được tánh, vậy mà chẳng có ai thành Phật được cả. Từ xưa các Tổ cho đến bây giờ ai tu học về Đại Thừa và Thiền Đông Độ một thời gian mọi người ai cũng đều kiến tánh được cả, nhưng đời sống và đức hạnh thì không giống Phật chút nào, sống với tâm sắc dục thấy nữ sắc còn ham mê, thấy danh lợi còn chìm đắm, ăn ngủ phi thời theo thế gian, ai động đến thì tâm sân nổi lên âm âm.

Kiến tánh thành Phật rồi sao còn như vậy, hễ ai hỏi đạo, hỏi thiền thì đối đáp như nước chảy, như mưa tuôn mà sống thì phi đạo đức, phá giới luật. Đó là những điều tu sai mà đi đến lạc lằm không hay biết, người trước dẫn

người sau đi mãi, đi mãi mà chẳng đến đâu chỉ có tưởng giải, lý luận quanh co, lừa đảo bằng miệng lưỡi. Người đời không minh mẫn, tu không kết quả mà cứ đeo theo mãi, tưởng trạng thái tĩnh lặng và hỷ lạc là định sao? Định như vậy làm chủ được cái gì? Thấy được Phật Tánh như vậy, rồi ngẫm lại mình làm chủ được cái gì cho cuộc sống này.

Trong sáu năm tu hành, đức Phật đã thay đổi biết bao nhiêu loại pháp môn. Ngài đã nhập đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định mà còn nghiệm xét thấy không giải thoát đối với cuộc sống đầy khổ đau của kiếp người.

Cho nên, từ Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định. Người đã bỏ định này để nhập vào Vô Tướng Tâm Định, từ Vô Tướng Tâm Định, Người dùng tuệ tri quán xét lâu hoặc thấy lục nhập duyên mạng mà không khởi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, Người biết rằng tâm đã hết lậu hoặc thanh tịnh. Ở trạng thái này Ngài đặt tên là “Không Tánh” tức là tánh không còn lậu hoặc.

Mặc dù làm chủ được cái tâm (tâm vô lậu) không còn tái sanh luân hồi, vì nguyên nhân tái sanh là do tâm tạo nghiệp (nghiệp luân hồi chứ không phải tâm luân hồi, khi người chết nghiệp còn tâm mất). Chỗ này Ngài thực hiện làm chủ được cái tâm, không nói đến làm chủ cái thân, nhưng chúng ta phải biết, tâm đạt đến chỗ này thì nhập định rất dễ dàng chỉ còn tác ý ra lệnh là tiến tới làm chủ thân, tức là phải nhập Tứ Thiên và Tam Minh.

Kết quả trong bài kinh Tiểu Không Phật dạy: “*sanh đã tận, phàm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*”.

Đoạn kinh này ý nói làm chủ nghiệp, chấm dứt tái sanh luân hồi (không còn trở lui trạng thái này nữa) tu đến đây cũng vừa đủ cho người tìm đạo giải thoát, không cần phải tu tập tới nữa, nếu có tu tập tới nữa là thừa, mà thừa thì chẳng ích lợi gì, phí thì giờ vô ích.

Chỗ này, cần giải thích thêm để quý vị hiểu rõ. Con đường tu hành của đạo Phật có bốn giai đoạn làm chủ:

- 1- Làm chủ cuộc sống (sanh)
- 2- Làm chủ già (lão)
- 3- Làm chủ thọ (bệnh)
- 4- Làm chủ sự hoại diệt (chết)

Giai đoạn làm chủ sanh có nghĩa là làm chủ cuộc sống, luôn tạo nhân lành nên dù sanh bất cứ nơi đâu cũng đều hưởng phước báo an lạc cho đến khi tu tập chấm dứt sanh tử luân hồi.

Bài kinh “Tiểu Không” chỉ cho ở giai đoạn một (vô lậu) tâm không còn tham, sân, si (các ác pháp), và lòng tham muốn dục lạc thế gian nữa, nói chung trong bài kinh dạy tu tập rất rõ từ Không Vô Biên Xứ đến Phi Tướng Phi Tướng Xứ, không thấy giải thoát, tức là tâm không vô lậu, phải trở lại nhập Vô Tướng Tâm Định mới thấy lậu hoặc sạch, mới làm chủ cuộc sống và nghiệp tái sanh luân hồi.

Vô Tướng Tâm Định là loại định gì?

Vô Tướng Tâm Định là một tên khác của Bất Động Tâm Định. Như trong kinh Tiểu Không đã dạy: *“Khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu không còn, chỉ còn lục nhập duyên mạng mà thôi. Vậy lục nhập duyên mạng là gì?”*

Lục nhập là lục căn và lục trần, mạng là thân mạng. Câu này có nghĩa là căn, trần tiếp xúc tác động vào thân mạng mà không sanh ra ba lậu hoặc, ở trạng thái này gọi là Vô Tướng Tâm Định.

Ba lậu hoặc là gì? Ba lậu hoặc là tham, sân, si, dục lậu ứng cho tâm tham, hữu lậu ứng cho tâm sân và vô minh lậu ứng cho tâm si. Như vậy nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì tham, sân, si không có, cũng như nhập vào Bất Động Tâm Định thì tâm tham, sân, si cũng không có, tức là ba lậu hoặc không còn. Như vậy Bất Động Tâm Định và Vô Tướng Tâm Định chỉ là một loại định mà hai tên khác nhau.

Bất Động Tâm Định là một tên khác của Sơ Thiên, nhưng Sơ Thiên tâm còn bị trụ vào năm chi thiên:

- 1/ Tâm,
- 2/ Tứ.
- 3/ Hỷ.
- 4/ Lạc.
- 5/ Nhất tâm.

Đó là năm trạng thái của Sơ Thiên Thiên. Như chúng ta đã biết Sơ Thiên phải ly dục ly ác pháp, mà đã

ly dục ly ác pháp thì tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham sân, si tức là ba lậu hoặc cũng không có, như vậy nhập Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định là nhập Sơ Thiên. Nhưng Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định thì không có năm chi thiên.

Cho nên trong bài kinh Tiểu Không đức Phật đã xác định rõ ràng, đù nhập đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ vẫn phải bỏ, vì không hết lậu hoặc nên phải nhập lại “Sơ Thiên”, bằng một cái tên khác, nhưng xét cho cùng tận chúng ta cũng nhận ra nó là Sơ Thiên, một loại thiên trong Tứ Thánh Định. Sơ Thiên thuộc về tâm định, chứ không phải thân định.

Chỉ có Sơ Thiên tâm vô lậu mới làm chủ cuộc sống (sanh) nhưng chưa hoàn tất con đường tu nên phải tiếp tục đạt đến tuệ Tam Minh để quét sạch mầm mống lậu hoặc tái sanh luân hồi. Người tu sĩ không thực hiện được Tam Minh thì không thể nào chấm dứt luân hồi.

Từ Nhị Thiên đến Tứ Thiên, các loại định này làm chủ già, bệnh, và chết và duy nhất chỉ có pháp môn “Tứ Thánh Định” này mới làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người.

Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề “*Không tánh*”. Như chúng ta ai cũng biết, mọi vật, từ con người đến muôn loài vật không một ai mà không gây ưu phiền cho nhau, như vậy không thể nào có không tánh được. Chúng ta lần lượt loại trừ ra người và vật thì ta còn lại cỏ, cây, đất, đá, núi, sông v.v... Như vậy ta không tác ý người và vật thì

tâm ta không tách rời người vật (không khởi niệm người vật) chỉ còn cỏ, cây, đất, đá, núi, rừng như vậy không này chứa phải là không.

Nhưng ta thấy rằng tâm ta không người vật thật có không điên đảo, sự thực hiện như vậy tâm ta thanh tịnh người vật không có, nên không gây ưu phiền cho ta đó là thanh tịnh không tách rời người vật.

Trong bài kinh Phật dạy: “*Này Ananda, Tỳ Kheo không tác ý những tướng, chỉ tác ý nhất trí do duyên lâm tướng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, tướng đến lâm tướng. Vị ấy tuệ tri như sau “Các ưu phiền do duyên thân tướng, nhân tướng, không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này do duyên lâm tướng v.v..” Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tách rời*”.

Để xác định cái không đầu tiên và để chúng ta nhận xét, cái nhà trống không và so sánh với cái tâm không niệm tức là “Không Vô Biên Xứ”.

Khi ở trong tạng thái Không Vô Biên Xứ ta tuệ tri các ưu phiền do duyên niệm thiện niệm ác không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này (là không tiến tới đâu được nữa) tức là Không Vô Biên Xứ Tướng. Nhưng Không Vô Biên Xứ Tướng có, tức là niệm thiện ác vẫn còn có mặc dù cái Không Vô Biên Xứ này thật sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tách rời đối với niệm thiện niệm ác nhưng trong lúc nhập Không Vô Biên Xứ còn khi xuất ra khỏi Không Vô Biên Xứ thì niệm thiện niệm

ác vẫn còn nguyên vẹn như trên chúng tôi đã nói. Vì thế nhập Không Vô Biên Xứ không bao giờ có giải thoát.

Chỗ này kinh sách Đại Thừa lầm tưởng khi nhập vào Không Vô Biên Xứ Tưởng, các Ngài cho là Phật Tánh nơi đây, nên các kinh Đại Thừa dạy: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” hoặc “*Bồ Tát độ hết chúng sanh thì thành Phật*” hoặc “*Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã vị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai*” chỗ này Thiền Đông Độ dạy: “*chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền*”. Tu đến đây, tức là nhập Bốn Định Vô Sắc không thấy có sự giải thoát cho nên đức Phật dạy: “Phải nhập Vô Tướng Tâm Định”, khi đức Phật nhập Vô Tướng Tâm Định thì Ngài mới thấu rõ và xác định Bốn Định Vô Sắc: “Cái kia có, cái này có, cái kia không cái này không”, do như vậy Bốn Định Vô Sắc không giải thoát, còn ngược lại Vô Tướng Tâm Định thì khác: “Cái này có nhưng lại cái kia không, tức là có lúc nhập duyên mạng mà không có ba lậu hoặc”, do chỗ này các nhà học giả Bát Nhã dựa vào bài kinh Tiểu Không này lý luận: “*Sắc tức thị không không tức thị sắc*” có tức là không, không tức là có, từ đó trí tuệ Bát Nhã thành hình để đập phá các luận giải của các bộ phái.

Dựa vào chỗ “Không Tánh” này các nhà Đại Thừa thành lập trí tuệ Bát Nhã, lấy trí tuệ Bát Nhã tưởng này lý luận đập phá hết cả giáo lý Phật giáo (Trung Quán Luận) do Ngài Long Thọ tưởng luận ra.

Sau này các vị thiền sư Đông Độ không chấp nhận “Chẳng niệm thiện niệm ác” là cứu cánh trong Pháp Bảo

Đàn Kinh, tức lời dạy của Lục Tổ Huệ Năng dạy, nên bảo: “Vô tâm còn cách lớp rào”. Do đó các Ngài (Tổ Sư Thiền) tiến tới vượt qua Không Vô Biên Xứ, nhập vào Thức Vô Biên Xứ, nơi đây các ngài chấp nhập được xem là “Phản bốn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu”. Nên Bà Bàn Long Ẩn nói: “Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư” hay “Sáng sáng, đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư”. Thiền Đông Độ tu đến đây được xem như viên mãn.

Đối với đạo Phật sự tu tập của Thiền Đông Độ và Đại Thừa mới nhập được hai loại Định Vô Sắc mà vội cho là chứng đạo. Cho nên tâm dục chưa hết, danh, lợi chưa trừ, bản ngã chưa diệt, vì thế các Ngài tự tôn mình là Đại Thừa, là Tối Thượng Thừa, là Phật Thừa v.v...

Lời nói này chúng tôi khuyên các bạn đừng tin nơi chúng tôi mà cứ suy ngẫm sự tu hành của các bạn đã tu Thiền Đông Độ từ năm 10 năm đến 20 năm mà bây giờ các bạn tu đã đến đâu? Thì các bạn tự biết, các bạn có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không? Chắc điều này các bạn rõ hơn ai hết.

Trong kinh sách Nguyên Thủy đức Phật đã xác định rõ ràng: Từ Không Vô Biên Xứ đến Thức Vô Biên Xứ. Cách thức tu tập do tâm thích thú, hân hoan an trú hướng đến tâm không (không niệm thiện ác) do sự thích thú hân hoan ấy nên nhất trí tác ý “không”, Tổ Huệ Khai khi chứng thiên bằng “tâm không” “không, không, không, không” bài kệ chứng đạo Ngài còn lưu lại:

“Vô vô vô vô vô”

“Vô vô vô vô vô”

“Vô vô vô vô vô”

“Vô vô vô vô vô”

Theo như lời hỏi ở trên thì nên tu Bốn Định Vô Sắc như thế nào?

Như trong bài kinh Tiểu Không Phật đã dạy và chúng ta nhận xét cái không, khi đã thông hiểu cái không thì cái không ở tâm tức là không niệm thiện niệm ác, tâm không có niệm thiện ác, tức là ý thức thanh tịnh, ý thức thanh tịnh không liên hệ ngũ căn là Không Vô Biên Xứ Định, lời dạy này đức Phật đã xác định một cách rõ ràng trong Kinh Tương Ứng.

Cách thức tu nó chỉ giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác như các thiên sư đã dạy: “Giữ ông chủ, chặn trâu, biết vọng liền buông”, sau này các thiên sư lại chế ra pháp tu “tham thoại đầu, tham công án” và cuối cùng thì niệm danh hiệu Phật Di Đà tức là “Niệm Phật là ai?”. Đây là những pháp môn tu ức chế tâm tối đa mà các Tổ đã tu sai lọt vào tướng giải mới sản sanh ra những pháp môn như vậy, khiến cho người đời sau tu hành chẳng đi đến đâu mà trở thành phế nhân, bệnh thần kinh, uổng phí một đời người. Nếu không thức tỉnh nhận ra kịp thời ngăn chặn những tà pháp này thì hậu quả không lường cho đời sau, những người có nhiệt tâm tìm tu giải thoát.

Loại thiên định này tu chẳng làm chủ được cái gì cả cho kiếp sống con người, chỉ có được trạng thái an ổn (xúc tướng hỷ lạc) và triển khai được tướng tuệ, triệt ngộ

mà thôi (ngộ kinh sách Đại Thừa và công án Thiền Tông).

Muốn tu tập 4 loại Định Vô Sắc này như trong kinh Tiểu Không Phật đã dạy: *Tỳ Kheo nên tác ý Không Vô Biên Xứ và tâm thích thú hân hoan với trạng thái “Không” này thì sẽ đạt Không Vô Biên Xứ, không mấy khó khăn*”.

Muốn nhập Thức Vô Biên Xứ thì không ưa thích, hân hoan trạng thái không và không tác ý Không Vô Biên Xứ, chỉ nên tác ý Thức Vô Biên Xứ, tu tập như vậy một thời gian sau Thức Vô Biên Xứ hiện tiền hay ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ mà tâm dừng chạy theo, tức là đừng bám trụ hỷ lạc của Không Vô Biên Xứ Tưởng mà phải giữ “Thức” đừng cho mất và tác ý Thức Vô Biên Xứ, rồi sanh tâm ưa thích, hân hoan với nó, tu tập như vậy một thời gian sau thì Thức Vô Biên Xứ sẽ hiện tiền không còn ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ nữa.

“Này Ananda, Tỳ Kheo không tác ý Địa Tưởng, không tác ý Không Vô Biên Xứ Tưởng, chỉ tác ý Thức Vô Biên Xứ với sự nhất trí. Tâm vị ấy thích thú hân hoan, an trú hướng đến Thức Vô Biên. Vị ấy tuệ tri như sau: Các ưu phiền do duyên địa tưởng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không Vô Biên Xứ Tưởng không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ. Vị ấy tưởng tri “loại tưởng này không có địa tưởng, loại tưởng này không có Không Vô Biên Xứ Tưởng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ Tưởng”. Và cái gì không có mặt ở đây vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây

vị ấy tuệ tri. “Cái kia có cái này có”. Này A nanda cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh”.

Trong đoạn kinh này đức Phật đã xác định, dù là nhập được Không Vô Biên Xứ Tưởng nhưng vẫn còn ưu phiền cho đến Thức Vô Biên Xứ Tưởng, Vô Sở Hữu Xứ Tưởng, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Tưởng vẫn còn ưu phiền. *“và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng”.*

Đến khi nhập Vô Tướng Tâm Định thì mới chấm dứt ưu phiền, mới làm chủ được cuộc sống và chấm dứt luân hồi, còn bốn loại Định Vô Sắc kia còn ưu phiền nên chưa được giải thoát, vì thế đức Phật nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Tưởng Ngài nhận thấy tâm còn ưu phiền không giải thoát nên liền rời bỏ vị thầy dạy mình tu tập định này.

“Lại nữa, này A nanda, vị Tỳ Kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tưởng và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy thích thú, hân hoan, an trú hướng đến Vô Tướng Tâm. Vị ấy tuệ tri như sau; Vô Tướng Tâm Định này hữu vi do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt. Vị ấy tuệ tri như vậy thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát sanh đã tận v.v...”

Đến đây chúng ta mới thấy rõ những người tu định tưởng không bao giờ có giải thoát (bốn định vô sắc thuộc

vô vi) nên phải trở về định hữu vi vô tướng tâm, Định Hữu Vi Vô Tướng Tâm thuộc về Định Hữu Sắc, do tu tập định Hữu Vi nên mới có được giải thoát hoàn toàn còn Định Tướng Vô Sắc nên tu tập không giải thoát.

Tóm lại, bốn loại định tướng tu chẳng có lợi ích gì, còn mất công tu tập và mất thì giờ vô ích, chẳng có làm chủ được gì cả, chỉ có vọng ngữ là hơn hết.

Tu định này, nếu không biết cách ức chế tâm cho hết vọng tướng, mà cứ cố tập trung thì căng thần kinh não hoặc căng mắt rồi sanh ra bệnh tật (rối loạn cơ thể) có khi điên khùng mà người ta gọi là “*tẩu hỏa nhập ma*”, hoặc rơi vào pháp tướng, chuyên lý luận, Những kẻ tu thiền này rơi vào những trạng thái tướng thì rất khó xả bỏ. Những ai đã tu sai lọt vào những loại thiền bệnh này thì hết phương cứu trị.

Đọc đến đây các bạn cứ suy ngẫm kỹ con đường các bạn đang tu tập thì sẽ rõ, đừng tin và nghe lời chúng tôi nói trên đây mà hãy nghiệm xét theo lời Phật dạy và lời chúng tôi nói, đúng hay sai rồi mới tin, còn không thời gian sẽ trả lời các bạn điều này.



VỌNG TƯỚNG

Hỏi: Kính thưa Thầy, trong khi tọa thiền hoặc đi kinh hành khéo giữ tâm đừng cho niệm khởi, niệm khởi tức là vọng tướng, có vọng tướng thì không thể nào gọi là thiền

định, có phải vậy không thưa Thầy? Vậy cúi mong Thầy chỉ dạy cho chúng con hiểu rõ chỗ này.

Đáp: Ưc chế vọng tưởng không cho niệm khởi, tức là ức chế tâm, ức chế tâm tức là ức chế tâm tham, sân, si, ức chế tâm tham, sân, si sẽ rơi vào định tưởng (Không Vô Biên Xứ Tưởng).

Vọng tưởng là gì?

Vọng tưởng là những tư niệm lăng xăng tự động khởi niệm trong đầu, phần nhiều thuộc về quá khứ và vị lai (hồi niệm, hồi ức) Những tư niệm này căn gốc đều do lòng ham muốn và ác pháp tham, sân, si sanh ra, nên kinh sách Nguyên Thủy gọi là tâm ác.

Tâm ác là những suy tư, nghĩ tưởng làm khổ mình, khổ người. Theo kinh sách Nguyên Thủy có hai loại tâm đi song song nhau. Vì thế, có bài kinh gọi là Kinh Song Tâm. Kinh Song Tâm dạy chúng ta tư duy quán xét để thấu rõ:

1 - Tâm ác

2 - Tâm thiện

Người tu theo đạo Phật lúc nào cũng cảnh giác, ngăn chặn và diệt tâm ác. Ngược lại lúc nào cũng tăng trưởng tâm thiện, sống trong tâm thiện.

Bài Kinh Song Tâm trong tập 1 Trung Bộ Kinh trang 261 Phật dạy: *“Khi Ta chưa thành Chánh Giác còn đang tu, Ta suy nghĩ như sau: “Ta sống suy tư và chia sự suy tư làm hai phần. Phần có dục tâm, sân tâm, hại tâm*

nào. Ta phân thành phần thứ nhất. Phàm có ly dục tâm, vô sân tâm và vô hại tâm nào. Ta phân thành Phần thứ hai”.

Như ở trên đã dạy, phàm làm người đều có hai sự suy tư:

1 - Suy tư ác

2 - Suy tư thiện

Suy tư ác thì phải ngăn chặn và đoạn diệt, suy tư thiện thì nuôi lớn và tăng trưởng, như trong kinh “*Tứ Chánh Cần*” Phật đã dạy: “*Ngăn ác diệt ác, sanh khởi thiện tăng trưởng thiện*”.

Suy tư nào ác sẽ làm khổ mình, khổ người thì phải chấm dứt ngay liền; suy tư nào thiện sẽ không làm khổ mình khổ người thì phát triển những suy tư ấy. Đó là cách thức tu tập tâm ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm.

Khi phân ra được hai dạng suy tư. Bấy giờ chúng ta quyết tâm sống không phóng dật, nhiệt tâm siêng năng tỉnh giác từng hành động thân ý, từng sự việc, từng đối tượng, từng hoàn cảnh v.v... Khi có niệm khởi lên, ta quán xét niệm ấy có làm khổ mình, khổ người không? Nếu niệm ấy đưa đến khiến ta phiền não, khiến ta mất an vui, thanh thản, cũng như niệm đó khiến cho người khác mất an vui thanh thản, thì đó là niệm ác. Khi ta biết nó là niệm ác thì niệm ấy liền biến mất, nếu không biến mất thì ta dùng pháp như lý tác ý diệt ngay niệm ác đó, nếu nó còn tới lui thì ta tiếp tục quán xét cho thông suốt để trừ bỏ, xả ly và đoạn dứt. Đó là cách thức tu tập thiền định của đạo Phật, đó là Định Vô Lậu

Khi đã phân chia làm hai thứ niệm ác và niệm thiện xong, đức Phật khép mình trong khuôn khổ tu tập. “*Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Khi dục tâm (niệm ưa thích) khởi lên. Ta tuệ tri: Dục tâm này khởi lên nơi Ta và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai diệt trí tuệ (làm mất trí tuệ) dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư như vậy; Dục tâm này đưa đến tự hại, thì dục tâm này được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư; Dục tâm này đưa đến hại người, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: Dục tâm đưa đến hại cả hai, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: Dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ xả ly và đoạn tận dục tâm”.*

Đọc đoạn kinh trên các bạn cần suy nghĩ kỹ. Phật dạy chúng ta xả tâm, ly dục, ly ác pháp, diệt ngã bằng những niệm ác khởi lên trong tâm, khi ta biết nó là niệm ác làm ta khổ, người khác khổ, làm hại ta, hại người khác và làm mất trí tuệ giải thoát của ta, đưa đến khổ đau, phiền não v.v.. Khi ta biết như vậy thì tự nó biến mất. Và cứ tiếp tục tu tập xả ly tâm và đoạn tận từng niệm như vậy, thì tâm chúng ta được thanh tịnh, đời sống chúng ta được giải thoát hoàn toàn không còn khổ đau, phiền não nữa.

Ở đây, các bạn chỉ cần thấy được niệm ác khởi lên trong tâm, nó là sự nguy hại, hạ liệt, uế nhiễm, đau khổ thì các bạn sẽ trừ bỏ, xả ly, đoạn tận, viễn ly, khi trừ bỏ,

xả ly, đoạn tận thì sự lợi ích rất lớn đến với các bạn, sự thanh tịnh của tâm và các thiện pháp sẽ hiện tiền trước mắt, tâm các bạn sẽ được hoàn toàn an lạc và thanh thản.

“Chư Tỳ Kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần như vậy, khi ly dục tâm khởi lên. Ta tuệ tri như vậy: Ly dục tâm khởi lên nơi Ta và ly dục tâm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não đưa đến Niết Bàn. Chư Tỳ Kheo nếu ban đêm Ta suy tư quán xét (về sự ly tâm) mà không ly tâm ác thì Ta thấy sợ hãi, dù rằng ban ngày Ta cũng sợ hãi. Chư Tỳ Kheo nếu ban đêm lẫn ngày, Ta suy tư quán xét quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi, khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động thì tâm rất khó định tĩnh. Nay chư Tỳ Kheo, rời tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn định tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động”.

Đọc đoạn kinh này các bạn thấy Phật dạy tu tập rất cụ thể: Khi ta tu tập ly dục, ly ác pháp do sự tư duy quán xét lâu quá khiến thân ta mỏi mệt và do mỏi mệt tâm ta bị dao động nhưng cuối cùng nội thân chúng ta phải tự trấn an, định tĩnh. Chỗ này chỉ cần chúng ta quán xét cố gắng ly tâm dục và ác pháp dù chúng ta có mỏi mệt nhưng phải cố gắng tiếp tục quán xét để ly tâm dục và ác pháp cho được. Ở đây chúng ta cũng phải hiểu sự mỏi mệt cũng là một ác pháp, vì thế chúng ta đừng nên dao động tâm mà tiếp tục sự tu hành đẩy lui các chướng ngại

pháp trong đó có pháp mỗi mệt. Sự mệt mỗi đến mức độ nào đó là nội thân ta tự nhiên phản xạ hoặc ta quán xét trấn an và định tĩnh tâm, tức là tâm không dao động về sự mỗi mệt, khi đó ta liền đạt được nhất tâm.

Ở đây chúng ta quán xét để ly dục ly ác pháp (tâm dục) thì chúng ta đạt được nhất tâm, chứ không như kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ dạy tu ức chế tâm (chẳng niệm thiện niệm ác để được nhất tâm).

Hai cách thức tu tập khác nhau rất xa. Một bên thì ức chế không cho niệm thiện niệm ác khởi để được nhất tâm; một bên quán xét xả tâm ly dục ly ác pháp để được nhất tâm.

Một bên ức chế tâm để được nhất tâm, rơi vào định tưởng nên đạt được tưởng pháp, không làm chủ sanh, già, bệnh, tử chạy theo tưởng dục, sanh tâm ngã mạn cống cao, dính mắc kiến chấp Phật Tánh. Rơi vào tà đạo, không có đạo lực nên không điều khiển sự sống chết và thọ được, biến Phật giáo vô ngã ác pháp thành Phật giáo hữu ngã vô vi.

Một bên thì xả tâm ly dục ly ác pháp, nên tâm thanh tịnh tham, sân, si mạn, nghi không còn. Do sự thanh tịnh tâm, nên tâm có đạo lực làm chủ được sự sống chết, thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

Nếu một người quyết tâm ly dục ly ác pháp thường theo pháp như lý tác ý thì tâm có khuynh hướng sẽ ly dục ly ác pháp và tâm ly dục ly ác pháp thì nội thân được trấn an, tâm trấn tĩnh khiến tâm được nhất tâm và định

tĩnh. Khi tâm tự nhất tâm, định tĩnh, lúc bây giờ tự tâm phát dũng mãnh, tinh tấn không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm luôn định tĩnh, nhất tâm. Khi ấy ta nhập Bất Động Tâm, tư nơi Bất Động tâm ta có đủ Tứ Thần Túc, từ Tứ Thần Túc ta nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền bằng sức tịnh chỉ thanh tịnh của tâm. Cuối cùng sức thanh tịnh tịnh chỉ của tâm đó, ta thực hiện Tam Minh một cách dễ dàng không có mệt nhọc, không có khó khăn.

“Chư Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo suy tư, quán xét nhiều về ly dục tâm, vị ấy từ bỏ dục tâm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tâm, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tâm... Chư Tỳ Kheo, ví như về cuối mùa hè, khi tất cả lúa gạo cất vào kho thóc, một người mục đồng giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm và người ấy nghĩ: “Đây là những con bò”. Chư Tỳ Kheo cũng vậy ở đây có việc cần phải làm và ta nghĩ: “Đây là những pháp”.

“Chư Tỳ Kheo. Ta phát tâm dũng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Ta ly dục ly ác pháp chúng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm tứ. Diệt tâm tứ, Ta chứng và trú Thiền Thứ Hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh. Không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Ta chứng và an trú

Thiền Thứ Ba. Xả lạc, xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước. Ta chứng và trú Thiền Thứ Tư không khổ, không lạc xả niệm thanh tịnh”.

Đến đây các bạn đã hiểu rõ bài kinh Song Tầm đức Phật đã chỉ dạy cặn kẽ rõ ràng chỉ còn chúng ta có quyết tâm tu hay là không tu mà thôi.

Đường lối tu tập của đạo Phật không phải diệt niệm thiện, niệm ác, mà phải xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp trong tâm ta, sống và nuôi lớn thiện pháp, nghĩa là diệt tâm ác mà sống tâm thiện, tức là ly dục ly ác pháp, để đem lại cuộc sống an vui và hạnh phúc cho mình, cho người.

Khi sống với tâm thiện thì tâm ta thanh tịnh không có hoàn cảnh, đối tượng nào, khiến tâm ta dao động, do đó gọi là tâm giải thoát không còn khổ đau vì cuộc sống làm người. Người sống được như vậy gọi là nhập Bát Động Tâm Định hay là nhập Vô Tướng Tâm Định.

Tâm thanh tịnh (tâm như đất) là tâm thiên định của đạo Phật, chứ không phải tâm hết vọng tưởng (chẳng niệm thiện niệm ác). Tâm hết vọng tưởng chỉ là tà thiên, tà định của ngoại đạo.

Tâm thanh tịnh là tâm có đủ đạo lực sai khiến (điều khiển) và làm chủ được sanh già, bệnh, chết, tức làm chủ nhân quả hay còn gọi là làm chủ sự sống chết (muốn chết lúc nào chết, muốn sống lúc nào sống cũng được, gọi là tự tại sanh tử hay là ra vào nhà sanh tử).

Bởi vậy kinh sách Phật dạy tu tập thiền định không khó mà không sợ điên khùng loạn óc (tẩu hỏa nhập ma) chỉ có duy nhất chuyên tu xả tâm mà thôi, để đạt được một tâm hồn thanh thản, an lạc, và vô sự từ đó nhập các định làm chủ sự sống chết dễ như trở bàn tay.

Tà kiến, ác pháp mà các bạn đang theo tu, không chịu xả tâm, cứ mãi ức chế tâm cho hết niệm thiện niệm ác thì các bạn rơi vào tà định, tà thiền thì ngàn đời muôn kiếp các bạn tu chẳng tới đâu, chỉ uống công tu mà thôi.

Cho nên, Phật bảo chúng ta phải sống đúng tám nẻo gọi là “*Bát Chánh Đạo*” tám nẻo dẫn tâm đến chỗ xả ly không còn đau khổ, phiền não làm chủ cuộc sống. Ngược lại các bạn sống không hiểu rõ đường lối của Phật dạy bị kinh sách phát triển Đại Thừa và Thiền Đông Độ lừa đảo, tu chết người mà chẳng ra gì.

Nếu người trước dạy người sau này miệng nói Bát Chánh Đạo mà sống thì trong Bát Tà Đạo:

- 1-Tà kiến
- 2-Tà tư duy
- 3-Tà ngữ
- 4-Tà nghiệp
- 5-Tà mạng
- 6-Tà tinh tấn
- 7-Tà niệm
- 8-Tà định

Trong Kinh Song Tâm Phật nhắc nhở các vị Tỳ Kheo: “*Chư Tỳ Kheo, con đường nguy hiểm chỉ là con*

đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định”.

Những điều tu sai, ức chế tâm, đó là tà định, sống phạm giới, bẻ vụn giới, không lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống cuộc đời không thiếu dục tri túc, ăn uống phi thời là sống trong tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm. Điều này chắc ai cũng biết, biết mà nói ra, nói ra sẽ đụng chạm với các Phật tử và tu sĩ Phật giáo Đại Thừa hiện giờ đều sống tu trong Bát Tà Đạo; vì con đường của Phật giáo hiện giờ tu sĩ đều thực hành pháp của ngoại đạo, từ pháp môn niệm Phật để được nhất tâm, đến pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh đều là hướng đi của ngoại đạo biến dần người tu sĩ Tịnh Độ làm thầy cúng giống như các vị Bà La Môn cúng tế. Chùa có cuộc sống như gia đình thế gian, có vợ con làm đủ nghề sanh sống, thậm chí còn làm nghề bắt tôm, nuôi cá, tu sĩ chỉ còn là chiếc áo và cái đầu cạo trọc mà thôi.

Mật Tông đưa các thầy tu tập đi đến đạt thân thông, phép lạ để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ biến dần vị Tỳ Kheo thành một vị phù thủy. Những vị thầy này thường xưng là Giáo Chủ, bày nhiều trò, lừa đảo gạt người cúng tiền của và cả tình yêu. Pháp môn tu hành bày ra nhiều điều gợi tâm dục khiến cho con người dễ sa ngã vào đường tội lỗi.

Thiền Tông thì khéo léo hơn hai Tông trước, nhưng lại xây dựng một thế giới Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh tuyệt vời, cao vòi vọi như “*Phật tánh*” qua những ngôn ngữ rất kêu. “*Kiến tánh thành Phật*”, “*giác ngộ, triệt ngộ*,

chứng ngộ, vv..” nhưng lại phạm giới, phá giới luật. Sống không thiếu dục tri túc, không phòng hộ sáu căn, tuy ngoài miệng nói không dính mắc nhưng cuộc sống đều dính mắc tất cả.

Đọc bài Kinh Song Tâm các bạn hiểu rõ đạo Phật không diệt vọng tưởng cũng không dừng vọng tưởng, mà chỉ biết vọng thiện, vọng ác, để biết tâm mình có ly dục, ly ác pháp chưa, thì hãy cố gắng xả ly tâm ác của mình (tham, sân, si) còn tâm thiện thì luôn luôn sống với nó. Chỉ xả tâm ác chứ không phải xả niệm ác, còn Thiền Tông thì xả niệm ác, niệm thiện mà không xả tâm ác nên tu mãi, kết quả chẳng có gì, chỉ vì tu sai pháp.

Trên đây là nói về phần “*tâm*”, còn “*tứ*” thì chưa nói đến. Bên Thiền Tông khi giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác, tự chủ khởi ra một niệm gì thì Thiền Tông cho đó là “*vọng tưởng*”. Nếu tác ý, tức là “*tứ*” thì Thiền Tông cũng không chấp nhận, cho đó là “*vọng tưởng*” và tu như vậy không đúng trạng thái tâm vô niệm của Thiền Tông vì còn tùy ý, phải giữ tâm niệm không có một niệm nào xen vào thì mới gọi là thiền định. Cho nên vào thế kỷ thứ 18 các thiền sư Trung Hoa chế ra pháp môn tham thoại đầu và khán công án vốn những pháp này ức chế tâm rất cao độ, gọi là lấy độc diệt độc. Do chỗ ức chế tâm cao độ, nên con đường Thiền tông bế tắc không còn lối tu tiến tới được nữa.

Tuy chế ra pháp môn ức chế tâm như vậy, nhưng người tu khó đạt thành “*tâm không*”, vì ở tâm không niệm sanh ra nhiều trạng thái tưởng, dễ lạc vào tà thiền.

Người có khả năng ức chế gom tâm được thì rơi vào Pháp tướng mà Thiên Tông gọi là “*Triệt ngộ*” tướng giải toàn bộ kinh sách Đại Thừa và 1700 công án.

Người không ức chế và gom tâm được thì tu chẳng đến đâu, chỉ kiến giải lượm lặt như nhai lại bã mía của người xưa rồi nói thiên nói đạo chứ chẳng biết thiên đạo là gì.

Cho nên người tu theo Thiên Tông nghe tác ý trong lúc ngồi thiền đều cho đó là vọng tưởng. Không ngờ sự tu tập “*Như lý tác ý*” lại biến thành một đạo lực siêu việt làm chủ được thân tâm muốn sống muốn chết dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc. Muốn ngồi nhập định bảy tám ngày hoặc một tháng, hai, ba tháng đều như ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, ngồi bất động như gốc cây, cục đá, nhưng rất tỉnh táo không ai bằng, trời sét không nghe.

Thế mà Thiên Đông Độ chê pháp như lý tác ý là vọng tưởng, không ngờ pháp môn như lý tác ý là một pháp môn tuyệt vời, giải quyết được bốn sự đau khổ của con người và còn giúp cho chúng ta thực hiện ba loại thần thông mà không có một loại thần thông nào của ngoại đạo hơn được.

Toàn bộ giáo trình về pháp môn tu tập thực hành của đạo Phật thì pháp như lý tác ý là một pháp môn độc đáo tuyệt vời nhất, cũng là một pháp môn nòng cốt nhất của đạo Phật, bắt đầu từ tu tập giới luật xả tâm đến tu tập Thiền Định và Tam Minh đều dùng nó. Do đó, duy

nhất tu tập chúng ta phải nhiệt tâm với pháp môn này, nhờ đó mới có đủ đạo lực, mới có thể làm chủ sanh, lão, bệnh, chết.

Chỉ có pháp môn này tu tập mới trở thành một đạo lực siêu việt không thể nghĩ lường được.

Muốn xa lìa và đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi thì chỉ duy nhất có pháp môn này mới ly và đoạn dứt các dục và ác pháp, ngoài ra không còn có pháp môn nào khác nữa.

Muốn nhập các Định thì Tứ Như Ý Túc là pháp môn có đủ thần lực để giúp cho hành giả muốn nhập loại định nào thì tùy ý nhập được liền.

Muốn thực hiện được Tam Minh và Thần Túc Thông thì ngoài pháp môn này ra không có pháp môn nào thực hiện được.

Bởi vậy, pháp như lý tác ý là pháp môn độc nhất của đạo Phật để đưa con người thoát ra cảnh khổ của kiếp người và biến hành giả trở thành một siêu nhân, một Thánh nhân.

Thiền Tông và Đại Thừa không hiểu chê nó là vọng tưởng thật là một việc sai lầm rất lớn.



NHƯ LÝ TÁC Ý

Hỏi: *Kính thưa Thầy, tại sao Thầy dạy chúng con phải tự kỷ ám thị, mà trong kinh Phật không có dạy, cuối mong Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ?*

Đáp: Như lý tác ý là pháp môn tự kỷ ám thị, đó là một danh từ ngày xưa đức Phật dùng ám thị để thực hiện xa lìa tâm ham muốn và các ác pháp. Ngày nay các nhà học giả không có kinh nghiệm tu hành, nên không hiểu pháp như lý tác ý là phương pháp tự kỷ ám thị.

Hầu hết các nhà học giả thuyết kinh điển Phật đều không hiểu pháp này, nên đã biến pháp môn của Phật thành một lý thuyết suông. Vì thế, hơn 25 thế kỷ không có người nào tu chứng và làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách cụ thể, chỉ huyền thuyết một vài mẩu chuyện thần thông cho vui mà thôi.

Nếu không có pháp “*như lý tác ý*” thì tu hành không có đạo lực, không có đạo lực thì không làm chủ sự sống, chết của con người được.

Nếu một người tu thiên định mà không biết sử dụng pháp như lý tác ý thì không thể nào nhập được các định.

Ở đây, chúng ta hãy nghe đức Phật dạy một người muốn tu thiên định phải dùng pháp như lý tác ý như thế nào để nhập được định, không giống như Thiền Đông Độ và Đại Thừa dạy.

“Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo muốn thực hiện tu tăng thượng tâm thiên định thì cần phải thường tác ý năm tướng.

Thế nào là năm tướng?

Năm tướng là:

1- Tham

2- Sân

3- Si

4- Mạn

5- Nghi

“Ở đây Tỳ Kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nấy. Các ác bất thiện pháp liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si, liên hệ đến mạn, và liên hệ đến nghi sanh khởi, thời này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện không phải tướng kia (ác bất thiện pháp liên hệ đến dục) thì các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục (tham) liên hệ đến sân, liên hệ đến si, liên hệ đến mạn, liên hệ đến nghi được diệt trừ đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm định tỉnh”.

Đoạn kinh trên đây đức Phật dạy tu thiền, không phải chỗ nhiếp tâm hết vọng tưởng để nhập định và nhất tâm, định tỉnh. Ngược lại, Phật dạy dùng pháp như lý tác ý để trừ diệt, đi đến diệt vọng tâm tham, sân, si, mạn, nghi. Chính nhờ diệt trừ chúng mới đạt được nhất tâm, nhập được Tứ Thánh Định.

Bài kinh này chỉ dạy rất rõ ràng, thế mà thời nay người tu thiền cứ mãi mê nhiếp tâm cho hết vọng tưởng. Tu như vậy gọi là thiền của Phật thật là oan cho Phật giáo biết chừng nào! Phật dạy như vậy mà bây giờ tu sĩ lại tu khác. Chỉ có Phật giáo Đại Thừa và Phật giáo Tối Thượng Thừa mới chấp nhận pháp ức chế tâm đó là chân

chánh, vì thế tu sĩ ngày nay là tu theo pháp môn ngoại đạo mà cứ tưởng mình tu theo Phật giáo. Cho nên tu từ đời ông đến đời cha mà chẳng có ai giải thoát cả.

Nếu khi gặp một hoàn cảnh, một đối tượng, một sự việc xảy đến khiến tâm đau khổ và phiền não, khi ấy hành giả dùng pháp như lý tác ý và tác ý với một tướng khác với tướng kia, tức là tướng không phiền não, đau khổ, tướng này liên hệ đến thiện, không tham, sân, si, mạn, nghi. Các ác pháp, bất thiện pháp có tâm liên hệ đến dục tham, sân, si, mạn, nghi kia không lìa ra được, hoặc đoạn diệt được, thì phải mau quán xét các niệm ác và bất thiện pháp kia là nguy hiểm, là khổ đau cho mình cho người. Những niệm như vậy là ác độc, là tội lỗi và sẽ tạo ra khổ báo phiền não, đau khổ hiện giờ và mai sau.

Do quán xét và tác ý như vậy tâm ta sẽ xả được các ác pháp và trở về trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự.

Khi quán xét và tác ý như vậy, các ác bất thiện pháp tham, sân, si, mạn, nghi sẽ được diệt trừ và xả ly. Nhờ có quán xét và tùy ý như vậy tâm chúng ta mới xả ly được, nội tâm mới được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh và an lạc.

Nếu khi quán xét và tác ý các pháp ác đó là nguy hiểm, là tội khổ, là khổ báo mà tâm vẫn còn hậm hực, hờn giận, phiền não, sợ hãi, lo toan v.v... Lại khởi lên các ác niệm nữa, thì ta không tác ý tâm như đất nữa và không quán xét nữa, ta để tâm tự nhiên rồi như lý tác ý: *“Thân tâm thư giãn xuống, các cơ buông xuống, tâm buông*

*xuống, thân tâm phải thoải mái, nhẹ nhàng, an lạc”.
Hướng tâm xong, ta đi kinh hành hoặc ngồi hít thở, thỉnh thoảng ta lại hướng tâm như vậy thì các ác pháp kia sẽ tan biến và diệt trừ đoạn dứt tâm bất động, đau khổ và phiền não sẽ dứt sạch, nội tâm ta được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tỉnh.*

Nếu dùng pháp hướng tâm như lý tác ý và thư giãn thân tâm mà *“ác niệm còn khởi tâm ta chưa an tịnh”* thì lại dùng pháp hướng tâm đến các hành của các ác pháp thì các ác pháp bất thiện sẽ được diệt trừ, xa lìa đoạn dứt. Nhờ có đoạn trừ, diệt chúng được, nội tâm mới được thanh thản, an lạc, định tỉnh, nhất tâm.

Dùng pháp hướng tâm đến các hành như thế nào?

Muốn hiểu nghĩa này chúng tôi cho những ví dụ cụ thể mới dễ nhận ra rõ ràng nghĩa lý này

Ví dụ: *“Một người đang đi nhanh, họ suy nghĩ và hướng tâm như lý tác ý tại sao ta lại đi nhanh? Ta hãy đi chậm lại. Trong khi hướng tâm như vậy, người ấy đi chậm lại, người ấy suy nghĩ. Như lý tác ý: Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại. Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ và tác ý. Tại sao ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống: Trong khi ngồi người ấy suy nghĩ và hướng tâm như lý. Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống”.*

“Dùng pháp hướng tâm như lý tác ý bỏ dần các hành động thô của ác pháp đi đến những hành động tế nhị và cuối cùng xa lìa đoạn diệt các ác pháp liên hệ đến tâm

tham, sân, si, mạn, nghi sẽ được diệt trừ đi đến đoạn diệt nên nội tâm được thanh thản, an lạc, nhất tâm, định tĩnh”.

Nếu dùng pháp hướng như lý tác ý đến các hành của ác pháp liên hệ đến niệm dục mà không diệt được và xa lìa được thì phải nghiên rặng dán chặt lưới lên nóc họng lấy tâm và các cơ chế ngũ tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm bằng pháp hướng như lý tác ý: *“Tâm tham dục phải đoạn dứt liền, phải lìa xa nơi niệm tham muốn, sân hận, phải đi đi, đi cho khỏi nơi đây”.*

Dùng pháp hướng mạnh bạo để diệt trừ tâm tham dục, ngã chấp tạo nên đau khổ, phiền lụy cho mình cho người, phải đoạn dứt một cách nhanh chóng để phục hồi tâm lại bình thường, an lạc, thanh thản. *“Dùng pháp hướng mạnh bạo ấy, ví như người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu xách bổng họ và muốn ném đầu tùy ý”.*

Tóm lại, muốn ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm thì phải dùng pháp như lý tác ý bằng năm cách như trên đã dạy mà trong Kinh Song Tâm và Kinh An Trú Tâm đức Phật đã dạy rất rõ ràng, để làm chủ được cuộc sống không còn khổ đau, và bất toại nguyện, luôn luôn lúc nào tâm hồn cũng thanh thản, an lạc, định tĩnh và vô sự.

Nên đức Phật dạy: *“Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy được gọi là đã an trú trong “đoạn tâm pháp môn”. Vị ấy có thể tác ý đến tâm nào vị ấy muốn, có thể không tác ý đến tâm nào vị ấy không muốn, vị ấy đã đoạn trừ khả ái, đã giải thoát các kiết sử, khéo chinh phục kiêu mạn và đã chấm dứt khổ đau”.*

Pháp thế gian mà kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ gọi là “*vọng tưởng*”, còn niệm thiện niệm ác và như lý tác ý thì kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy đó là tầm ác, tầm thiện và pháp như lý tác ý, biết tầm thiện, tầm ác và pháp như lý tác ý là biết pháp tu hành theo Phật giáo, ngược lại Đại Thừa và Thiên Đông Độ dạy người tu tập:

- 1- Biết vọng không theo
- 2- Đối cảnh không tâm
- 3- Không kẹt hai bên
- 4- Hằng sống với cái chân thật, không theo cái giả.

Bốn cách tu tập này cũng nhằm vào diệt vọng tưởng mà thôi.

*“Muốn thấy nó bạn đừng theo vọng tưởng,
Niệm lãng xảng chìm đắm biển thanh bình.
Đến đây rồi hạnh phúc khó thừa trình,
Chỉ xem thấy nụ cười luôn hé nở”.*

Trên đây là một bài thơ của một thiền sư đã chứng đạo, để chứng minh pháp diệt vọng tưởng của họ.

Kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ nhắm vào chỗ “*vọng tưởng*”, vọng tưởng hết rồi thì viên mãn “*niệm lãng xảng chìm đắm biển thanh bình*”. Nhưng đối với đạo Phật thì khác xa. Tầm ác, tức là vọng tưởng ác thì ngăn chặn và diệt sạch còn tầm thiện thì sanh khởi và tăng trưởng không diệt mà còn nuôi dưỡng, để không làm khổ mình, khổ người. Nhờ tầm thiện đó mà mỗi con người xây dựng cho mình một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người.

Muốn diệt tâm ác (vọng tưởng ác, niệm ác) thì dùng pháp hướng tâm tác ý (như lý tác ý, sẽ ngăn chặn và diệt trừ) tăng trưởng tâm thiện (vọng tưởng thiện, niệm thiện) để giúp tâm không làm khổ mình khổ người, để trở về trạng thái bình thường, thanh thản, an lạc, vô sự và định tĩnh.

Xét qua hai cách tu tập thì Đại Thừa và Thiên Đông Độ do ức chế tâm diệt vọng tưởng để đạt trạng thái yên lặng đến tĩnh lặng mà họ gọi là thiên định, còn Phật dạy dùng pháp hướng tâm như lý tác ý để ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm quét sạch ngũ triền cái, đoạn dứt thất kiết sử, tâm vô lậu thanh tịnh không còn đắm nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của thế gian, tâm được thanh tịnh đó gọi là định.

Vì thế thiên định của Đại Thừa, Thiên Tông và thiên định của Phật không giống nhau; một bên thì tìm cái tĩnh lặng với trạng thái thường, lạc, ngã, tịnh (bốn tánh Niết Bàn). Lấy cái biết không niệm thiện niệm ác làm “*Phật Tánh*” để hằng sống với cái chân thật đó của mình.

Một bên thì tìm về cuộc sống, có một trạng thái an lạc, thanh thản, làm chủ bốn cái khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết; còn một bên tu tập để tìm về thế giới vĩnh hằng của “*Phật Tánh*”, không có đạo lực, không có làm chủ sự sống chết, chỉ có đạo thông tưởng pháp, nói thiên nói đạo như gió thổi mưa sa; một bên tu tập vừa có đạo thông vừa có đạo lực điều khiển sự sống chết luân hồi theo ý muốn. Như vậy rõ ràng hai bên có hai lối tu và hai kết quả khác nhau.

Qua sự kinh nghiệm tu tập của chúng tôi và kinh sách Nguyên Thủy dạy rất rõ ràng và cụ thể, bằng ý thức chủ động điều khiển sự sống chết của con người, không mơ hồ, trừu tượng như thế giới tưởng của Đại Thừa và Thiên Đông Độ. Cho nên, sự tu hành như vậy, cuộc sống của các thiền sư còn chìm đắm trong danh, lợi, tham, sân, si của thế gian.

Vọng tưởng là một đề tài của Đại Thừa và Thiên Đông Độ dùng làm đối tượng để tu tập thiền định, còn Phật giáo Nguyên Thủy “*vọng tưởng*” không thành vấn đề tu tập mà đối tượng tu tập là tâm tham, sân, si, mạn, nghi và thất kiết sử.

Muốn diệt trừ tâm tham, sân, si, mạn, nghi và thất kiết sử thì Phật giáo Nguyên Thủy lại dùng pháp môn như lý tác ý, (Thiền Tông cho là vọng tưởng) để tu tập, để rèn luyện Ngũ lực. Đại Thừa và Thiên Đông Độ lại chê là vọng, dẹp bỏ, Nguyên Thủy biến nó trở thành pháp môn hướng tâm như lý tác ý để diệt trừ tam độc và thất kiết sử, khiến cho tâm được giải thoát hoàn toàn, không còn khổ đau của kiếp người và biến pháp như lý tác ý trở thành một đạo lực siêu việt làm chủ điều khiển sự sống chết của kiếp con người và đó là thực hiện Tứ Như Ý Túc, Tam Minh một cách dễ dàng, không mấy khó khăn.



ỨC CHẾ TÂM CÓ HẠI GÌ ?

Hỏi: Kính thưa Thầy, người tu thiền định ức chế tâm dưng và diệt vọng tưởng có hại gì? Có lợi gì? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Đạo Phật tu hành không có thiền định ức chế tâm, thiền định ức chế tâm là những pháp môn thiền định của ngoại đạo, của Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Xưa đức Phật đi tu, đạo Phật chưa có. Ngài tu theo giáo pháp của ngoại đạo, toàn bộ giáo pháp đều dạy ức chế thân tâm. Đó là những pháp môn khổ hạnh, do những pháp môn khổ hạnh ức chế thân tâm này mà cơ thể Ngài hoàn toàn suy yếu đến nỗi phải nằm liệt không thể đứng dậy nổi, nhờ người chăn dê đổ sữa, lần lần Ngài mới tỉnh lại, quán xét tất cả các pháp môn ức chế thân tâm không thể giải thoát sự khổ đau của kiếp người.

Đầu tiên, Ngài tu với một vị Đạo sư tên là Alara Kalama dạy Ngài ức chế tâm nhập Vô Sở Hữu Xứ Định. Sau khi nhập xong định Vô Sở Hữu Xứ Ngài tự suy nghĩ. Pháp này không hướng đến yểm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết Bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ, chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ để làm gì? Không có ích lợi gì cả cho cuộc sống con người. Do đó Ngài không tôn trọng pháp này và từ bỏ, Ngài đi tìm pháp môn khác.

Đọc bài Kinh Thánh Cầu trong kinh Trung Bộ tập 1 trang 370 đức Phật tìm đến vị Đạo sư đầu tiên của mình

là Ngài Alara - Kalama dạy Ngài tu chứng đạt nhập Vô Sở Hữu Xứ Định như trên đã nói, kinh dạy: *“Như vậy, này các Tỳ Kheo, Alara Kalama là Đạo sư của Ta, lại đặt Ta, là đệ tử của người ngang hàng với mình và tôn sùng Ta tối thượng. Này các Tỳ Kheo, rồi Ta tự suy nghĩ “pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết Bàn mà chỉ đưa đến chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy này các Tỳ Kheo. Ta không tôn kính pháp này và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi”.*

Đoạn kinh này chúng ta thấy Alara Kalama không có dạy đức Phật nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Vô Biên Xứ đến Thức Vô Biên Xứ mà chỉ dạy nhập định Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy chúng ta đã biết có bốn thiên hữu sắc và bốn thiên vô sắc. Đỉnh cao nhất của thiên Hữu sắc là *“Tứ Thiên”*, và đỉnh cao nhất của thiên Vô sắc là *“Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định”*. Thế mà có nhà học giả bảo rằng đức Phật đã được Alara Kalama dạy nhập Bốn Thiên mà không thấy giải thoát nên Ngài bỏ tìm pháp khác. Đây là một sự bịa đặt của các nhà học giả, để làm sai lệch ý kinh sách của đạo Phật, sai lệch lời dạy của đức Phật để làm gì?

Các nhà Đại Thừa muốn xiển dương giáo pháp Đại Thừa nên cố tình đùn đẩy chánh pháp của Phật, khiến cho người sau không hiểu thiên định của Phật là gì?

Hoặc nhà học giả không phải là hành giả nên hiểu qua kiến giải của mình trong kinh sách Đại Thừa, nghĩ

tưởng rằng phải nhập định Hữu sắc trước rồi sau mới nhập định Vô sắc. Hiểu như vậy là cái hiểu của người chưa biết thiền định.

Nếu không có bài kinh Đại Kinh Saccaka thì làm sao chứng minh điều lầm lạc này mà nhà học giả cố tình thuyết giảng sai lệch Phật pháp để người sau không còn biết thiền định của Phật và mất lối tu hành giải thoát.

Phúc duyên của con người trên hành tinh này còn duyên với Phật Pháp, nên Kinh Trung Bộ tập 1 bài kinh Saccaka còn giữ lại nguyên văn cho đến ngày nay. Bài kinh này cả quyết và đã xác định đức Phật thành tựu viên mãn đạo giải thoát không phải ở chỗ “*Kiến tánh thành Phật, không phải ở chỗ đại ngộ, triệt ngộ*”, mà ở chỗ tu tập đúng pháp, tức là phải nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, nhờ đó tâm Phật định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh dẫn tâm đến Tam Minh.

Con đường tu theo đạo Phật chỉ có tu như vậy mới đạt được kết quả làm chủ đời sống con người, thế mà các nhà Đại Thừa xây dựng nhiều pháp môn (84 ngàn Pháp môn) mà chẳng có pháp môn nào đưa dắt con người đến chỗ giải thoát kiếp lầm than, đau khổ của loài người.

Đạo Phật chỉ có một pháp môn duy nhất, nếu ai đọc suốt tạng kinh Nguyên Thủy sẽ không thấy có pháp môn nào khác hơn là pháp môn “*Giới, Định, Tuệ*”. Cả tạng kinh chúng ta thấy đức Phật cố ý lặp đi lặp lại nhiều lần

trong các bài kinh mà không rời khỏi ba pháp môn vô lậu “Giới Định Tuệ”.

Đây, ta hãy nghe đức Phật thuật lại quá trình tu tập với pháp môn nào? Để đi đến cứu kính giải thoát. Thế mà các nhà học giả Đại Thừa dám cả gan bác bỏ pháp môn “*Tứ Thánh Định*” của Phật là thiền định phàm phu, Nhị Thừa, Thanh Văn, ngoại đạo, cấm không cho người sau học và tu tập.

“-Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: Ta biết trong khi Phụ thân Ta, thuộc giòng Sakka (Thích Ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây Diêm Phù Đề (gambu) Ta ly dục ly pháp bất thiện chúng và trú Thiên Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: “Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?” Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: “Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ”. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: Ta không sợ chẳng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục ly bất thiện pháp?” Này Aggivessana rồi Ta suy nghĩ: Ta không sợ lạc thọ này một lạc thọ ly dục ly bất thiện pháp. Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: Nay thật không dễ gì chúng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua (tức là ăn lại bình thường ngày một bữa có thực phẩm). Này Aggivessana, Ta ăn thô thực cơm chua, lúc bấy giờ năm Tỳ Kheo đang theo hầu hạ Ta, suy nghĩ và chờ đợi Ta khổ hạnh chúng đạo, nhưng thấy Ta ăn thô thực, các vị ấy chán ghét Ta bỏ đi và nói: “Sa môn Gotama

nay sống đầy đủ vật chất từ bỏ tinh tấn khổ hạnh, trở lui đời sống sung túc”.

Và Aggivessana, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục ly bất thiện pháp chứng và trú Thiên Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Diệt tâm và tứ, Ta chứng và trú Thiên Thứ Hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiên Thứ Ba. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Xả lạc, xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiên Thứ Tư không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh, Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Sau khi chứng được bốn thiên xong, tâm Đức Phật thuần tịnh, trong sáng, nhu nhuyễn dễ sử dụng. Nên Ngài dẫn tâm đến Tam Minh.

“Với tâm định tỉnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng đến Túc Mạng Minh. Ta nhớ đến các đời quá khứ như một đời hai đời, ba đời, bốn đời năm đời mười đời, ba mươi, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Nay Aggivessana, đó là

Minh Thứ Nhất, Ta đã chứng trong đêm canh một vô minh diệt, minh sanh ám diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần như vậy. Nay Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đó là canh một lúc bấy giờ đức Phật chứng Túc Mạng Minh. Sau khi chứng xong Túc Mạng Minh Ngài tiếp tục hướng dẫn tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ngài chứng Thiên Nhân Minh.

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ v.v....Nay Aggivessana đó là Minh Thứ Hai Ta đã chứng được, trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật nhiệt tâm, tinh cần như vậy. Nay Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đó là canh giữa đức Phật đã chứng được Thiên Nhân Minh. Với tâm nhu nhuyễn dễ sử dụng đức Phật tiếp tục hướng dẫn tâm đến Lộ Tận Minh.

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng tâm đến Lộ Tận Trí. Ta biết như thật “Đây là khổ” biết như thật “đây

là nguyên nhân khổ” biết như thật đây là sự diệt khổ, biết như thật”. Đây là con đường đưa đến diệt khổ! biết như thật đây là những lậu hoặc, biết như thật đây là nguyên nhân của lậu hoặc, biết như thật đây là sự diệt trừ các lậu hoặc, biết như thật đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc, nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy. Ta khởi lên sự hiểu biết “Ta đã giải thoát”. Ta đã biết. “Sanh đã diệt phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa”. Đây Aggivessana, đó là Minh Thứ Ba mà Ta đã chứng được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Như vậy này Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Trên đây là bài kinh Đại Kinh Saccaka, trong bài kinh này đức Phật đã thuật lại quá trình tu tập của mình từ các pháp môn ức chế thân tâm của ngoại đạo để nhập các loại định tưởng và nhập được định tưởng cao nhất là Phi Tưởng Phi Tưởng Xứ Định, nhưng cuối cùng Ngài phải bỏ tất cả các pháp ức chế thân tâm này. Ngài sống trở lại đời sống bình thường của một tu sĩ ăn ngày một bữa sống không phóng dật, “Do Ta sống không phóng dật mà thành Chánh giác”.

Sau khi bỏ các pháp môn ức chế thân tâm của ngoại đạo Ngài hồi ức lại nhớ lúc còn bé đi theo vua cha trong

ngày lễ hạ điền. Vua cha xuống ruộng cày buổi cày đầu tiên để làm gương cho nhân dân.

Lúc bấy giờ đức Phật còn bé ngồi dưới bóng cây Diêm Phù Đề (Yambu) cây hồng táo nghỉ mát, Ngài ly dục ly ác pháp trong tâm chúng và trú Thiền Thứ Nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm có tứ. Ngài tự nghĩ: *“Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ. Đây là con đường giải thoát”*.

Sau khi ăn uống trở lại bình thường, sức khoẻ hồi phục, Ngài không còn khổ hạnh như trước. Ngài nỗ lực theo pháp môn lúc còn bé Ngài đã vô tình ngồi chơi mà thực hiện được. Theo đạo lộ này Ngài đã thuật lại cho chúng ta nghe trong 49 ngày tu tập: Tức là Ngài bắt đầu tu tập nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và Tam Minh. Sau khi tu tập xong Ngài làm chủ sanh, tử và chấm dứt luân hồi với pháp môn này rất rõ ràng. Vậy mà các nhà Đại Thừa dám phỉ báng pháp môn này là Thiền Phàm phu, là Thiền Tiểu Thừa, là Thiền Ngoại Đạo v.v....

Pháp môn này do đức Phật vô tình tìm ra trong lúc còn bé, chứ không có một Đạo sư ngoại đạo nào dạy, thế mà nhà học giả Đại Thừa cho rằng Alera Kalama dạy đức Phật tu, đó là một điều phỉ báng giáo pháp của Phật vô căn cứ, nếu không có bài kinh này chứng minh thì người sau không còn biết tin vào đâu.

Trong bài kinh Đại Kinh Saccaka đức Phật thuật lại từ pháp ức chế thân tâm của ngoại đạo và chỉ đến pháp

môn Tứ Thiên mà Ngài vô tình đã tìm ra được trong lúc còn bé mới có giải thoát. Nhờ Bốn Thánh Định này Ngài nhập xong, hướng tâm đến Tam Minh. Ngài phát giác ra lý Tứ Đế: “*Đây là khổ*” “*Đây là nguyên nhân khổ*”. “*Đây là sự diệt khổ*”. “*Đây là con đường đưa đến diệt khổ*”.

Ngoài đức Phật ra, không còn có một tôn giáo nào trên thế gian này thấy được bốn chân lý này. Thấy được bốn chân lý này, đức Phật bắt đầu khởi xướng đạo Phật ra đời.

Dựa vào bài kinh “*Đại Kinh Saccaka*” ta thấy đường lối tu tập của đạo Phật rất rõ ràng, cụ thể. Phân biệt đâu là pháp ức chế thân tâm, đâu là pháp xả tâm, thư giãn, diệt ngã, ly dục, ly bất thiện pháp, và còn cho ta thấy được đường lối tu tập của đạo Phật do một nhân duyên của chúng sanh kỳ lạ, một đứa bé (lúc đức Phật còn bé) đã ngồi dưới cây yambu (Diêm Phù Đề) nhập Sơ Thiên, một pháp môn thiên xả tâm, diệt ngã, ly dục, ly ác pháp tuyệt vời. “*Ta ly dục, ly bất thiện pháp chúng và trú Thiên Thứ Nhất*”. Theo như đoạn kinh này chúng ta tự hỏi. Tại sao một đứa bé 9, 10 tuổi mà biết được thiên xả tâm? Ai dạy? Cách thức tu tập như thế nào?

Vậy thiên xả tâm như thế nào mà một đứa bé 9, 10 tuổi đã nhập được một cách dễ dàng? Như chúng ta đã biết, muốn nhập được thiên xả tâm (Sơ Thiên) thì chỉ cần nương vào hơi thở khéo tác ý như trong kinh Nguyên Thủy dạy: “*Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra*” rồi lại hít vô thở ra khoảng 5, 10 hơi thở rồi lại khéo tác ý nhắc tâm “*Quán ly sân tôi biết tôi hít vô,*

quán ly sân tôi biết tôi thả ra”. Đó là mấu chốt tu tập thiền định của đạo Phật dùng Định Niệm Hơi thở khéo tác ý xả tâm ly dục ly ác pháp, để thành tựu tâm thanh tịnh, tức là tâm bất động định.

Khi tu tập các pháp môn của ngoại đạo, đức Phật dốc hết toàn lực tu tập nghĩa là ức chế thân tâm tối đa để mong đạt được cứu cánh giải thoát, nào ngờ toàn bộ công trình tu tập đến giờ phút cuối cùng chỉ còn là số “không”. Cũng giống như chúng ta hiện giờ, từ pháp môn Tịnh Độ, Mật Tông đến Thiền Tông, chúng ta cũng đem hết sức lực ra tu tập gần như suốt cả cuộc đời, nhưng nhìn lại cũng chỉ là số “không”.

Qua kinh nghiệm bản thân của chúng tôi tu tập các pháp môn của Đại Thừa và Thiền Đông Độ cũng vậy, chúng tôi mất tất cả hy vọng đối với Phật giáo. Chúng tôi cho rằng: các Tôn giáo nói được, chứ chẳng làm được, nhưng đã lỡ theo Phật giáo hơn nửa đời người, bây giờ trở về đời sống thế tục thì đã muộn màng còn tu tập chẳng ra gì “Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo”, tiến thoái lưỡng nan. Trong lúc lòng chúng tôi đang buồn bã, ưu sầu vì đường tu tập chẳng đến đâu. Nhớ đến lời Hòa Thượng Minh Châu và đảo mắt nhìn tủ kính sách: Nào là Hé Mở Cửa Giải Thoát, Nghiệp Dẫn Đi Trong Luân Hồi, Đường Vào Hiện Sinh, Phật Học Phổ Thông, Trái Tim Thiền Định, Đường Xưa Mây Trắng, Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, v.v.. Nào nề chúng tôi lấy tập 1 Trung Bộ Kinh, lật vài trang ra đọc cho khuấy khuấy.

Nhưng may mắn thay, gặp ngay bài kinh “Đại Kinh Saccaka”. Ngồi suy ngẫm, một đứa bé chín mười tuổi làm sao ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiên dễ dàng?

Tự đặt câu hỏi chúng tôi lần lượt phanh dần và đọc lại các bài kinh khác như: Tứ Niệm Xứ, Xuất Tức, Nhập Tức, Tứ Chánh Cần, v.v.. thì ra là phương pháp của Phật tu như vậy, chứ không như các pháp môn tu tập của Đại Thừa và Thiên Đông Độ. **Nên cuối cùng chúng tôi tập thử thấy có kết quả xả tâm có tâm tứ, có hỷ lạc và nhất tâm, một cách cụ thể, rõ ràng.**

Do đó chúng tôi quay sang 180 độ, bỏ sạch các pháp môn Thiên Tông và Đại Thừa. Chuyên ròng tu tập “Tam Vô Lậu Học”.

Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề tu tập ức chế tâm, dừng vọng tưởng có hại gì mà Minh Tông đã hỏi?

Tu ức chế tâm, dừng vọng tưởng có nhiều pháp:

1- Tịnh Độ Tông niệm Phật nhất tâm (Ức chế bằng câu niệm Phật, lực tự Di Đà).

2- Mật Tông ức chế tâm để có thần thông tưởng (niệm chú ức chế vọng tưởng).

3- Thiên Tông ức chế tâm dừng vọng tưởng bằng những pháp: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, chẳng niệm thiện niệm ác, chấn trâu, biết vọng liền buông, tham thoái dẫu, tham công án, sở tức quán, tùy tức, chỉ tức v.v..*” đều là những pháp ức chế tâm dừng vọng tưởng để đạt được

trạng thái khinh an xúc tưởng hỷ lạc v.v.. và các pháp tưởng mà Thiên Tông gọi là đốn ngộ, đại ngộ, triệt ngộ.

Tu những pháp này không có làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, nên không ích lợi thiết thực cho đời người, chỉ được cách thuyết giảng lừa đảo người khác dễ dàng nhờ có dục tưởng (khinh an) nhờ có pháp tưởng (triệt ngộ) nhờ có thần thông tưởng (linh ứng) và nhờ sắc tưởng (ánh sáng hào quang, thấy Phật, Tổ và các cõi Cực Lạc Tây phương).

Thời đức Phật tu hành, ngoại đạo hướng dẫn ức chế tâm tối đa: *“Này Aggivessana rồi ta suy nghĩ! “Ta hãy nghiên rằng dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp tâm đánh bại tâm ! thì mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Aggivessana như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại người ấy. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm tinh cần, tinh tấn tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”*.

Đây là cách ức chế tâm rất mạnh của đức Phật ngày xưa tu tập. Ngồi lâu thân sanh mỗi mệt và đau nhức, đức Phật vẫn tinh tấn chống lại khổ thọ để tu tập kéo dài thời gian. Tuy đau nhức, tâm đức Phật không bị chi phối, nhưng chẳng có giải thoát gì được cả. Đức Phật lại tu tiếp pháp hơi thở ức chế tâm tối đa: *“Này Aggivessana, rồi Ta*

suy nghĩ như sau: “Ta hãy tu thiền nín thở và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bễ đang thổi của người thợ rèn. Này Aggivessana, dầu Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Đức Phật tu thiền nín thở đầu tiên phát ra âm thanh tiếng gió thổi ngang qua lỗ tai rất là kinh khủng (phong tưởng thanh) khiến cho thân bị kích động không được khinh an, khổ thọ khởi lên nhưng không chi phối được tâm của đức Phật.

Lần thứ hai đức Phật tiếp tục tu tập thiền nín thở: “Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: Ta hãy tu thiền nín thở. Và này Aggivessana rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng ngang qua mũi và ngang qua tai thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu Ta, ví như một người lực sĩ chém đầu một người khác với một thanh kiếm sắc, dầu cho Ta có chí tâm tinh cần, tinh tấn, tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy tuy vậy khổ thọ ấy vẫn khởi lên nơi Ta được tồn tại, nhưng không chi phối tâm Ta”.

Lần thứ hai đức Phật tu thiền nín thở một ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu, đối với khổ thọ đó không chi phối được tâm của đức Phật.

Lần thứ ba, Đức Phật tu thiền nín thở thì một cảm giác đau đầu kinh khủng như ai lấy sợi dây cột quanh đầu xiết mạnh, cảm thọ đó khởi lên, nhưng không chi phối tâm Đức Phật: *“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy tu thiền nín thở”. Và Này Aggivessana, Ta nín thở vô thở ra, ngang qua miệng ngang qua mũi và qua tai. Ta cảm giác đau đầu kinh khủng, ví như một người lực sĩ lấy một sợi dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu và xiết mạnh. Này Aggivessana, dù Ta có chí tâm tinh cần tinh tấn tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh cần chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”*.

Lần thứ tư Đức Phật tu thiền nín hơi thở một cảm giác đau như ai cầm dao sắc bén cắt ngang qua bụng.

Lần thứ năm Phật cũng tu thiền nín hơi thở một sức nóng kinh khủng khởi lên như đốt người trên hố than đỏ, trong lúc đó một số chư thiên, tức là những người hiền đức bảo đức Phật đã chết, chưa chết, sắp chết v.v ...

Đó là những pháp môn thiền hơi thở ức chế tâm, đức Phật nín thở tới đa để mong tìm được sự giải thoát, nhưng do tu pháp ức chế hơi thở sai, đức Phật sắp gần chết. Ngài bỏ các pháp ức chế tâm, chuyển qua pháp ức

chế thân. Ngài dự định tuyệt thực hoàn toàn, nhưng có một số người hiền biết chuyện khuyên Ngài không nên tuyệt thực nếu Ngài tuyệt thực chúng tôi sẽ đem đồ ăn đồ cho Ngài.

“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy hoàn toàn tuyệt thực”. Rồi chư Thiên (tức là những người lành) đến với Ta và nói như sau: Này hiền giả chớ có hoàn toàn tuyệt thực, này hiền giả, nếu hiền giả hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đem thực phẩm đồ cho hiền giả và nhờ vậy hiền giả vẫn phải sống”.

Đó là sự suy tư ức chế thân tối đa để tìm sự giải thoát khi thân bị ức chế sẽ không còn tham, sân, si nữa. Đức Phật đã suy tư như vậy và cố thực hành cho bằng được. Nhưng nghe điều này một số thiện hữu đến ngăn cản. Vì tuyệt thực hoàn toàn sẽ mang đến cái chết, nếu chết là giải thoát thì bao nhiêu người đã chết nằm lơ lơ ngoài nghĩa địa là giải thoát hết sao.

Nghe lời khuyên có lý này, do đó đức Phật không tuyệt thực mà tiết thực để ức chế thân khiến cho thân thoát ra khổ dục và khổ ác pháp. Lần đầu tiên Ngài giảm thiểu sự ăn uống chỉ ăn ít từng giọt một, như cháo đậu xanh, cháo đậu đen, cháo đậu đỏ, vì ăn uống quá ít thân đức Phật hết sức gầy yếu giống như cọng cỏ, những đốt cây leo khô héo, bàn chân Phật giống như móng chân con lạc đà, xương sống phô bày giống như một chuỗi banh, xương sườn gầy mòn giống như rui cột một sàn nhà hư nát, hai con mắt long lanh nằm sâu thẳm trong hai lỗ con mắt giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong

một giếng nước thâm sâu. Da đầu Phật đã trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đắng cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhú khô cằn, đức Phật sờ da bụng, đụng xương sống, sờ xương sống đụng da bụng. Đi đại tiểu tiện thì ngã quỵ úp mặt xuống đất. Lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng cả nắm. Có người thấy vậy nói, da đức Phật đen thui, xám xịt, vàng sẫm.

Đức Phật đã từng sống khổ hạnh khốc liệt như thế mà vẫn không chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng là bậc Thánh, không có hay còn có một đạo lộ nào đưa đến giác ngộ chăng?

Ức chế tâm và ức chế thân tối đa như đức Phật từng sống và tu tập như vậy, nó không mang lại một sự giải thoát mà chỉ mang đến cho một sự khốc hại, như chúng tôi đã tu cách đây mười mấy năm. Nếu chúng sanh không có đủ duyên phước thì đức Phật không thể sống nổi qua những trận tu khổ hạnh, thì ngày nay đâu có Phật giáo truyền thừa trên thế gian này.

Tự ức chế tâm bằng pháp thiên ninh thổ thì tất cả pháp ức chế tâm của ngoại đạo, không có pháp nào ức chế bằng pháp này hơn được.

Tự ức chế thân bằng pháp môn tiết thực tối đa như đức Phật, thì cũng không có pháp môn tiết thực nào hơn được. Bởi vậy, bài kinh Tiếng Hống Sư Tử đã nói lên các pháp môn ức chế thân tâm rất rõ ràng và cụ thể. Xét cho cùng pháp ức chế thân tâm dù ít dù nhiều thì cũng không

bao giờ tìm được giải thoát. Muốn hiểu rõ sự tu tập ức chế thân tâm của đức Phật thì nên đọc lại bài kinh Đại Kinh Saccaka thì các bạn sẽ rõ pháp ức chế không đi đến giải thoát sanh tử, luân hồi mà đi đến sự khổ đau tồi tệ hơn nữa.

Các pháp môn của ngoại đạo phần nhiều cầu tha lực còn một số các pháp môn khác như: Thiền Đông Độ, Thiền Đại Thừa, Thiền Yoga, Thiền xuất hồn, Khí công, Nội công v.v ... đều là pháp dùng tưởng ức chế tâm cho nên chẳng có sự làm chủ khổ đau của kiếp người chỉ có một vài pháp thuật thần thông để lừa đảo người khác mưu cầu danh, lợi.

Minh Tông đã hỏi Thầy: “Ức chế vọng tưởng, tức là ức chế tâm có hại và có lợi gì?”.

Thầy sợ các con không đủ niềm tin, nên đã dẫn chứng một số bài kinh Phật để chứng minh cho các con thấy pháp môn ức chế tâm là những pháp môn đem đến tai hại rất lớn cho những người tu hành mà hầu hết các pháp môn Thiền Đông Độ và các pháp môn Đại Thừa đều dạy người tu tập ức chế tâm, nên từ xưa đến giờ nó đã giết chết ông cha và Thầy Tổ của chúng ta nhiều đời nhiều kiếp cho đến ngay bây giờ chúng ta cũng chết dần mòn với những pháp môn này, và ngày mai với những pháp môn này nó sẽ giết con cháu của chúng ta cũng sẽ chết dần mòn trong sự tu tập.

Bằng chứng qua sự kinh nghiệm tu hành của con (Minh Tông), con đã ức chế thân, ngồi trên vết thương rướm máu suốt sáu tháng trường mà đạt được những gì?

Trong lúc các con tu hành, kể ngồi sáu tiếng đồng hồ, người ngồi tám tiếng, ba tiếng, hai tiếng v.v.. Không có ai ngồi dưới một tiếng, đua nhau ngồi cho nhiều, nhưng kết quả chẳng ra gì, kể thì thuyết giảng lung tung như Diệu Thiện, thuyết ra toàn là pháp tướng, tướng giải, bị ma tướng ám ảnh; kể thì thở ra không thở vô suốt cả tám tiếng đồng hồ; người thì tuyên bố nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và thấy được bóng dáng Tứ Thiên, mãi cho đến hôm nay, con (Minh Tông) đã khắc ra máu ba lần. Lần thứ nhất khi khắc ra máu, Thầy bảo con đừng chỉ không được gom tâm ức chế tịnh chỉ hơi thở như vậy mà phải xả tâm diệt ngã ly dục ly ác pháp thì mới tịnh chỉ hơi thở được, con không nghe lời Thầy để xảy ra lần thứ hai rồi đến lần thứ ba, ra máu quá nhiều con mới sợ hãi và mới chịu bỏ gom tâm ức chế tịnh chỉ hơi thở.

Như vậy pháp môn ức chế tâm có lợi và có hại gì chắc con đã rõ thấu hơn ai hết. Vì suốt năm năm trời theo Thầy tu hành con đã dùng pháp môn ức chế thân tâm mà chẳng chịu nghe lời Thầy: *“Sống độc cư trọn vẹn để diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp thì mới đủ sức tịnh chỉ tâm tứ, hỷ tướng và hơi thở”*.

Qua bài kinh Song Tâm, bài kinh An Trú Tâm, bài kinh Xuất Tức Nhập Tức và Đại Kinh Saccaka thì con sẽ hiểu thế nào là ức chế tâm, thế nào là xả tâm.

Kẻ tu hành dùng pháp môn ức chế tâm chẳng bao giờ tịnh chỉ khẩu hành (tâm tứ), tịnh chỉ tưởng hành (ly hỷ), tịnh chỉ thân hành (hơi thở), tịnh chỉ ý hành (thọ tưởng) và chẳng bao giờ thực hiện được Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

Cô Diệu Hồng ngồi suốt 8 tiếng đồng hồ trong trạng thái an lạc, thế mà xả thiền ra bị Diệu Quang đập một đòn, phiền não sân hận nổi lên bỏ về Long Hải, thì thử hỏi ngồi 7,8 tiếng đồng hồ có ích lợi gì, cho cuộc sống. Ngồi để mà ngồi, như đức Phật nói: *“Nhập Vô Sở Hữu Xứ để mà nhập Vô Sở Hữu Xứ, chứ không có nghĩa gì”*.

Diệu Thiện ngồi thiền tịnh chỉ hơi thở từ 30 phút đến một giờ, thân bất động, tâm bất động có lợi ích gì cho bản thân, khi đọc bộ Đường Xưa Mây Trắng do Thầy Nhất Hạnh biên soạn rồi đem ra thuyết giảng lung tung, đang bị ma pháp tưởng mà không biết. Kết quả tu hành chẳng ra gì.

Suốt năm năm trời theo Thầy tu hành, rồi đây con cũng sẽ như các bạn con, cũng chẳng đi về đâu, chỉ vì không nghe lời Thầy, sống không độc cư trọn vẹn, không chịu diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, chỉ thích ngồi thiền ức chế tâm để nhập các định, nhưng các định ấy trở thành một giấc mơ.

(Hết tập 8 – Xin đọc tiếp Pháp Bảo tập 9)

SÓ NGU CHÔN GIAU

Mùa đông lạnh lẽo muôn trùng,
Thu thì lá rụng
Khắp cùng trần gian...
Đạo – Đời rối rắm vô vàn
Kẻ tu ẩn dật
Tướng mang áo đời.
Người tu đội lốt – ăn chơi
Kẻ vì lợi dưỡng (đua nhau lập chùa)
Bịp đời – giả tu (đạo Chùm gửi bám Bồ đề)
Làm sao biết được Sĩ – Ngu !?
– Tu không Giới đức là tu lợi, tình !...
Chơn tu – Giới hạnh luôn gìn
Ngày đêm miên mật
Giới kinh, hành Thiên
Sống đời thanh cao trọn hiền
Tuy còn cảnh tạm
Lòng chuyên đạo mẫu
Thiếu dục , tri túc làm đầu
Chẳng còn giông ruổi
Vọng cầu lợi , danh ...
Đến ngày chứng quả Tam minh
Thu , Đông sẽ chuyển
Mát lành Trường Xuân
Giác hoa đua nở từng bùng !...
Tuỳ duyên cứu khổ
– Chấn hưng pháp mẫu



